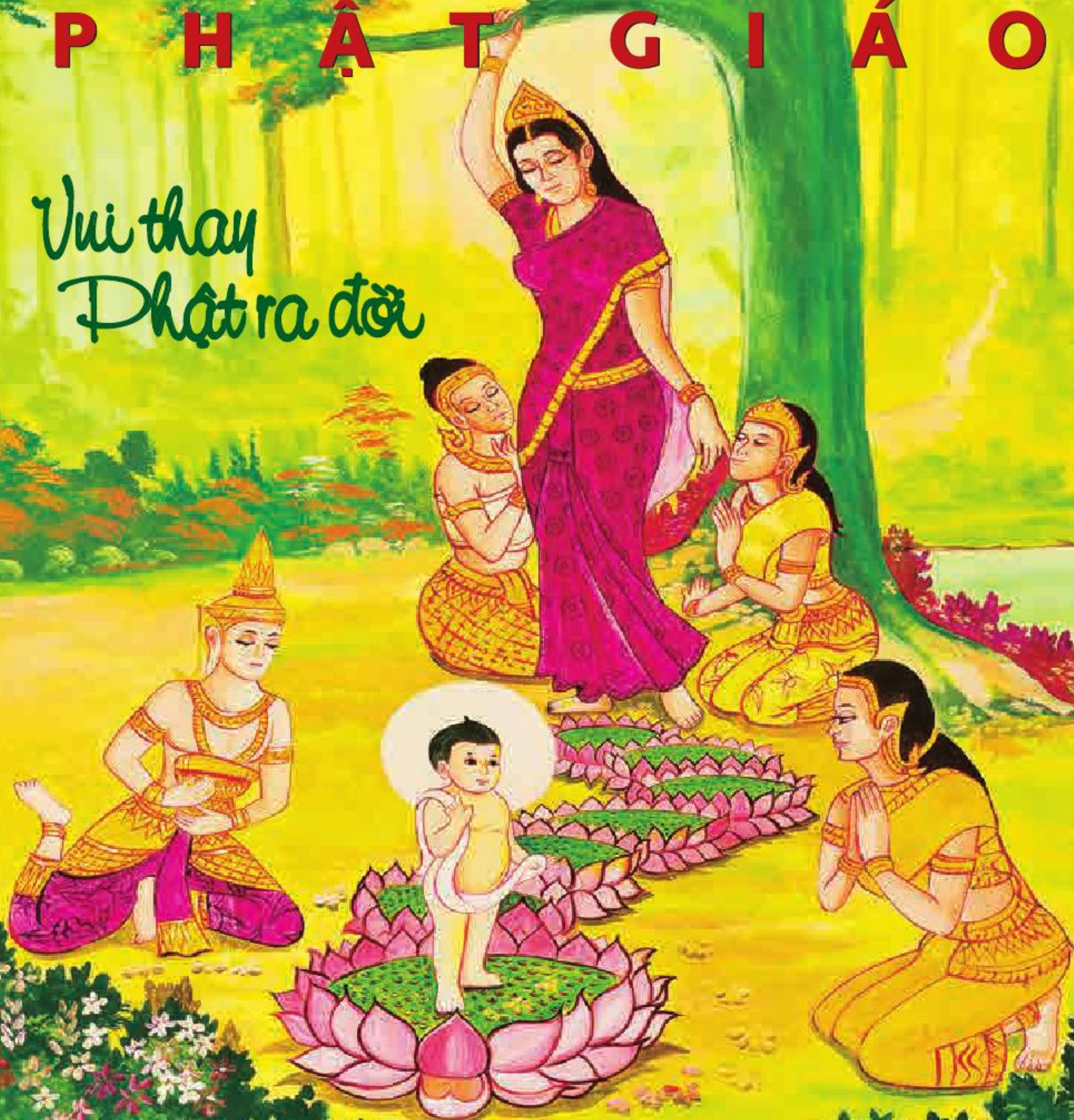


Số 200

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Vui thay
Phật ra đời



VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Số đặc biệt

200



KÍNH MỪNG ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN LIÊN HIỆP QUỐC VESAK 2014



TÔN HOA SEN
Mãi mãi gắn liền Việt



ÔNG NHƯ HOA SEN
Đã ngấm sâu trong lòng

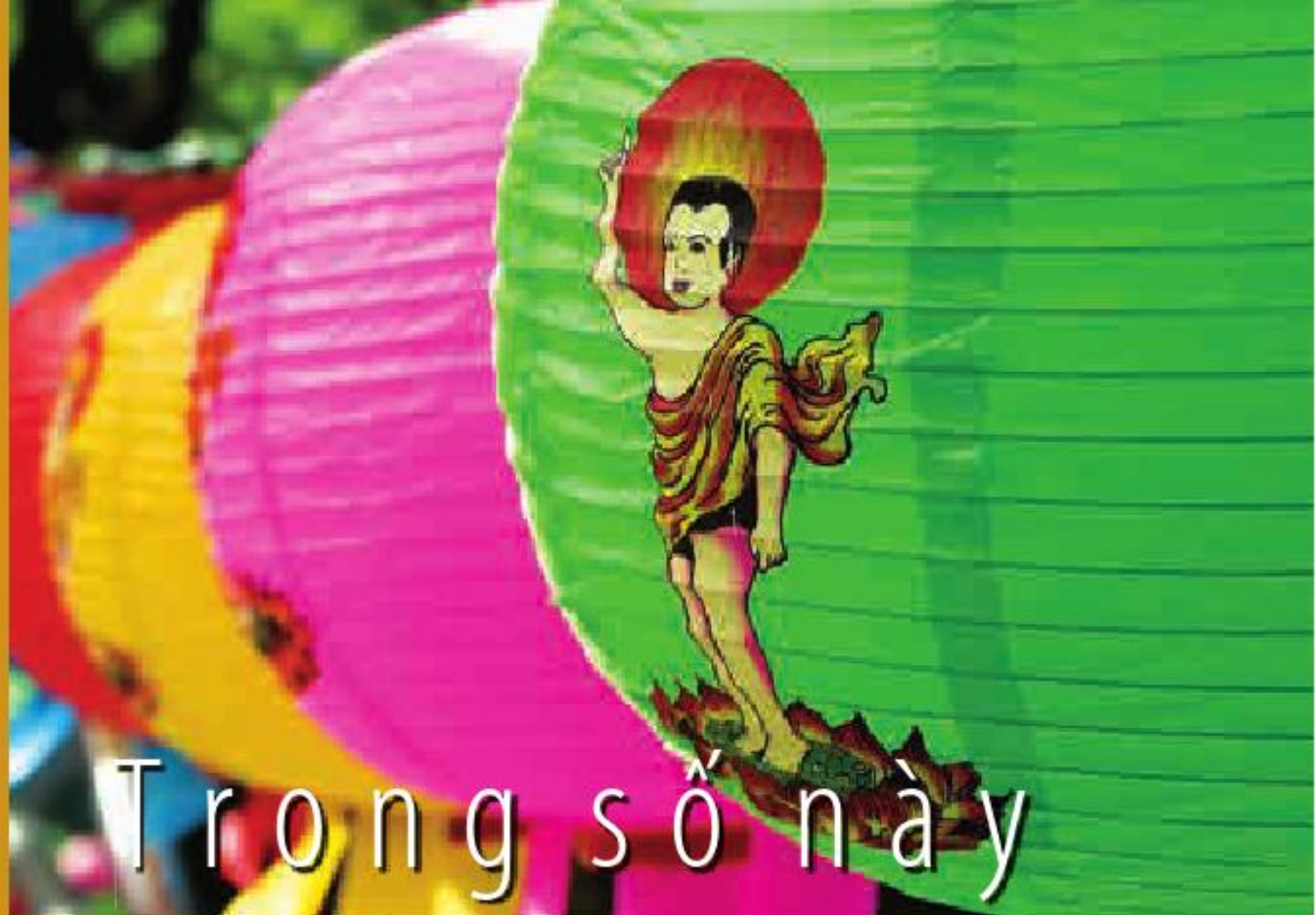
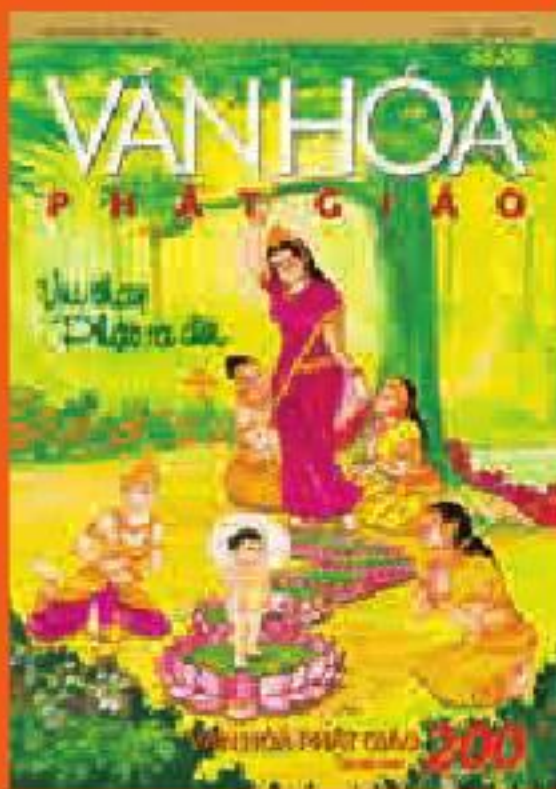


ÔNG KÈM HOA SEN
Bền vững đến tương lai

www.hoaingroup.vn * www.topsangnghiluc.vn

**TẬP ĐOÀN HOA SEN VINH DỰ ĐÓN NHẬN
GIẢI THƯỞNG "CÔNG TY ĐƯỢC QUẢN LÝ TỐT NHẤT CHÂU Á NĂM 2014"
DO TẠP CHÍ EUROMONEY TRAO TẶNG**





Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
khiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUÂN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Tri sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, ĐD: 0907 164 066

Quảng cáo
Cô Thu Sương, ĐD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhp@gmail.com
Tên tài khoản:
Tap chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Trích Thông điệp Phật đản PL.2558 của Đức Pháp chủ GHPGVN	3
Diễn văn Phật đản PL. 2558 của Ban Thường trực HĐTS GHPGVN	4
Sương mai	6
Phật Đản sanh: Con người giác ngộ xuất hiện (Diệu Hương)	7
Như huyễn và đại bi trong kinh Viên Giác (Nguyễn Thế Đăng)	10
Lời vàng xưa còn đó (Nguyễn Cẩn)	13
Nhú sen hồng mùa Phật đản (Trần Kiêm Đoàn)	16
Đồng đạo và đồng hành (Cao Huy Hóa)	18
Một đường lối truyền thông đặt nền tảng trên Trung đạo (Thị Giới)	20
Lý do học tập tại Học viện Phật giáo Việt Nam ở TP.HCM của Tăng Ni sinh (Thái Văn Anh)	23
Ý nghĩa về sự Đản sanh của Đức Phật (Thích Nữ Diệu Hương)	26
Tạo nền tảng tốt cho thiền định (Tỳ-kheo Thanissaro, Nguyễn Văn Nghệ dịch)	28
Thấy bệnh và thấy tánh (Hồ Dục)	32
Cảm nhận về ca khúc "Ánh Đạo Vàng" của nhạc sĩ Hằng Vang (Thích Quảng Trí)	36
"... Và nụ cười nổi trên môi" (*) (Đỗ Hồng Ngọc)	39
Hòa giải dân tộc nhìn từ góc độ từ bi hỷ xả (Trần Văn Chánh)	42
Một chút hương đời cho đạo (Tâm Ngọc Nguyễn Thị Minh Nguyệt)	44
Hãy sống với niềm vui tử tế (Trần Kiêm Hạ)	45
Mặt nạ da người (Hoàng Tá Thích)	48
Thơ (Trường Khánh, TK Vy Tiểu, Phạm Thị Thanh Vân, Trà Kim Long, Lê Đức Đồng, Phan Thành Minh)	50
Cuối cùng là màu trắng (Hồ Trung Liên)	52
Lời cảm ơn cuộc sống	55

Bìa 1: Vui thay Phật ra đời. Nguồn: **shutterstock.com**



Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Mùa Phật đản lại về, nhắc nhở người Phật tử trên khắp thế giới nhớ nghĩ đến hành trạng của Đức Phật. Mừng Đức Phật đản sanh là niềm vui lớn của mọi người: “Vui thay Phật ra đời, vui thay Pháp được giảng”. Văn Hóa Phật Giáo xin được hòa chung trong niềm vui ấy và xin dâng lên Đức Từ Phụ niềm hạnh nguyện thiết tha là mãi mãi được góp phần gìn giữ và truyền bá những lời dạy thấm đẫm từ bi và trí tuệ của Đức Phật, với mong muốn đem những lời dạy ấy vào cuộc đời; cùng với tất cả mọi người xây dựng một xã hội hiền thiện, an hòa, hạnh phúc.

Vào mùa Phật đản năm nay, Phật lịch 2558, niềm vui của VHPG còn được nhân lên gấp bội khi số báo đặc biệt mừng Đại lễ Phật đản của VHPG cũng là số báo thứ 200 mà Tạp chí đã phát hành liên tục trong suốt gần mười năm qua. Hai trăm số báo, gần mười năm trời, tuy chẳng có gì lớn lao nhưng đã là cả một quãng đường đầy khó khăn, đầy nỗ lực của VHPG để có thể phục vụ được quý độc giả theo đúng tinh thần ban đầu của tờ báo. Trên hết, sự cố gắng của tờ báo đã gặp được những tâm hồn đồng cảm, đã nhận được những sự khích lệ quý báu và luôn đúng lúc của những vị thiện tri thức; nhờ đó chủ trương đúng của tờ báo đã luôn được giữ vững. Nhìn lại hành trình đã qua, VHPG thực sự biết ơn sự ủng hộ của quý độc giả, các cộng tác viên, ân nhân và thân hữu; chính sự ủng hộ đó đã là động lực và sự sách tấn, nhắc nhở VHPG luôn luôn vững lòng trước rất nhiều khó khăn có lúc tưởng chừng không thể vượt qua.

Trong không khí rộn rã chào đón Đại lễ Phật đản Phật lịch 2558 trên cả nước, nguyện cầu Tam bảo gia hộ thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc, đất nước thịnh vượng, Phật pháp trường tồn. Kính chúc quý độc giả được sức gia trì của Tam bảo, thân tâm tịnh lạc.

Văn Hóa Phật Giáo

Trích Thông điệp

của Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam
gửi Tăng Ni, Phật tử nhân dịp
Đại lễ Phật đản Liên Hợp Quốc (Vesak)
Phật lịch 2558 – Dương lịch 2014

● ● ●
Hòa trong niềm vui chung của nhân loại và dân tộc, Tăng, Ni, Phật tử chúng ta cũng hân hoan trước sự thành công của Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ VII đã mở ra một trang sử mới cho Phật giáo Việt Nam. Hiện nay, các cấp Giáo hội, Tăng, Ni, Phật tử Giáo hội Phật giáo Việt Nam đang nỗ lực thực hiện, triển khai Nghị quyết Đại hội, biến Nghị quyết Đại hội trở thành hiện thực; đồng thời, tích cực tham gia các hoạt động nằm trong khuôn khổ của Đại lễ như nghi lễ cầu nguyện hòa bình thế giới, biểu diễn văn hóa nghệ thuật Phật giáo và văn hóa dân tộc Việt Nam, thực hiện công tác từ thiện xã hội, tưởng niệm tri ân các bậc tiền nhân, anh hùng liệt sĩ, góp phần xây dựng xã hội công bằng dân chủ văn minh trong thời kỳ hội nhập và phát triển của thế giới. Đó là những Phật sự có ý nghĩa quan trọng của Tăng, Ni, Phật tử Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành tâm kính dâng lên Đức Từ Phụ nhân ngày Đản sinh của Ngài.

Thay mặt Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi có lời tán thán công đức của Quý liệt vị và cầu nguyện Đức Từ Phụ gia hộ cho thế giới được hòa bình, chúng sanh được an lạc, hạnh phúc đến với mọi người và tất cả các hoạt động Phật sự của chúng ta được thành tựu viên mãn.

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật tác đại chứng minh

TM. Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh
Giáo hội Phật giáo Việt Nam
Pháp chủ
Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ
(ấn ký)



Diễn văn Phật đản

Phật lịch 2558

của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam

*Kính bạch chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Tăng Ni
Kính thưa quý Phật tử trong và ngoài nước*

Tháng Tư, mùa hạ âm lịch, tức tháng 5 dương lịch và cũng là tháng thứ hai, tháng mưa, tháng Vesakha theo lịch cổ của Ấn Độ. Vào ngày trăng tròn của tháng này, cách đây 2.638 năm, tại vườn Lâm-tỳ-ni nước Ca-tỳ-la-vệ thuộc Ấn Độ cổ, nay thuộc lãnh địa của Cộng hòa Dân chủ Liên bang Nepal, Đấng Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni đản sanh. Đại sự nhân duyên hy hữu này được miêu tả rằng mặt đất rung động theo nhiều cách, thiên hoa tung rải, thiên nhạc vang lừng... Ánh sáng từ kim thân Ngài là Ánh Đạo Vàng, mở đầu lịch sử của trí tuệ, từ bi, của tri kiến Phật, của Khai, Thị, Ngộ, Nhập cho chúng sinh trên toàn hành tinh này thoát khỏi mê lầm, u tối, tiến đến Niết-bàn an lạc vĩnh cửu.

Truyền thống lấy ngày trăng tròn của tháng 5 dương lịch để làm Đại lễ Kỷ niệm ngày Khánh đản của Đấng Thế Tôn đã có từ lâu tại một số quốc gia có tín ngưỡng Phật giáo, nhưng đến năm 1950, trong Hội nghị lần đầu tiên, Hội Liên hữu Phật tử Thế giới (WFB) mới chính thức đề nghị toàn thể Phật tử trên thế giới chính thức chấp nhận ngày này. Đến ngày 15-12-1999, Liên Hiệp Quốc trong phiên họp khoáng đại thứ 79, đã quyết định công nhận Vesak là ngày Đại lễ Quốc tế với lý do Phật giáo là một trong những tôn giáo lâu đời nhất, đã đóng góp cho nền hòa bình, văn hóa, giáo dục nhân bản từ hơn 2.500 năm và tiếp tục đóng góp tốt đẹp cho tinh thần nhân loại. Vesak là đại lễ kỷ niệm ngày Đản sanh, Thành đạo và Nhập diệt của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni.

Trong thời đại mới, Phật giáo đã phát triển mạnh mẽ trên khắp thế giới. Phật giáo Việt Nam cũng đã có những phát triển rất khả quan. Càng ngày, uy tín của Giáo hội càng sâu đậm, rộng rãi trong nước và đối với các cộng đồng Phật tử thế giới. Năm năm trước, chúng ta đã tổ chức thành công Đại lễ Vesak quốc tế; năm nay, chúng ta cũng vô cùng hoan hỷ vì một lần nữa được Chính phủ cho phép Giáo hội Phật giáo Việt Nam đăng cai tổ chức Đại lễ Vesak rất hoành tráng, trang nghiêm và trọng thể.

“Vui thay Phật ra đời. Vui thay Pháp được giảng”. Trong niềm hoan hỷ đón mừng ngày Khánh đản thiêng liêng, chúng ta quyết tâm tu tập và hoằng bá Phật pháp. Hoàn cảnh, phương tiện hoằng pháp của chúng ta ngày càng thuận lợi, phong phú. Các tự viện, các pháp khí, các khóa tu, các buổi giảng, kinh sách, báo chí và nhiều phương tiện truyền thông khác đã giúp cho việc hoằng pháp được rộng rãi, dễ dàng và có hiệu quả cao; thu hút, mời gọi, tạo tín tâm cho đông đảo Phật tử; nhất là tại các thành phố trên khắp cả nước. Nhưng, vẫn còn một điều gì đó thiếu cân đối: Chúng ta cần chuyển tải nhiều hơn về giáo lý của Đức Phật, niềm tin Phật, sự an bình trong đời sống vật chất và tâm linh đến các vùng sâu vùng xa, đến các biên địa, đến các vùng biển đảo máu thịt của đất nước chúng ta, nhất là các kiều bào Phật tử đang định cư và sinh sống ở nước ngoài. Rất nhiều Phật tử đến chùa lễ Phật nghe giảng, nhưng chư Tăng Ni đến với các Phật tử, nhất là ở các vùng xa xôi, lại chưa được nhiều. Chúng ta chớ quên lời khuyên dạy của Đức Phật khi giáo đoàn mới được thành lập: “*Này các Tỳ-kheo, hãy đi đi, đi khắp mọi nơi vì hạnh phúc của số đông, do lòng từ bi đối với cuộc đời, vì lợi lạc và hạnh phúc của Trời và Người*”.

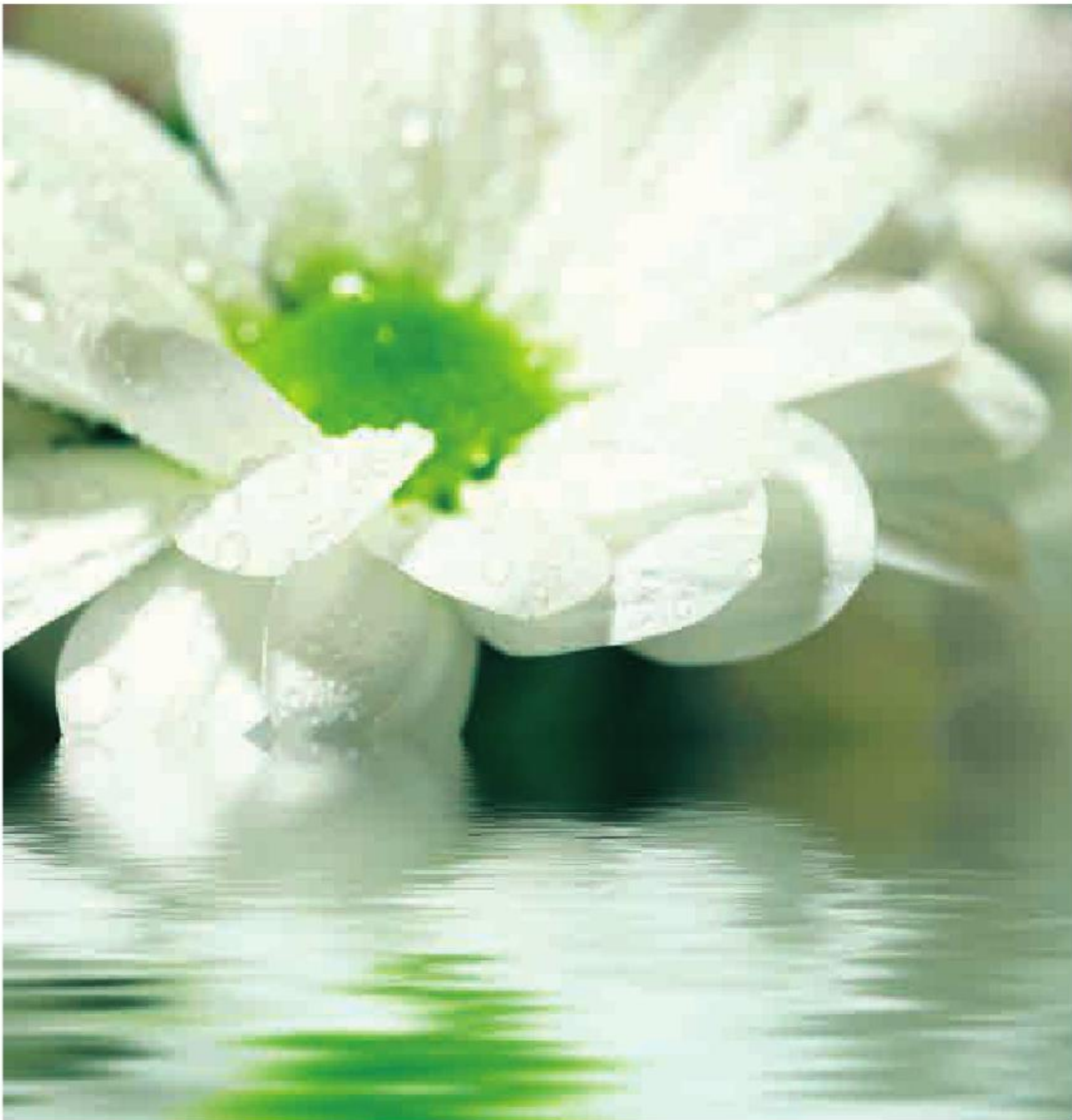
Mùa hạ, lại một lần nữa an cư của chư Tăng Ni và là một dịp để các Phật tử thực hiện tinh thần cận sự bằng thân, khẩu, ý. An cư cũng là truyền thống của nhiều đoàn du sĩ tại Ấn Độ cổ, nhưng chỉ có an cư của giáo đoàn Phật giáo là nhằm mục đích tu học, tinh tấn trong đạo nghiệp, lợi lạc tự thân, ích lợi xã hội. Tôi nghĩ, điều cần nhấn mạnh trong mùa An cư này là chư Tăng Ni Phật tử cần thực hiện tinh tấn trong tu học. Tinh tấn là sự nỗ lực để siêng năng, dũng mãnh, tiến bộ trong tu học, trong việc hành thiện. Tinh tấn là một chi phần trong Bốn chánh căn, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Tám chánh đạo, Sáu hay Mười ba-la-mật. Tông Câu-xá kể tinh tấn là một

trong mười đại thiện pháp; tông Duy thức gọi tinh tấn là một trong mười một thiện tâm sở. Tinh tấn nhằm vượt qua sự trì trệ, tính giải đãi, lười biếng, sự mong cầu yên thân của cá nhân, vô cảm với mọi người, mọi sự, những thái độ trái với tinh thần vô ngã vị tha của Phật giáo. Vì vậy, chính tinh tấn giúp cho Tăng Ni Phật tử, các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam hoàn thành công tác Phật sự, lợi đạo, ích đời, thực hiện có hiệu quả chương trình hoạt động Phật sự mà Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ VII đã đề ra.

Kính thưa quý vị

Nhân ngày Khánh đản của Đức Bổn sư Thích-ca Mâu-ni, chúng ta hãy lắng lòng tưởng nhớ đến Đức Thế Tôn, một đấng từ bi vô lượng, trí tuệ vô biên. Chúng ta hoan hỷ như được tắm gội, thấm nhuần ánh đạo vàng và quyết tâm tu tập, tinh tấn cho bản thân, góp phần tạo an vui, hạnh phúc, phồn vinh cho đất nước, cho Giáo hội, cho toàn thể chúng sanh.

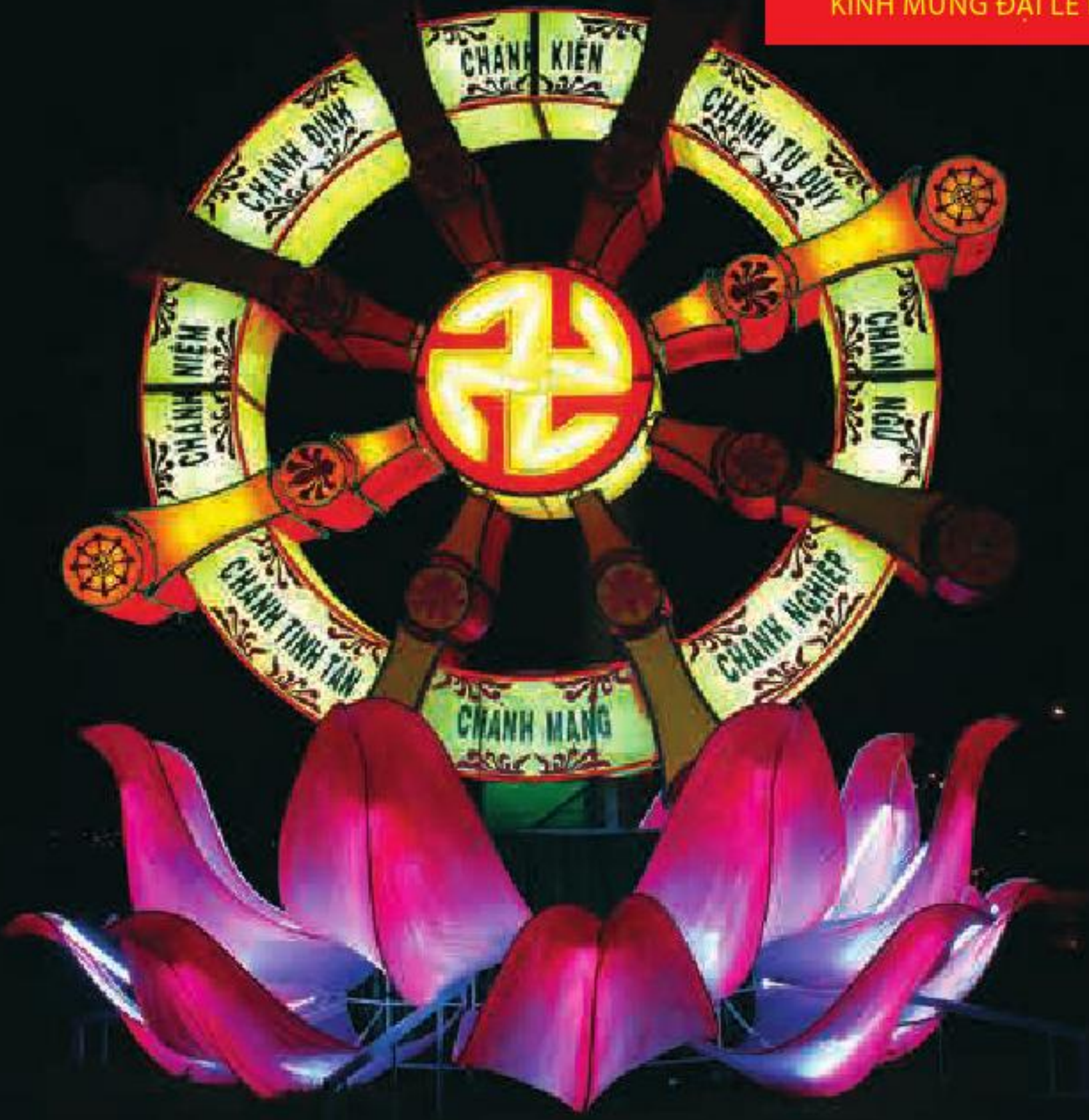
NAM-MÔ BỔN SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT





**Như Lai sinh ra ở đời là bậc A-la-hán, Chánh đẳng giác, Minh hạnh
túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu,
Thiên Nhân sư, Phật, Thế Tôn.**

Tiểu kinh Ví dụ dấu chân voi - Trung Bộ



Phật đản sanh: Con người giác ngộ xuất hiện

DIỆU HƯƠNG

Một người, này các Tỳ-kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Một người ấy là ai? Chính là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác¹.

Những ngày này, nhân loại ở khắp nơi trên thế giới đang hân hoan hướng về lễ kỷ niệm Đản sanh lần thứ 2.638 của Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni, bậc Đạo sư của chư Thiên và loài Người. Ngài ra đời ở Ấn Độ vào thế kỷ thứ bảy trước Tây lịch. Mặc dù đã hơn 26 thế kỷ trôi qua, sự thị hiện Đản sanh của bậc Đại giác Thế Tôn ở trên cõi đời vẫn luôn luôn là sự kiện mang lại nhiều ý nghĩa lợi lạc cho nhân thế, vì lẽ sau bao nhiêu biến cố con người đã nhận ra yếu tính của giác ngộ trong cuộc sống và hiểu ra rằng Đức Phật xuất hiện là đồng nghĩa với con

người giác ngộ trong mỗi chúng sinh xuất hiện. Con người giác ngộ trong chúng sinh xuất hiện thì nhân loại hết mê lầm, hết tranh chấp, hết sầu muộn khổ đau. Hơn 26 thế kỷ trước, Đức Thế Tôn đã tuyên bố với nhân thế:

“Này các Tỳ-kheo, Như Lai là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Này các Tỳ-kheo, hãy lắng tai, Pháp bất tử đã chứng được, Ta sẽ giảng dạy, Ta sẽ thuyết pháp. Nếu các người đi theo con đường Ta chỉ dạy thì không bao lâu, sau khi tự tri, tự chứng, tự đạt ngay trong hiện tại, các người sẽ đạt được mục đích vô thượng của Phạm hạnh”²

Lời khẳng quyết của Như Lai cho nhóm năm Tỳ-kheo đầu tiên trước lúc đấng Giác ngộ chính thức chuyển vận bánh xe Chánh pháp bằng bài pháp thoại nói về Tứ diệu đế tại xứ sở Banares xác nhận rất rõ quan niệm nền tảng của đạo Phật: Tất cả chúng sinh đều có Phật tính, đều có khả năng thành tựu mục tiêu giác ngộ. Phật là người đã đạt đến giác ngộ nhờ biết phát huy các tiềm năng giác



ngộ của chính Ngài. Chỉ cần đi theo con đường do Phật chỉ bày thì hết thảy mọi người đều có thể đạt được mục đích cứu cánh của Phạm hạnh, hoàn thiện chính mình, trở thành bậc giác ngộ giống như Phật.

Không ai khác chính mỗi người là chủ nhân của cuộc đời mình. Giác ngộ hay mê lầm, thanh tịnh hay nhiễm ô, hạnh phúc hay khổ đau, hoàn toàn không do ai khác quyết định và không thể trông chờ từ đâu khác, ngoài ý chí nỗ lực và trí tuệ của chính mình. Phật tiếp tục khai sáng con người giác ngộ trong mỗi chúng sinh bằng sự xác tín về ý thức tự quyết và trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với vận mệnh khổ đau hay hạnh phúc của chính mình:

*Tự mình, điều ác làm,
Tự mình làm nhiễm ô;
Tự mình, ác không làm,
Tự mình làm thanh tịnh.
Tịnh, không tịnh, tự mình,
Không ai thanh tịnh ai.³*

Để giúp cho nhân loại phát huy tiềm năng giác ngộ của chính mình, đạt đến thanh tịnh hay thực hiện mục tiêu hạnh phúc Niết-bàn, Đức Phật nêu rõ một con đường và khuyên mọi người nên nỗ lực bước đi trên con đường ấy bằng cách thực hiện một nếp sống hiền thiện thông qua việc nuôi dưỡng và phát huy tám đức tính chơn chánh hay tám tiềm năng giác ngộ có sẵn trong chính mình gồm Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định. Đây được gọi là Thánh đạo tám ngành, tức con đường Giới-Định-Tuệ do bậc Giác ngộ giảng dạy hay còn gọi là nếp sống nuôi lớn giới đức, tâm đức, tuệ đức của con người, có khả năng đưa nhân loại đạt đến cứu cánh giác ngộ, cứu cánh Niết-bàn, chấm dứt hoàn toàn mọi phiền não khổ đau.

Chánh tri kiến (*Sammà-ditthi*) hay còn gọi là quan

điểm đúng đắn, ngụ ý một đường lối nhận thức chơn chánh có khả năng đưa con người ra khỏi các mê lầm khổ đau. Đó chính là sự hiểu biết rõ ràng về bản thân mình và thế giới chung quanh, về mối tương hệ mật thiết giữa bản thân mình và môi trường chung quanh, về lẽ thiện ác và nhân quả của các hành vi thiện ác, về hạnh phúc và khổ đau ở trên đời là hoàn toàn do hành động thiện hay bất thiện (thiện nghiệp hay ác nghiệp) của con người quyết định.

Chánh tư duy (*Sammà-sankappa*) hay lối suy nghĩ đúng đắn, tức những suy tư chơn chánh hiền thiện, không liên hệ đến dục tham, không liên hệ đến sân hận, không liên hệ đến si mê hay tà kiến, có công năng dẫn dắt đời sống chơn chánh hiền thiện của con người, hướng con người đến chân-thiện-mỹ. Nói cách khác, đó chính là những suy tư trong sáng hiền thiện, không bị tham-sân-si chi phối, không đưa đến hại mình, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai mà thuật ngữ Phật học gọi là ly dục tư duy, vô sân tư duy, bất hại tư duy.

Chánh ngữ (*Sammà-vàcà*) hay lời nói đúng đắn, tức những lời nói chơn chánh hiền thiện, có công năng hướng thiện cho con người và cuộc đời, mang đến cho con người niềm tin tưởng, hân hoan, hướng thiện, ý tưởng lợi lạc. Đó là những lời nói trong sáng hiền thiện, không bị tham-sân-si chi phối, những lời nói chân thật, không giả dối, ngay thẳng, không quanh co, tào nhả, không thô bạo, có lợi ích, không phù phiếm, chỉ đưa đến lợi mình, lợi người, lợi cả hai, không đưa đến hại mình, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai.

Chánh nghiệp (*Sammà-kamma*) hay thân hành đúng đắn, ngụ ý những hành động chơn chánh hiền thiện, sáng suốt, có từ tâm, có lòng tôn trọng đối với hạnh phúc của người khác. Đó chính là sự nỗ lực làm các việc thiện lành đưa đến lợi lạc cho mình và lợi lạc cho người, quyết tâm từ bỏ các hành vi ác bất thiện

đưa đến hại mình và hại người như sát hại sinh linh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục.

Chánh mạng (*Sammà-àjiva*) hay nuôi sống đúng đắn, tức là sinh sống theo chánh đạo, thực hiện việc sinh sống bằng các phương tiện chơn chánh hiền thiện, không để cho lòng tham dục chi phối và dẫn dắt, sinh sống với thái độ tri túc, cốt yếu là để tu nhân tích đức, không vì lý do sinh tồn mà rơi vào các việc làm sai trái xấu ác hay theo đuổi các nghề nghiệp không lương thiện.

Chánh tinh tấn (*Sammà-vàyàma*) hay sự nỗ lực đúng đắn, ngụ ý sự quyết tâm dẫn dắt đời mình theo chánh đạo để đạt cho được mục tiêu cứu cánh giác ngộ; kiên quyết dứt trừ mọi điều ác, nỗ lực làm các việc lành; chuyên tâm hành sâu về con đường giới-định-tuệ để đạt cho được cứu cánh giải thoát, cứu cánh Niết-bàn.

Chánh niệm (*Sammà-sati*) hay chú tâm nhận diện đúng đắn về các pháp hay các hiện tượng, ngụ ý sự tỉnh giác xem xét hay quán sát về các hoạt động của thân thể (quán thân trên thân), các hiện trạng cảm xúc (quán thọ trên các cảm thọ), các hiện trạng tâm thức (quán tâm trên tâm) và diễn tiến của sắc pháp và tâm pháp (quán pháp trên các pháp), thấy rõ chúng là các hiện tượng duyên sinh, chịu sự thay đổi, không thường hằng, không làm chủ được nhằm loại trừ tập quán tham ái, buông bỏ chấp thủ, đạt đến tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Chánh định (*Sammà-samàdhi*) hay sự định tâm đúng đắn, ngụ ý sự chuyên tâm hành trì thiền định để tâm được điều phục, được thanh lọc, được chuyển hóa, đạt đến định tĩnh, trong sáng, thuần tịnh, nhất tâm. Đó chính là sự nỗ lực loại trừ năm triền cái (tham, sân, hôn trầm, trạo hối, nghi), thu nhiếp tâm trên một đối tượng chọn lựa, lần lượt chứng nghiệm các trạng thái định tâm thuộc về sắc giới như "hỷ lạc do ly dục sinh" ở Thiền thứ nhất, "hỷ lạc do định sinh" thuộc Thiền thứ hai, "xả niệm lạc trú" thuộc Thiền thứ ba, "xả niệm thanh tịnh" thuộc Thiền thứ tư. Nói cách khác, đó là phương pháp huấn luyện tâm do công phu hành thiền, qua đó tâm thức lần lượt đạt đến định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản, có khả năng giúp cho hành giả hướng đến sự chứng đắc tam minh (Túc mạng minh, Thiên nhãn minh, Lậu tận minh), đoạn tận các lậu hoặc, chấm dứt hoàn toàn mọi khổ đau.

Trên đây là con đường đi đến giác ngộ hay nếp sống đưa đến hoàn thiện nhân tính mà đấng Đại giác Thế Tôn đã khai thị cho nhân loại ngay trong bài thuyết pháp đầu tiên sau khi Ngài giác ngộ và khẳng định tiềm năng giác ngộ vốn có trong mỗi chúng sinh. Kể từ thời điểm ấy, Thánh đạo do bậc Giác ngộ tuyên thuyết đã đóng vai trò dẫn dắt nếp sống giác ngộ hiền thiện của bao thế hệ Tăng Ni Phật tử ở khắp nơi trên hành tinh và cho đến nay vẫn tiếp tục sứ mạng hướng thiện cho đời sống của con người trong thế giới hiện đại, góp phần làm lợi lạc cho vô số chúng sinh.

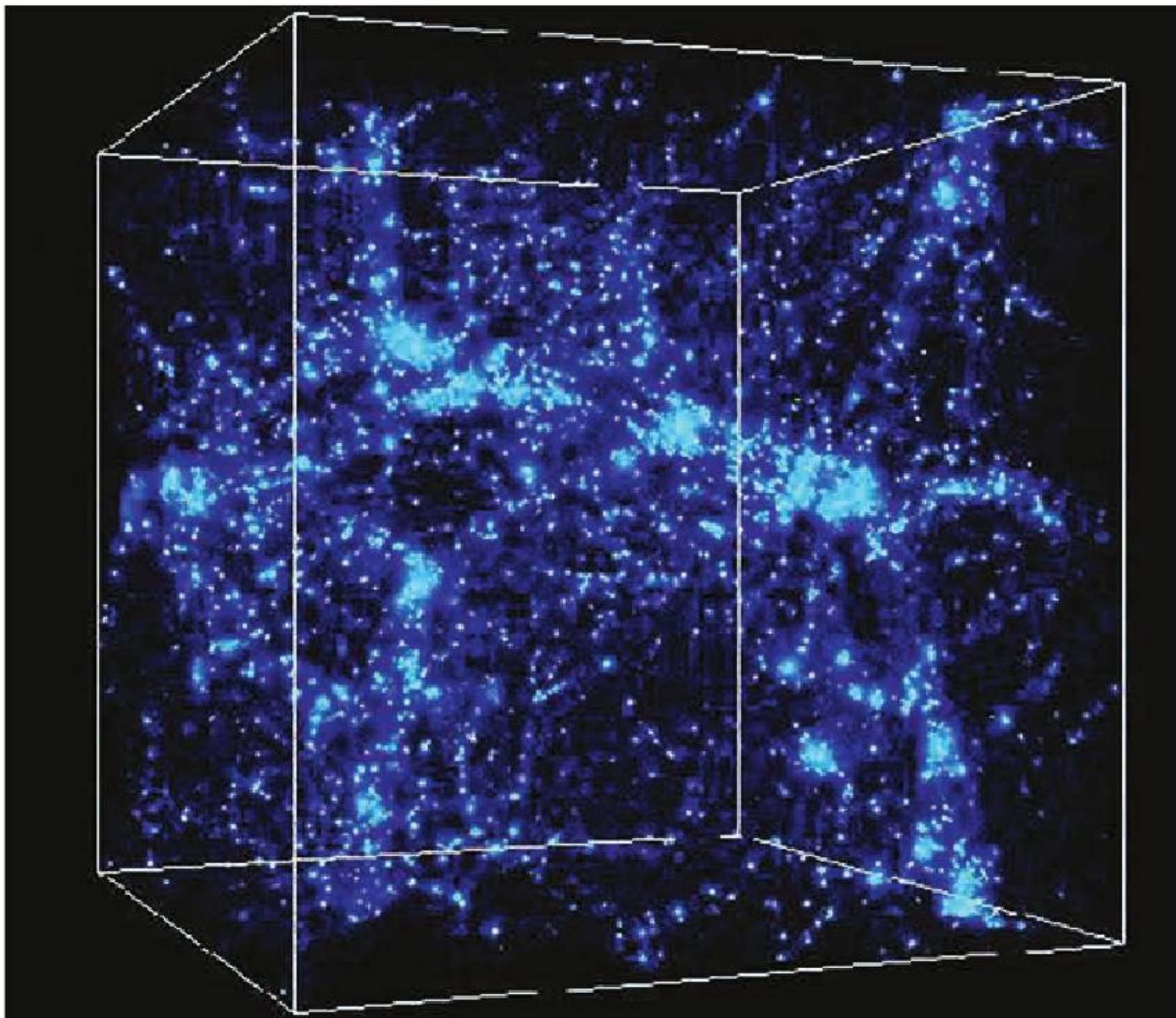
Tóm lại, Đức Phật xuất hiện ở đời là vận may lớn cho toàn nhân loại. Ngài ra đời đã mở ra một hướng đi hoàn toàn mới mẻ và lợi lạc cho nhân thế. Đó là lần đầu tiên trong lịch sử, con người được xác chứng về tiềm năng giác ngộ có mặt trong chính mình, cùng lúc được chỉ bày về cách thức nhằm phát huy tiềm năng giác ngộ vốn có của chính mình. Đây hẳn là công đức lớn nhất mà bậc Đại giác Thế Tôn đã làm cho con người và cho cuộc đời. Chính sự phát hiện và khai minh về hai yếu tố giác ngộ cao quý này cho nhân thế đã khiến cho Đức Phật trở thành bậc Đạo sư vĩ đại nhất trong lịch sử loài người. Bởi lẽ chỉ có bậc Chánh Đẳng Giác như Đức Phật mới có cái nhìn toàn triệt về chúng sinh và mới có thể mở ra một con đường thật sự đưa đến giác ngộ, đưa đến lợi lạc cho muôn loài hữu tình. Trong một cuộc đàm đạo với vị vua Hy Lạp Manender, Nagasena nói rằng giáo pháp giác ngộ do bậc Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết giống như "một trận mưa lớn đổ xuống trần gian nắng hạn lâu ngày khiến thấm sâu vào vô lượng chúng sinh, làm cho muôn vật đâm chồi nảy lộc, người người no vui hỷ lạc, thịnh mãn phước báo, sanh trưởng đức tin và trí tuệ, tẩy sạch bụi bặm cấu uế, dập tắt lửa tham sân si. Khi nước từ bi ấy chảy tràn qua lịch sử, chảy qua các quốc độ, chảy qua thời gian, có mặt ở đâu thì ở đó không có hận thù, oan trái, kẻ cướp bóc đao, hung dữ mỉm cười, tình tương thân tương ái, thuận hòa làm mát mẻ trái tim, làm phơi phơi lòng người"⁴.

Nhân loại sẽ luôn luôn nhớ đến Đức Phật với lòng kính ngưỡng vô biên vì những gì lợi lạc mà Ngài đã đem lại cho cuộc đời. Trong cảm thức sâu lắng của chư vị đệ tử hiền trí, Đức Thế Tôn là vị Đạo sư có một không hai của loài người mà sự xuất hiện của Ngài trên cõi đời là đồng nghĩa với giác ngộ xuất hiện, hạnh phúc xuất hiện, con người giác ngộ xuất hiện, thế giới an lạc xuất hiện, vì "Thế Tôn là bậc làm cho khởi dậy con đường trước đây chưa từng được hiện khởi, làm cho biết con đường trước đây chưa từng được biết, nói lên con đường trước đây chưa từng được nói."⁵ Thế Tôn đã giác ngộ, Ngài thuyết pháp để giác ngộ (người khác). Thế Tôn đã điều phục, Ngài thuyết pháp để điều phục. Thế Tôn đã tịch tĩnh, Ngài thuyết pháp để tịch tĩnh. Thế Tôn đã vượt qua, Ngài thuyết pháp để vượt qua. Thế Tôn đã chứng Niết-bàn, Ngài thuyết pháp để (người khác) chứng Niết-bàn"⁶.

Trong niềm hân hoan đón mừng Đản sanh, chúng ta kính nguyện đấng Giác ngộ tiếp tục thị hiện để cho con người giác ngộ trong mỗi chúng sinh tiếp tục được đánh thức, tiếp tục được khai sáng, tiếp tục xuất hiện trên cõi đời còn lắm mê chấp khổ đau này. ■

Chú thích:

1. Kinh Như Lai, *Tăng Chi Bộ*.
2. Kinh Thánh cầu, *Trung Bộ*.
3. *Pháp Cú*, kệ số 165.
4. Thích Giới Nghiêm, *Mi Tiên vấn đáp*, tr.840-841.
5. Kinh Gopaka Moggallàna, *Trung Bộ*.
6. Tiểu kinh Saccaka, *Trung Bộ*.



Như huyễn và đại bi trong kinh Viên Giác

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

1 Trí huệ thấy huyễn

Kinh *Viên Giác* là một kinh chuyên về trí huệ, ngay đầu đề kinh đã nói lên điều đó. Viên Giác là giác ngộ viên mãn, được dịch là *The Sutra of Complete Enlightenment* hay *The Sutra of Perfect Enlightenment*.

Trí huệ được tu hành trong kinh *Viên Giác* là trí huệ thấy thân tâm và thế giới, chúng sanh là như huyễn, do đó mà giải thoát và giác ngộ. Một trong những thí dụ ẩn tượng nhất của kinh là thân tâm và thế giới, chúng sanh “như hoa đốm giữa hư không, do vọng thấy, vọng nhận, vọng chấp”.

Trí huệ để phá tan vô minh, mà vô minh là:

“Thiện nam tử! Hư không thật không có hoa, vì người bệnh vọng chấp mà có. Do vọng chấp nên chẳng những không biết tự tánh của hư không, mà còn mê lầm cho rằng thật có hoa đốm sanh ra. Do vọng chấp này mà có luân chuyển sanh tử, nên gọi là vô minh” (Chương thứ nhất, Văn Thù).

Trí huệ đưa đến giải thoát và giác ngộ là sự tu hành biết huyễn:

“Nhân địa tu hành Viên giác của Như Lai là biết tất cả là hoa giữa hư không, bèn không có sự luân chuyển

cũng không có thân tâm chịu sanh tử luân hồi như hoa đốm kia. Chẳng phải làm cho sanh tử luân hồi thành không có, mà bản tánh của nó vốn là không có" (*Chương Văn Thù*).

Cực điểm của trí huệ được tóm tắt trong chương thứ hai Phổ Hiền:

"Thiện nam tử! Biết huyền tức là, chẳng lập phương tiện. Là huyền tức giác, cũng không thứ lớp".

Trong trí biết huyền ấy, không có Bồ-tát và chúng sanh:

"Trong thật tướng, thật không có Bồ-tát và chúng sanh. Vì sao thế? Bồ-tát và chúng sanh đều là huyền hóa. Khi tướng huyền hóa diệt thì không có sự thủ chúng. Ví như con mắt, không tự thấy mình. Tánh vốn bình đẳng như vậy mà không có cái gì để gọi là bình đẳng" (*Chương Thanh Tịnh Huệ*).

2 Đại bi không bỏ chúng sanh

Với một người đi con đường Bồ-tát đạo thì không chỉ có trí huệ thấy được tất cả là như huyền, mà còn có đại bi cứu giúp chúng sanh. Thậm chí đại bi là lý do để sống, lý do hiện hữu của Bồ-tát. Nhưng chúng sanh thì như huyền, vậy đại bi có nghĩa gì đối với chúng sanh như huyền? Trí huệ thấy tất cả đều như huyền và đại bi không bỏ chúng sanh, hai cái có vẻ trái ngược nhau, mâu thuẫn nhau này được hài hòa trong cuộc đời Bồ-tát như thế nào? Và khi hài hòa được cái nghịch lý này, thì đó cũng là con đường Trung đạo của Bồ-tát.

Kinh *Viên Giác* chuyên về trí huệ, nhưng hai chữ đại bi được nhắc đến nhiều trong kinh. Trong mười hai chương, chương nào khi các Bồ-tát thưa hỏi Phật cũng bắt đầu bằng câu "Thế Tôn Đại bi". Đức Phật, bậc Giác ngộ rốt ráo tất cả đều huyền không được xưng danh là Đại trí, mà được xưng danh là Thế Tôn Đại bi. Như thế để cho thấy rằng Đức Phật nói kinh này vì lòng đại bi, và các Bồ-tát thưa hỏi cũng vì lòng đại bi. Kinh này khởi phát từ lòng đại bi và chấm dứt bằng lòng đại bi, khi kinh này được nói ra vì "các Bồ-tát và chúng sanh đời mạt thế".

Một Bồ-tát càng tu huyền bao nhiêu càng thấy sự khổ đau, "mệt mỏi lo buồn" (*Chương Thanh Tịnh Huệ*) vô ích của cuộc đời chúng sanh trong sanh tử luân hồi bấy nhiêu.

Từ trí huệ là sự sáng tỏ của tâm nhìn thấy sự thật của cuộc đời, lòng bi sanh ra một cách tự nhiên nơi Bồ-tát. Mình đã từng lầm lẫn, đui mù, bây giờ nhìn thấy chúng sanh lầm lẫn, đui mù và khổ đau trong ấy, Bồ-tát có lòng bi:

"Do vọng chấp nên chẳng những mê lầm không biết tự tánh của hư không, mà còn lầm thêm là có hoa đốm thật đã sanh ra. Do các thứ hư vọng này mà có luân chuyển sanh tử, đó gọi là vô minh. Vô minh này không có thật thể. Như người trong mộng, khi đang mộng thì chẳng phải không có, khi thức dậy thì thấy hoàn toàn không có ở đâu cả. Như các hoa đốm giữa hư không, không thể nói là thật có chỗ diệt mất. Vì sao thế? Vì chưa từng sanh ra vậy. Tất cả chúng sanh ở trong chỗ

vô sanh mà vọng thấy có sanh diệt, nên có luân chuyển trong sanh tử" (*Chương Văn Thù*).

Vọng tưởng lại càng chồng thêm vọng tưởng, hoa đốm lại càng chồng thêm hoa đốm, mê lầm điên đảo lại càng chồng thêm mê lầm điên đảo. Thế nên chúng sanh càng trùng trùng hoa đốm thì Bồ-tát càng trùng trùng lòng bi.

"Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay vọng tưởng chấp có ta, người, chúng sanh, thọ mạng, nhận bốn thứ điên đảo ấy cho là có cái ta thật, do đó bèn sanh ra hai cảnh yêu ghét. Đối với cái hư vọng ấy lại thêm chấp hư vọng. Hai cái vọng tưởng này nương nhau sanh ra nghiệp hư vọng. Có nghiệp hư vọng này nên vọng thấy lưu chuyển sanh tử. Rồi do chán ghét sự lưu chuyển sanh tử mà thấy có Niết-bàn" (*Chương Tịnh Các Nghiệp Chương*).

Từ một chủ thể là một cái ta huyền hóa điên đảo như vậy, thế giới nhìn từ, trải nghiệm bởi trung tâm huyền hóa ấy cũng là một thế giới huyền hóa điên đảo. Khổ đau vì không biết sanh tử là vô tự tánh, là huyền, là hoa đốm, mà còn tạo thêm nghiệp khổ đau bằng đủ mọi cảm xúc tiêu cực tham, sân, si, kiêu căng, đố kỵ, thù ghét... để những tấm lưới huyền hóa ấy ngày càng dày đặc thêm, càng trói chặt thêm. Trong cuộc tìm kiếm hạnh phúc vô vọng và điên đảo ấy, kết quả chỉ là mệt mỏi và lo buồn khổ đau vì "chờ đợi hoa đốm giữa hư không sanh ra trái quả giữa hư không thì chỉ càng thêm vọng tưởng, hoàn toàn không thể có" (*Chương Kim Cương Tạng*).

Không biết sanh tử là hoa đốm mà còn gây thêm nghiệp để khổ đau trong sanh tử hoa đốm ấy thì thật là khổ chồng thêm lên khổ bao nhiêu lần, không có ngày thoát.

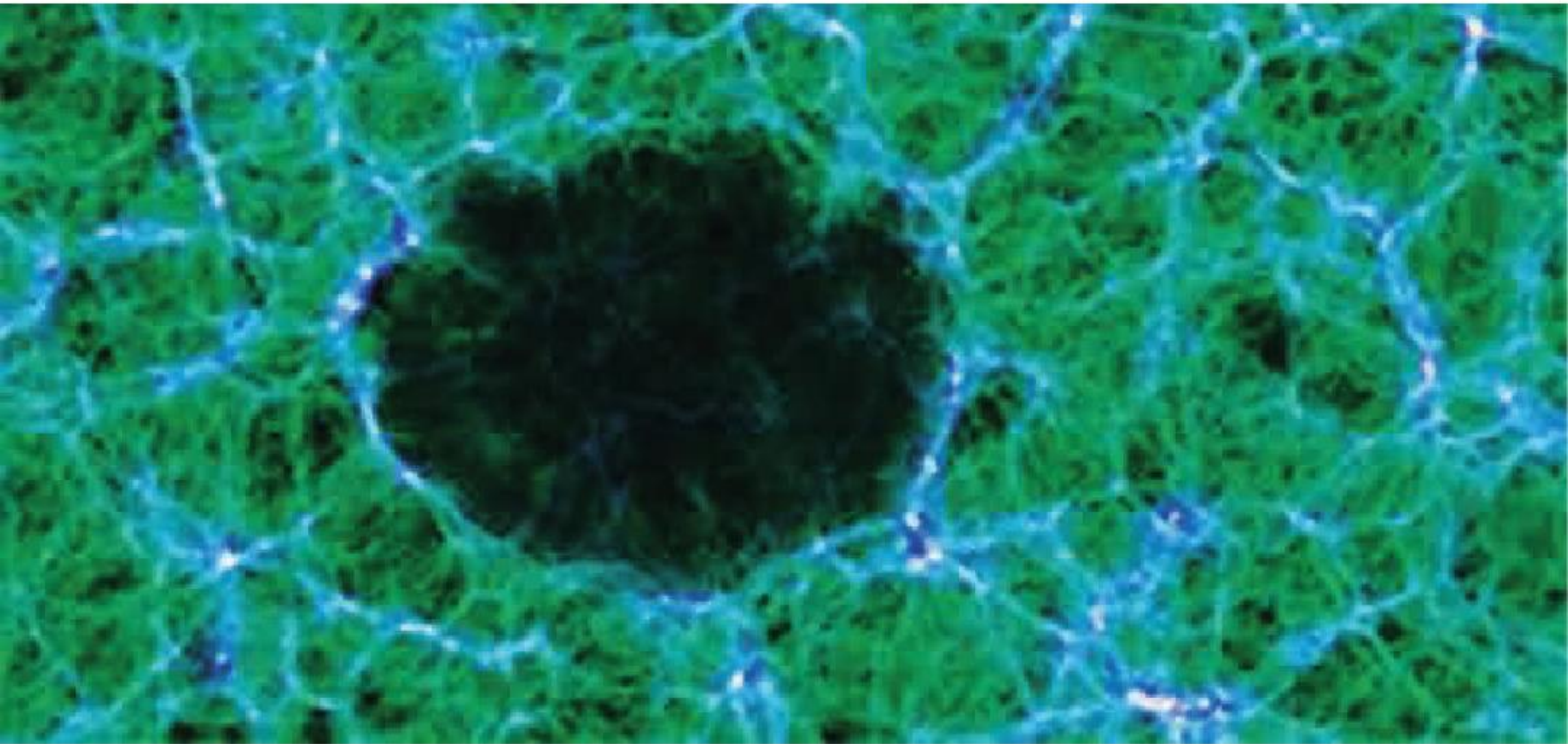
Thấy chúng sanh khổ đau oan uổng như vậy, lòng bi của Bồ-tát càng thêm lớn, đến độ dám ở trong sanh tử, cùng họ đồng sự để cứu họ ra.

"Thiện nam tử! Bồ-tát chỉ do đại bi mà phương tiện vào các thế gian để khai phát cho những người chưa ngộ, cho đến thị hiện các thứ hình tướng và hoàn cảnh thuận nghịch, đồng sự với họ khiến cho giải thoát, giác ngộ. Tất cả đều y vào nguyện lực thanh tịnh từ vô thủy".

"Sự biến hóa thị hiện của Bồ-tát ở thế gian chẳng phải do ái dục làm gốc, chỉ vì từ bi khiến cho chúng sanh xả bỏ ái dục mà giả mượn tham dục để vào sanh tử" (*Chương Di Lạc*).

Chúng ta thấy tất cả hành động (nghiệp) của Bồ-tát trong thế gian này đều khởi từ lòng bi, hiện hữu nơi lòng bi, và chấm dứt nơi lòng bi.

Trong sự thực hành cụ thể, quán huyền đưa đến kinh nghiệm ban đầu là sự khinh an của lòng bi (đại bi khinh an). Trong ba pháp tu của kinh *Viên Giác*, pháp Chỉ đưa đến Tịch tĩnh khinh an, pháp Thiền đưa đến Tịch diệt khinh an và pháp Quán huyền đưa đến Đại bi khinh an. Trên kinh nghiệm thực hành cụ thể, càng quán huyền thì càng có đại bi.



Đây là một chứng minh thực tế cho thấy trí huệ quán huyền luôn luôn đi với đại bi. Như vậy, nếu không có đại bi thì không thể đi trọn con đường Bồ-tát, thế nên trí huệ quán thấy huyền là không thể thiếu đối với người tu Bồ-tát đạo.

3 Sự trợ giúp lẫn nhau giữa trí huệ quán huyền và đại bi

Trí huệ thấy huyền và đại bi thương xót chúng sanh không chỉ có thể đi cùng nhau trong hành trình của Bồ-tát mà chúng còn hỗ trợ nhau để Bồ-tát tiến trên con đường giác ngộ.

Trí huệ làm mạnh thêm đại bi vì càng thấy huyền thì càng thương xót. Trí huệ thấy huyền (thấy các tướng chẳng phải tướng, *Kinh Kim Cương*) giúp cho đại bi không bị vướng mắc trong các tướng, do đó mà lòng bi được bình đẳng, thanh tịnh và càng thêm rộng lớn, không bị giới hạn. Thậm chí trí huệ thấy huyền còn giải thoát cho đại bi khỏi bị vướng mắc vào khái niệm chúng sanh, là một khái niệm phân biệt hư vọng. Và cũng giải thoát cho lời nguyện độ sanh, khiến lời nguyện ấy là như huyền, và như vậy lời nguyện ấy được “thanh tịnh từ vô thủy”. Lời nguyện ấy trở thành Vô nguyện, một trong ba chứng đắc của Bồ-tát là Không, Vô tướng, Vô nguyện. Khi ấy lòng bi ấy trở nên thanh tịnh, vì đó là Vô duyên đại bi. Và hành động cứu giúp chúng sanh cũng thanh tịnh vì không còn vướng kẹt trong bốn tướng ta, người, chúng sanh, thọ mạng. Như kinh *Kim Cương* nói: “Độ tất cả chúng sanh mà không thấy có chúng sanh nào được độ”.

Tóm lại, trí huệ giải thoát cho lòng bi phân biệt và giới hạn do bám chấp thành đại bi vô hạn, Không, Vô tướng, Vô nguyện như chính trí huệ.

Ngược lại, lòng bi cũng hỗ trợ trí huệ. Vì lòng bi là một trong bốn tâm vô lượng nên lòng bi làm cho trí huệ càng lớn rộng nhờ vào tâm vô lượng của mình. Một thí dụ là nếu ngọn đèn sáng (trí huệ) nhưng để trong một căn phòng, nó chỉ chiếu sáng căn phòng; còn để ngoài sân, nó sẽ chiếu xa hơn. Nếu trí huệ có ở trong một tâm bi vô lượng, nó sẽ trở nên vô lượng. Một thí dụ khác, trí huệ là độ sáng của tấm gương tâm để có thể in vào đó những hình bóng mà không bị ô nhiễm. Đại bi là độ lớn rộng của tấm gương tâm, lớn rộng đến vô hạn, để có thể in vào đó tất cả mọi hình bóng của vũ trụ.

Lòng bi với chúng sanh còn là động lực khiến trí huệ tiến nhanh hơn để có thể cứu giúp chúng sanh. Lòng bi luôn luôn đòi hỏi trí huệ phải sáng tỏ hơn nữa để cứu mình cứu người.

Đại bi làm cho trí tuệ có nhân tính hơn, cụ thể hơn, thế gian hơn. Nếu trí huệ từ bỏ chân lý tương đối (thế đế) để đạt đến chân lý tuyệt đối (chân đế) thì đại bi đưa trí huệ từ chân lý tuyệt đối về lại chân lý tương đối thường tục của thế gian. Một trong những điều cần để ý là đạo Phật không nói trơn là huyền, mộng, mà nói như huyền, như mộng. Chính nhờ đại bi mà Bồ-tát luôn luôn ở trên Trung đạo.

Tóm lại, như huyền và đại bi là hai yếu tố chính không thể thiếu của con đường Bồ-tát. Hai năng lực ấy hỗ trợ nhau để một hành giả tiến nhanh trên con đường Bồ-tát. Cũng chính hai yếu tố ấy tạo thành Trung đạo của Bồ-tát. ■



Lời vàng xưa còn đó

NGUYỄN CÁN

Tôn giáo ở đâu trước tình trạng cuộc sống không định hướng?

Mùa Phật đản lại về trên đất nước. Những lễ hội được diễn ra không chỉ trong các chùa chiền nơi thành phố mà tận các thôn xóm xa xôi... Người ta trang nghiêm đến chùa với tất cả sự thành kính, chiêm bái và dâng lễ. Trong bầu không khí thiêng liêng ấy, có ai tự hỏi: "Chúng ta học và hiểu được gì từ Phật pháp?". Xã hội hôm nay thấm nhuần Phật pháp hay những đức tin tôn giáo đến đâu mà sao chung quanh ta những cái xấu cái ác đang diễn ra hàng ngày với tần số đáng báo động; từ cướp giật, trộm đạo, gây gỗ, giành giật đến việc coi sinh mạng đồng loại như cỏ rác từ tên sát nhân trên phố đến ông bác sĩ đạo mạo trong bệnh viện, từ bà bán hàng ăn chứa phụ gia độc hại ngoài chợ cho đến ngài giám đốc xí nghiệp đang gây ô nhiễm môi trường? Chúng ta lại thắc mắc: "Những người như thế

có theo tôn giáo nào không?". Lại phải trở về câu hỏi mà nhiều nhà lý luận duy vật đưa ra: Tôn giáo thì có ích lợi gì trong sự xuống cấp, tha hóa của "mặt trái cơ chế thị trường" nếu không muốn lặp lại quan điểm tôn giáo chỉ là thuốc phiện ru ngủ quần chúng của Marx. Dù rằng Marx khi nói thế vẫn chỉ nhắm đến Cơ Đốc giáo và hệ thống giáo quyền lãnh đạo châu Âu; nhưng người ta vẫn có thể lý luận "Không có đạo, con người vẫn có thể sống tốt!". Quả thực, nhiều người không quan tâm đến tôn giáo vẫn sống liêm khiết, có nhân nghĩa và đầy tinh thần trách nhiệm. Chẳng hạn ở Tây Âu, đa số cho rằng họ tin nơi Đức Chúa Trời nhưng chỉ một số ít người đi nhà thờ mà thôi. Ngay cả tại châu Mỹ La-tinh, so với tổng số giáo dân Cơ Đốc giáo, số người đều đặn đi nhà thờ cũng chỉ từ 15 đến 20 phần trăm. Lại càng khó nói khi những kẻ ác ấy ai biết họ có tôn giáo hay không? Mà ai dám chứng nhận hay khẳng định cứ theo

tôn giáo nào đấy thì thành người hiền lành? Ngay cả hàng ngũ tu sĩ cũng còn những người xấu kia mà!

Vậy tôn giáo có cần thiết không? Có đấy! Hoàng đế Napoléon nhà chính trị, quân sự đệ nhất thế giới cũng quan niệm: *"Một dân tộc không có tôn giáo thì chỉ có thể cai trị bằng súng!"*. Vì sao ông nói như vậy? Phải chăng ông tin rằng về căn bản, giáo lý đạo nào cũng dạy con người biết sống yêu thương, hòa hợp, tôn trọng tình anh em, đồng loại... Chúng ta có thể thấy rất nhiều câu nói về lòng nhân ái trong *Kinh Thánh, Koran* và giáo lý nhà Phật như những lời dạy đầu tiên và cũng là mục đích cuối cùng của tôn giáo... Dù rằng từ những trang kinh biến thành hành động thì còn một khoảng cách mênh mông, không dễ vượt qua đối với chính giới tu sĩ, chứ chưa nói đến tín đồ quần chúng căn cơ có phần thấp kém, bị vây bủa bởi tự ngã và ái dục, điều mà nhà Phật gọi là vô minh. Người có tôn giáo hay không đều phải sống theo lý trí, theo ý thức phân biệt phải trái (common sense), thiện ác, chính tà theo tư duy hợp lý của mình và nhất là phải biết yêu thương. Đạo từ bi là thế! Nhà Phật có bắt ai phải đến chùa để trở thành người tốt đâu?

Thứ nhất tu ở trong nhà

Thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa

Dù sao có một đức tin vẫn tốt hơn là để "tâm hoang vu". Mấy ai có thể chắc rằng mình tin vào thiện căn tận đáy lòng mà hành động trừ những người có ý chí lớn, những bậc thẳng nhân. Còn kinh tế thị trường không hề có tội dù mặt trái hay mặt phải vì bản chất nó là phi đạo đức (amoral) chứ không phải vô đạo đức (immoral). Nói thế thì tội ác ở Singapore, Nhật Bản hay Tây Âu phải nhiều hơn Việt Nam chứ vì kinh tế thị trường họ phát triển hơn chúng ta kia mà! Tóm lại, trong một đất nước đang phát triển, nền văn hóa đang trong quá trình xây dựng lại những giá trị mới khi triết học phương Tây, dù là Kant hay Descartes, Hegel hay Karl Marx, không thể đại chúng hóa, phổ cập toàn dân thì vẫn nên nên có một thứ tín ngưỡng theo dạng luân lý thực dụng: *"Ở hiền gặp lành"* hay *"Dầu xây chín bậc phù đồ; không bằng làm phước cứu cho một người ..."* Có người hỏi lại: *"Vậy thì tôn giáo nào là tốt nhất?"*

Tôn giáo nào là tốt nhất?

Làm sao có một cộng đồng những công dân đức hạnh? Làm sao có được những tín đồ chân chính của một tôn giáo tốt nhất? Hãy nghe mẫu đối thoại giữa Leonardo Boff, nhà thần học giải phóng nổi tiếng người Brazil, và Đức Đạt-lai Lạt-ma để xem tôn giáo chúng ta đang theo có phải tốt nhất chăng?

Khi được Leonardo Boff hỏi một cách tinh quái, "Theo ngài, tôn giáo nào là tốt nhất?", Đức Đạt-lai Lạt-ma đã trả lời: "Tôn giáo tốt nhất là tôn giáo đưa ta đến gần đẳng tối cao nhất. Đó là tôn giáo làm cho ta trở

thành một con người tốt hơn". Bất ngờ và lúng túng trước câu trả lời của vị Lạt-ma, Leonardo hỏi tiếp, "Vậy điều gì làm cho ta tốt hơn?". Đức Đạt-lai Lạt-ma trả lời ngay, "Bất kỳ điều gì làm ta mở rộng lòng trắc ẩn, biết thông cảm hơn, có tinh thần khách quan hơn, dịu dàng hơn, nhân hậu hơn, có trách nhiệm hơn, có đạo đức hơn. Tôn giáo nào làm được cho ta những điều đó là tôn giáo tốt nhất". Theo lời thuật lại của chính Leonardo thì ông ta đã im lặng một lát, cảm thấy kinh ngạc rồi mãi về sau này vẫn tiếp tục suy nghĩ về những điều minh triết và không thể bác bỏ được mà Đạt-lai Lạt-ma nói thêm bằng một giọng thân mật: "Này bạn của tôi, tôi không quan tâm đến tôn giáo của bạn hoặc bạn có tôn giáo hay không. Điều thực sự đáng quan tâm đối với tôi là thái độ của bạn trước những người ngang hàng với bạn, trước gia đình bạn, trước người đồng sự của bạn, trước cộng đồng của bạn và trước cuộc đời. Bạn hãy nhớ rằng vũ trụ này là tiếng vọng trước hành động và suy nghĩ của chúng ta. Trong vật lý, luật lực và phản lực là không thể loại trừ. Điều đó cũng đúng trong mối quan hệ giữa người với người. Nếu ta hành động với lòng tốt, ta sẽ nhận lại lòng tốt. Nếu ta hành động với ác ý, ta sẽ nhận lại điều ác ý. Đừng làm cho người khác những gì ta không thích. Hạnh phúc chẳng phải là số phận mà là sự lựa chọn. Hãy cẩn thận với tư tưởng vì chúng sẽ trở thành lời nói. Hãy cẩn thận với lời nói vì chúng sẽ trở thành hành động. Hãy cẩn thận với hành động vì chúng sẽ trở thành thói quen. Hãy cẩn thận với thói quen vì chúng sẽ hình thành tính cách của bạn. Hãy cẩn thận với tính cách vì nó sẽ hình thành số phận của bạn và số phận của bạn chính là cuộc đời bạn. Và hãy nhớ, không có tôn giáo nào cao hơn Sự thật".

Cuộc trò chuyện giữa Leonardo Boff và Đức Đạt-lai Lạt-ma đã được lưu truyền hầu như khắp thế giới về những tiêu chí của một tôn giáo hoàn hảo. Vậy Phật pháp có đem lại những phương cách, bài giảng giúp ta rèn luyện, huấn tập tâm hồn theo chiều hướng ấy chăng?

Phật pháp có khai sáng tâm hồn không?

Đọc lại kinh *Pháp Cú*, chúng ta thấy những lời Phật dạy còn đó như những bài học, những bài luyện tập tâm trí, đem lại những phương thuốc chữa lành vết thương trong ta vốn bị che chắn bởi vô minh, ái dục...

Khi Đức Đạt-lai Lạt-ma nói về việc suy tư cẩn trọng, người nói đến Tâm. Phật dạy:

"Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác. Nếu nói hoặc làm với tâm thanh tịnh, sự vui sẽ theo nghiệp kéo đến như bóng theo hình" (Pháp cú 1).

"Tâm phàm phu cứ xoay vần theo ngũ dục, dao động không dễ nắm bắt. Chỉ những người nào đã điều phục được tâm mình mới được yên vui" (Pháp cú 2).

Về lời nói, Phật dạy:

"Chớ nên nói lời thô ác. Khi người dùng lời thô ác nói với người khác thì người khác cũng dùng lời thô ác nói

với người. Thương thay những lời nói nóng giận, thô ác, chỉ làm cho các người đau đớn khó chịu như dao gậy mà thôi (Pháp cú 133).

“Thường nói lời vọng ngữ, có làm nói không làm, người tạo hai nghiệp ấy, chết cùng đọa địa ngục” (Pháp cú 290).

Nói theo giáo pháp, khởi đi từ ý nghiệp, con người ta gây ra khẩu nghiệp và sau cùng trở thành thân nghiệp. Chúng ta thấy ai đó muốn giết người, nung nấu hận thù, gây gỗ chửi bới và sau cùng ra tay sát hại nhau. Họ thường nói do bức xúc, giận dữ bất ngờ nhưng nếu trong lòng không nuôi dưỡng tâm hận thù thì khó mà xuống tay đột ngột tước đi mạng sống người khác.

“Người nào ngăn được cơn giận dữ nổi lên như dừng được chiếc xe đang chạy mạnh, mới là kẻ chế ngự giỏi, ngoài ra chỉ là kẻ cầm cương hờ” (Pháp cú 211).

Bao nhiêu vụ án gây ra vì những kẻ mang tâm tham dục, từ ánh mắt phát sinh ý nghĩ tà vạy, tư tưởng bệnh hoạn, phạm dâm nên gây ra cưỡng hiếp, loạn luân... hoặc những vụ án cũng do lòng tham gây ra gần đây, từ cô tiếp viên ăn cắp vật ở xứ người cho đến ông quan to tham những hàng nghìn tỷ cũng đều một tội.

“Trong thế gian này ai hay sát sinh, hay nói dối, hay lấy cắp, hay phạm dâm, hay say đắm rượu chè; ai có các hành vi đó tức là đã tự đào bỏ thiện căn của mình ngay ở cõi đời này” (Pháp cú 234).

“Các người nên biết: ‘Hễ không lo chế ngự tức là ác’. Vây chớ tham, chớ làm điều phi pháp, để khỏi sa vào thống khổ đời đời” (Pháp cú 235).

Đức Đạt-lai Lạt-ma lưu ý thân nghiệp tạo nên thói quen, rồi trở thành nhân cách vì tội lỗi thường bắt đầu từ những chuyện rất nhỏ như ăn cắp vặt, hay hối lộ vài trăm ngàn trên đường phố sau đó là biến thủ công quỹ, bòn rút hàng nghìn tỷ... Học thuyết hành vi đã chứng minh rằng nhân cách được xây dựng trên lòng tự trọng và con số 57% công nhân vượt năng suất do có ý thức tự trọng cao trong một báo cáo khoa học chứng minh rằng năm đức hạnh (The big five traits) để xây dựng lòng tự trọng và nhân cách được các nhà hành vi học và quản lý phương Tây đề cao (lòng tận tụy; ổn định tâm lý; hòa hợp; cởi mở; sẵn sàng tiếp thu kinh nghiệm). Thói quen trở thành nhân cách cũng sẽ quyết định số mệnh chúng ta. Bao nhiêu kẻ hầu tòa hôm nay xem thường tu dưỡng bản thân, chạy theo tham dục mà không hay mình “cầm đuốc lửa đi ngược gió”.

“Khi nghiệp ác chưa thành thực, kẻ ác cho là vui; khi nghiệp ác đã thành thực, kẻ ác mới hay là ác” (Pháp cú 119).

“Chớ khinh điều ác nhỏ, cho rằng: ‘chẳng đưa lại quả báo cho ta’. Phải biết giọt nước nhiều lâu ngày cũng đầy bình. Kẻ ngu phu sở dĩ đẩy tội ác bởi chứa dồn từng chút từng chút mà nên” (Pháp cú 121).

Phật đã từng căn dặn chúng sanh:

“Làm sao vui cười, có gì thích thú, khi ở trong cõi đời luôn luôn bị thiêu đốt. Ở trong chỗ tối tăm bùng bít, sao không tìm tới ánh quang minh?” (Pháp cú 143).



Điều gì ngăn cản chúng ta, vô minh hay ái dục vì:

“Làm dữ bởi ta, mà nhiễm ô cũng bởi ta; làm lành bởi ta, mà thanh tịnh cũng bởi ta. Tịnh hay không tịnh đều bởi ta, chứ không ai có thể làm cho ai thanh tịnh được” (Pháp cú 161).

Để thoát khỏi mê lầm, tam độc, chúng ta phải tự mình đứng lên, rũ bùn chứ cầu chi Thượng đế hay tha lực vì đạo Phật chủ trương “tự thắp đuốc soi đường mà đi”.

“Chính tự mình làm chỗ nương dựa cho mình, chứ người khác làm sao nương dựa được? Tự mình khéo tu tập mới đạt đến chỗ nương dựa nhiệm mầu” (Pháp cú 156).

“Nếu muốn khuyên người khác nên làm như mình, trước hãy sửa mình rồi sau sửa người. Tự sửa mình vốn là điều khó nhất” (Pháp cú 155).

Làm sao để sống an lạc

Trên tinh thần tự tu dưỡng ấy, chúng ta sẽ từng bước tiến gần hơn với Đạo – mở rộng lòng trắc ẩn, biết thông cảm hơn, có tinh thần khách quan hơn, dịu dàng hơn, nhân hậu hơn, có trách nhiệm hơn, có đạo đức hơn – như lời Đạt-lai Lạt-ma đã dạy thuyết giáo cho nhà thần học Leonardo Boff. Lúc ấy:

“Sung sướng thay chúng ta sống không thù oán giữa những người thù oán. Giữa những người thù oán, ta sống không thù oán” (Pháp cú 187).

“Sung sướng thay chúng ta sống không tham dục giữa những người tham dục! Giữa những người tham dục, ta sống không tham dục” (Pháp cú 189).

“Sống biết hổ thẹn, sống thường cầu thanh tịnh, sống không đam mê dục lạc, sống khiêm tốn, trong sạch và dồi dào kiến thức; sống như thế mới thực khó làm” (Pháp cú 233).

Và chúng ta hiểu:

“Chỉ có con đường này, chẳng còn con đường nào khác, có thể làm cho tri kiến các người thanh tịnh. Các người thuận làm theo thì bọn ma bị rối loạn” (Pháp cú 259).

“Ở thế gian này nếu hàng phục được ái dục khó hàng phục, thì sầu khổ tự nhiên rụng như nước giọt lá sen” (Pháp cú 320).

Hạnh phúc khi ấy, theo Đức Đạt-lai Lạt-ma, không phải là số mệnh mà là sự lựa chọn; hay ta nói theo ngôn ngữ toán học thì hạnh phúc là hàm số của thói quen và nhân cách... và là tổng số của những ý, khẩu và thân nghiệp bởi lẽ như Nguyễn Du đã nói: “Thiện căn ở tại lòng ta”. ■

Nhú sen hồng mùa Phật đản

TRẦN KIÊM ĐOÀN

Xứ California bị hạn hán nặng nề. Người ta không sợ thiếu nước để uống hay để tắm gội hàng ngày mà sợ không có đủ nước tưới cây cỏ quanh vườn. Thiên nhiên không có màu xanh cũng giống như dòng sông không có nước và một người về già bị bệnh lạc trí quên đi tình mẹ.

Giữa đợi chờ, bỗng đâu mưa ập đến. Mưa lớn, mưa nhỏ kéo nhau về cả tuần lễ. Màu xanh trời dậy. Người người hả hê mà vạn vật cũng chan hòa tươi mát lại.

Ao nước nhỏ và hòn non bộ sau vườn nhà tôi cũng theo mưa thay hình đổi dáng. Đá điểm chút rêu xanh. Hoa leo mùa xuân đơm thành nụ. Cái hồ nhỏ bằng chiếc giường nằm ngủ cho hòn non bộ lấp lánh mực nước cao đủ chiếu ánh mặt trời. Nếp sinh hoạt khô khan và lặng lẽ của một thế giới giả mà thật, thật mà giả sau trận mưa kéo dài cả tuần lễ có vẻ như đổi thịt thay da. Những ngọn núi giả nhìn có vẻ thật hơn khi có bóng cây xanh. Chiếc ao nhỏ cũng học đòi làm dáng dòng sông trôi khi đủ nước để gợn sóng lăn tăn theo gió. Ngày có bướm ong về và tiếng chim ríu rít đủ loại âm thanh không gây một cảm giác mạnh bằng tiếng ếch ương ồm ồm và trần trụi át cả tiếng dế, tiếng côn trùng rí rả trong đêm. Lạ quá. Mưa đã tạnh và khung

cảnh thiên nhiên đã trở về nếp cũ nhưng tiếng ếch ương từ chiếc ao non bộ sau vườn nhà tôi càng rống to hơn từ lúc chạng vạng tối cho đến đêm khuya.

Nơi tôi đang ở nguyên ngày xưa là cánh đồng lúa. Hai mươi năm trước tôi đã từng lên vùng đồng ruộng Natomas này để bắt tôm càng (crawfish) nằm dính chùm từng đống sau vụ lúa mùa Hè. Một lần, tôi và mấy anh bạn bắt cả mấy “xô” tôm càng. Về nhà, bỏ vào thùng bắc lên bếp luộc. Bé Na mới mần mê bắt mấy con bỏ vào chén nước để nuôi, nay nhác thấy hàng nghìn con đang giãy dụa lạo xạo trong thùng vừa được đun lửa thì giãy nãy khóc tướng lên nói với bố: “Ba ơi, con thương crawfish. Ba đừng nấu tụi nó nữa. Tội!”. Nghe bé Na lên năm, ngược đôi mắt nai tơ tha thiết về nguyên cầu, nói tới những con tôm càng là “tụi nó” như bạn bè thân ái, cái háo hức được ngồi nhậu lai rai với bạn bè quanh mâm tôm càng vừa luộc chín thơm phức trở thành nguội lạnh và có một vẻ gì hơi ang ác. Từ đó, tôi không còn trở lại cánh đồng crawfish nữa.

Bây giờ đồng lúa xưa đã thành phố thị. Đêm mưa nghe tiếng ếch ương lại nhớ quê nhà mùa lụt.

Chỉ qua vài đêm, tiếng ếch ương rống lên từ chập tối làm tôi mất ngủ. Tôi cũng sợ hàng xóm phiền hà bị

rầy rà giấc ngủ vì tiếng ếch ương ù ập phát ra từ cái ao nhỏ của vườn sau nhà mình.

Sáng sớm hôm sau, tôi ra nhìn cái ao nhỏ dõi mắt tìm dấu vết con ếch ương to mồm, tốt bụng kêu hoài không ngán đó nhưng chỉ thấy lùm cây xanh và những cành hoa lưu niên nằm lặng lẽ trong sương mai. Cái ao nhỏ, tôi có thể tát cạn chẳng mấy khó khăn. Phải tìm cho ra con ếch ương mà đuổi nó đi hay bắt bỏ qua chỗ khác. Khi tôi cúi xuống để múc thùng nước đầu tiên, một nhú sen hồng còn chìm trong ao nước chợt hiện ra như có một nụ cười nào đó. Đã hơn mười năm qua, từ ngày đào sân làm ao non bộ, chưa năm nào tôi quên chậu sen hồng mùa Phật đản. Chậu sen nhỏ vuông mỗi bề non hai gang tay do thầy Thiện Tâm cho giống và ươm mầm năm nào cũng trở hoa trong mùa Phật đản. Cứ gần cuối tháng Ba dương lịch hằng năm, từ sau làn nước trong mát dưới ao, mỗi sớm mai thức dậy tôi được nhìn nhú sen hồng ló lên dần. Cái nhú sen hồng ngậy ngậy như đôi mắt trong ngần của bé thơ ngược tìm dòng sữa mẹ làm tôi chùn tay. Múc nước khô để bắt cho được con ếch ương có làm cho nhú sen hồng bị xâm hại hay không. Nghĩ vậy, tôi ngưng việc múc nước ra khỏi ao và tìm cách khác.

Tôi nhớ mùi hăng hắc của thuốc tẩy Colorox khi hòa vào nước và sức tẩy rửa rong rêu trong nước của bột giặt Tide mà ở Mỹ nhà nào cũng có sẵn để dùng hàng ngày. Thế là tôi mang ra một thau nước trong, hòa vào hai ly Colorox và hai muỗng đong Tide. Chờ đến chạng vạng, khi tiếng kêu ù ập của ếch ương và rú rít của đàn ếch nhái lên cao điểm, tôi trút hết thau nước hòa thuốc xuống ao, rồi sắp lưng vào nhà. Tiếng kêu của ếch ương và đàn ếch nhái còn trùng ngưng được một ít phút rồi tiếp tục kêu lại; tuy có yếu hơn nhưng vẫn nỉ non không dứt hẳn. Tôi tăng độ đậm đặc của Colorox và khuấy đều khắp ao nước. Tiếng kêu yếu dần rồi im bật. Đêm im ắng đột ngột quá cũng làm tôi khó ngủ. Sáng sớm hôm sau, tôi bừng tách trà nóng ra vườn sau và tò mò xem chuyện gì đã xảy ra trong ao nhỏ. Cảm giác hơi hờ đang nảy mầm trong tôi về việc dẹp tan được lũ ếch nhái còn trùng đêm đêm làm ồn ào náo nhiệt vườn sau nhà bỗng lắng xuống khi thoát nhìn sự lặng lẽ trên mặt ao. Nước trong ao có thuốc giặt trong suốt hơn nhưng hình ảnh sự sống thoáng vẻ điêu tàn. Mùi Colorox còn thoang thoảng thay cho mùi hoang dã của thiên nhiên.

Những con bướm, con ong và đàn muỗi mất đuổi nhau trong sương sớm vắng bóng. Cây xanh leo đá, mấy cây bonsai trên hòn non bộ và đám lục bình, rong rêu có vẻ như ủ rũ buồn thiu. Và, mặt trời lên. Ôi chao! Cái dương dương đắc chí trong tôi tan tành, đông lạnh. Những con vật tôi thương và tôi ghét trong chiếc ao nhỏ không còn động đậy. Trong đám sinh vật vừa chết đêm qua nổi lều bều trên mặt nước có xác con ếch ương chân dài lưng xanh, bụng đỏ. Cảm giác ân hận ray rứt chiếm ngự lòng tôi. Nỗi buồn thành một cơn ớn lạnh chạy dài trong xương sống. Chiến thắng thành thất bại ê chề. Tôi

bỗng dưng thương đàn sinh vật vô danh, thương con ếch ương và tiếng kêu đêm ồm ồm của nó. Tôi liên tưởng đến tình thương của bé Na với đàn tôm càng crawfish. Sự sống đáng yêu như thiên nhiên vạn vật, trăng sao, trái đất, mặt trời có nhau cùng sống. Sự biến hoại bên này có tác dụng trực tiếp với cái chết bên kia. Sự yêu thương thật tình có khi chưa hẳn vì hình tướng đang có mặt mà có khi phát từ cái tâm tưởng nhớ, cảm thông.

Ba hôm sau thì đến lượt chậu sen chuẩn bị cho ngày Phật đản mà tôi đã chăm sóc từ đầu năm bắt đầu ủ mặt. Nhú sen hồng tươi mát xinh xinh từ từ xám lại. Qua mấy ngày nữa thì queo quắt vô hồn.

Cảm giác buồn buồn, thất vọng biến thành lạnh nhạt, buông tay khiến tôi không còn hứng thú ra vườn sau để mắt tới hòn non bộ. Sang năm sau thì đáng sinh động một thời của cái ao và hòn non bộ biến thành lùm cây dại vì tôi không còn để tâm xen tía, chăm sóc.

Năm lại năm qua, mùa xuân Cali với nắng vàng và hoa nhắc tôi mùa Phật đản đang về. Sáng hôm nay, cũng cầm ly nước trà trên tay, nhưng hơi run vì lạnh. Thiên nhiên vẫn thế nhưng tôi cảm thấy lạnh vì đã già đi. Thời gian giúp vạn vật tàn rụi và trỗi dậy không ngừng nhưng con người thì cứ ngỡ như cuộc đời là tấm vé một chiều ra đi không trở lại.

Chờ nắng lên cao, tôi chậm chậm vén tầng lá của lùm cây bao quanh hòn non bộ và suýt kêu lên vì vẻ đẹp tự nhiên gần như man dại của nó. Những cây bonsai vẫn sống nhưng không theo dáng uốn éo của bàn tay con người mà vút thẳng lên phía gió mát hướng Đông Nam và nắng ấm mặt trời. Rêu phủ dày như thảm nhung trên đá. Những hàng cây leo đan vào nhau vụng về mà tự tại. Nước trong ao và rong rêu, lá mục tự lắng vào nhau cho lớp nước bên trên trong ngần và phẳng lặng. Từ dưới nền rêu dày và lá mục, tôi mừng rỡ đến sống sờ vì nhú sen đang mọc lên tươi hồng và vạm vỡ hơn những năm tôi còn chăm sóc. Nhú sen hồng rực rỡ giữa toàn cảnh hân hoan của một mùa gặt thien.

Trí óc như bừng sáng với ý nghĩ lần đầu mình thấy được thế giới xanh, an hòa và tĩnh lặng. Tôi lắng lòng nghe cảm xúc đang giao hòa với thiên nhiên và sự sống. Sự sống thật diệu kỳ. Nó sinh và diệt lặng lẽ; nó diễn biến sinh, già, bệnh, chết nhẹ nhàng, tự nhiên như mây trắng, nắng vàng cùng gió sương lồng lộng.

Tôi có cảm tưởng như đang được thấy ra sự thật trước mắt. Ôn Viên Quang, bốn sư chùa Châu Lâm của tôi ngày xưa thường nói: "Chánh niệm là trái tim của sự sống". Nhưng mãi đến bây giờ tôi mới hiểu rằng, sự sống là sự thật. Tĩnh táo, tĩnh tâm giao hòa với sự sống quanh ta là đang sống trong chánh niệm.

Tôi nghe tiếng chuông chùa Thiên Mục vọng về và mỉm cười đón nhận tiếng vọng từ trong chính mình ngỏ ý: Chánh niệm trong chớp mắt này là thấy rõ và cảm nhận được sự sống của nhú sen hồng mùa Phật đản đang lớn lên trong dòng sống quanh ta. ■



Đồng đạo và đồng hành

CAO HUY HÓA

Lần giờ từng trang tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*, chính tôi không ngờ đã gắn bó với tạp chí này như vậy. Có biết đâu xưa kia tôi là đứa học trò thường không thích thú gì trong giờ làm văn, nhìn tờ giấy trắng mênh mông, mà bây giờ lại có nhiều bài được xuất hiện trên tạp chí! Cho hay nhân duyên đưa đẩy cho tôi niềm vui này.

Nhân duyên thì chẳng chịt, khó mà lần, nhưng tôi phải kể đến tạp chí Phật giáo là mảnh đất để hạt mầm viết văn của tôi nảy nở và phát triển, trong không khí trong lành là đạo từ bi và trí tuệ của Đức Phật. Và như thế, tôi viết chân thật những gì tôi nhìn, tôi cảm nhận, tôi thấm thía về nét đẹp trong đạo, trong thiền môn, trong đời thường, trong học hỏi và giao tiếp với những người thiện tâm, từ những bậc đạo hạnh sáng ngời đến những người bình thường, từ ngôi tổ đình, danh lam đến những chùa làng, khuôn hội, từ sông quê đến biển khơi, từ quán chay đến quán cà-phê, từ nơi đô hội đến ngã ba Tuần xa xôi, từ chuyện bên ta đến chuyện bên Tây...

Trên hành trình như thế, tôi đã gặp gỡ nhiều người cũng đến với tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*. Đó là những người cùng thời với tôi, biết đâu có người đã cùng dưới một mái trường, biết đâu cũng đã lang thang bên dòng sông Hương một thuở áo tím áo trắng; đó cũng là những người tuổi tác đã cao mà thiết tha với cuộc sống, yêu mái chùa, cây đa bến nước con đò... và đó cũng là những

người trầm tư trước những vấn nạn của cuộc sống ngày nay như giả dối, vô cảm, thực dụng, thiếu trách nhiệm, thiếu tình thương, tham nhũng, hối lộ, bệnh hình thức, chạy theo thị hiếu tầm thường... Những người đó trải lòng trên trang giấy, một cách chân thực, không màu mè, không đao to búa lớn, có người thì lập luận sắc bén, đúng vấn đề, trúng đích, có người thì bằng khoảng nhìn về một thời đạo đức không đến nỗi... Cũng như tôi, những người đồng hành đó đều viết với tính cách người Phật tử: không sa đà vào thói hư tật xấu, không phê phán cá nhân, không trích thượng với đời, không tự đề cao, mà chỉ vì con người, vì lợi ích của xã hội, của thiên nhiên, của chúng sinh. Những người đồng hành này lại nhìn cuộc đời một cách đa dạng, không chỉ là đâm chiêu, mà còn mỉm cười để vui với hoa đồng nội, với tiếng chim sau vườn, với hạt gạo đầu mùa, với hoa phong lan... Và chúng tôi vui mừng kết bạn với những tác giả của những dòng Cảm ơn cuộc sống, để thấy đời ý vị biết chừng nào khi quanh ta vẫn có những hành động đời thường, thơm lòng nhân ái.

Như thế, chúng tôi không hẹn mà gặp trên khu vườn *Văn Hóa Phật Giáo*, nơi đây như có sẵn tuyên ngôn, thường được nhắc đi nhắc lại trong Thư tòa soạn: "*VHPG là tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.*"^a Đúng thật, toàn tạp chí, bất cứ số nào, đều là hiền thiện, đều sáng lên

văn hóa dân tộc, và gắn bó mật thiết với đạo Phật, trên nền tảng của đạo Phật, cho dầu câu chuyện có thể không có một từ Phật nào. Tất nhiên một tạp chí Phật giáo phải có nội dung về giáo lý Đức Phật, nhưng toàn bộ không phải là những điều răn khô khan về đạo đức, về lối sống, mà là trải nghiệm tâm linh, là sống thực với đạo, là cảm nhận từ đáy lòng, cho nên dầu có nói đạo đức mà không khô khan, trái lại chan chứa tình cảm. Số tạp chí nào cũng minh họa điều tôi nói ở trên, tôi chỉ xin lấy số tạp chí gần đây mà tôi tâm đắc, số 197, với nội dung phong phú, ngay đến tên tác giả cũng phong phú, có người xuất hiện nhiều, có người xuất hiện ít, và chắc là có người mới toanh. Tôi chú ý hai người mới (hoặc khá mới?) là Nguyễn Tánh – Đỗ Thị Diệu Tranh và Phúc Yên vì có hai bài rất thú vị.

Nhân vật tôi trong bài *"Cuộc sống và tình Lam"* là bé gái, sớm mồ côi cha, còn mẹ thì bị đạn lạc trong mùa xuân 1968, được bộ đội đưa ra Bắc chữa trị, từ đó xem như bé mất luôn cả cha lẫn mẹ, chỉ còn chị em đùm bọc lẫn nhau. Thế nhưng may mắn, bé có mái nhà yêu thương, đó là Gia đình Phật tử tại một xã vùng ven thành phố Huế. Lại thêm, bé có hạnh phúc được bác Siêu hàng tháng đến nhà giúp đỡ gạo, sao mà hình ảnh bác quá đẹp giữa đời thường, hình ảnh mà người dân Huế xem như hiện thân của Bồ-tát, *"chiếc xe đạp với hai bao gạo vắt sau yên, mặc áo dài đen, đội chiếc mũ cối trắng, quần lúc nào cũng ống cao ống thấp."* Đến mùa xuân 1975, hạnh phúc bất ngờ: bà mẹ từ miền Bắc trở về, mẹ con đoàn tụ. Tuy nhiên, khó khăn sau năm 1975 làm cho sinh hoạt của nhiều Gia đình Phật tử bị gián đoạn, mãi sau này, nhiều GDPT mới trở lại hoạt động. Bé nữ Oanh vũ ngày nào, giờ đã trưởng thành, đã tìm đến một GDPT mới, quyết học hỏi và trở thành một huynh trưởng, nguyện gắn bó đời mình với mái nhà Lam.

Nhân vật chính của bài *"Mẹ ngồi soi trước gương"* là một cô con dâu Sài Gòn *"trong lần đầu tiên về quê chồng ăn Tết, lên phố khệ nệ mua tặng mẹ chồng một cái bàn trang điểm. Cả nhà cười ngất trước món quà thiếu thực tế, sang trọng và không phù hợp với một bà mẹ nhà quê lam lũ. (...) Bà mẹ chồng tỏ ra ái ngại khi con dâu bước tới trước mặt mình, đưa bàn tay ngón thon dài, trắng trẻo ra nắm lấy đôi tay sần nhám của bà, lắc lắc: 'Con cũng dẫn đồ trước khi mua nó. Mẹ đừng chê, đừng quên dùng quà của con nghe mẹ'".* Cô con dâu mua thêm chiếc ghế phù hợp với bàn trang điểm và không quên để vào tủ, chai dầu gió, tuýp thuốc trị nứt nẻ chân, thuốc nhỏ mắt, thỏi son, hộp phấn... Ngày qua ngày, bà đã nhìn quen bàn trang điểm, đồng thời nghĩ lại quá khứ nhọc nhằn của mình, *"đời bà chỉ có đi bộ và khom lưng"*. Khom lưng vì làm ruộng, nuôi heo bò, đêm khuya mà phải bằm rau, nấu cháo heo. Thời lam lũ đã qua, con cái đứa nào cũng thành đạt, bà cảm thấy mình như chiếc gương soi phủ bụi lâu ngày, nay cần phải được lau chùi sáng bóng. Bà nhớ cái giọng miền Nam của đứa dâu, thiết ngọt: *"Dùng quà của con, nha mẹ!"*. Đâu phải, ai đó nói con dâu miền Nam không hợp với người ngoài này? Nó cũng lúi húi khâu cái nút áo sứt chỉ của chồng

nó mà! Thế là, bà đã quen, hằng đêm, ngồi vào bàn trang điểm trước khi đi ngủ, và cảm thấy thanh thoi lạ! Song, người lạ nhất là chồng bà, bỗng sinh tật thích... ngắm bà. *"Ngắm cái lưng đã sắp sửa cong vẹo vì chứng thoái hóa cột sống. Ngắm mái tóc vẫn dài quá mông nhưng đã mất đi sự mượt mà, chỉ còn vẻ sần sùi, lấm tấm sợi bạc."* Bà soi vào gương, khuôn mặt đầy vết chân chim của bà hiện ra, bà lại như thấy một thời son rỗi của mình".

Đọc mấy chuyện như thế này, hiện thực quá sức đẹp, quá sức đắt giá, cách thể hiện cảm động, chuyện thứ hai lại dí dỏm đáo để, khiến tôi nghĩ vẫn vợ: Giá như không có tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*, một tờ văn hóa văn nghệ đứng riêng một cội trong rừng báo và tạp chí, làm sao độc giả có thể thưởng thức những đóa hoa thơm lành của tình người, để cho tôi làm người đồng hành với các tác giả đó trên con đường đạo?

Vui thay, những người đồng hành ở khắp mọi miền của đất nước, ở chốn thị tứ đông người, và cũng ở chốn non cao biển xa. Sài Gòn, Huế thì người viết đông; Đà Nẵng, Quảng Nam, Hà Nội, Bình Định, Lâm Đồng, Đồng Nai... cũng không ít, tôi mong chờ những người viết từ khắp nơi, thì đây, những trang viết mang hơi gió và vị mặn phù sa của đất mũi Cà Mau, những tư liệu và cảm xúc về những ngôi chùa Khmer ở miền Tây Nam Bộ, về hồn quê xứ nẫu Bình Định – Phú Yên, về màu đỏ rừng rừng trong nắng của hoa gạo trong nông thôn yên ả đồng bằng Bắc Bộ, về non thiêng Yên Tử, về vườn đào bên vịnh Hạ Long, về những nét phong tục Tết của Hà Tiên, về cảm xúc qua miền đất lửa Quảng Trị, về tình nghĩa thầy trò ở đất đảo Hòn Đước xa xôi... Không thể liệt kê hết quê hương của người viết, vì bài không có tính địa phương, và chẳng người viết cũng chẳng cần tỏ bày mình ở đâu, trong nước cũng như ngoài nước, nhất là thời nay, công nghệ truyền thông đã làm cho mọi người gần gũi hơn. Điều đáng quý là người viết và người đọc gặp nhau trên trang giấy, trân trọng nhau trên tình đạo, cùng nhau gìn giữ và lan tỏa đạo từ bi và trí tuệ cũng như nét hiền thiện của văn hóa dân tộc.

Tuy số người đọc không phải là nhiều lắm, nhưng qua một vài chuyến đi thăm nhiều miền của đất nước, tôi không thể không bất ngờ khi gặp được người đọc gần xa, đồng ý với chủ trương và cách làm của tờ báo, tâm đắc một số bài, đồng cảm trên nhiều ý tưởng, và người viết nhận được phản hồi về tờ báo, về chính mình. Không dễ dàng gì để một tờ báo được bạn đọc đón nhận sau đều đặn nửa tháng, để ngắm nghía trang bìa, để hội ngộ những trang giấy với bài hoàn toàn mới, như một ẩn số thú vị của cuộc đời mênh mông. Thế mà *Văn Hóa Phật Giáo* đã làm được, và hy vọng sẽ làm được nhiều hơn khi bước vào năm thứ mười, với mốc 200 số sắp vượt qua, với những bài nghiên cứu giản dị mà sâu xa, những bài cảm nhận đạo Phật trong đời sống có tính cách thuyết phục, làm lay động lòng người. ■

Chú thích:

a. Thư tòa soạn, *Văn Hóa Phật Giáo* số 197 (15-3-2014).

Một đường lối truyền thông đặt nền tảng trên Trung đạo

THỊ GIỚI

Trong mối tương quan trùng trùng duyên khởi của đời sống, một cá nhân hay tập thể không thể hiện hữu một cách riêng lẻ mà hiện hữu trong sự tương quan. Trong những mối tương quan cộng hưởng sinh tồn đó, con người kết nối với nhau nhiều nhất qua ngôn ngữ và hình ảnh. Có thể nói ngôn ngữ và hình ảnh trong tiếp xúc, trao đổi tạo nên con người của chúng ta - suy nghĩ, tin tưởng, cảm xúc, hành động của chúng ta.

Alan Watts, một triết gia cũng là nhà Phật học, nói: *"Chúng ta ít khi nhận ra rằng hầu hết những ý nghĩ và cảm xúc của chúng ta không phải thật sự là của chúng ta. Bởi vì chúng ta suy nghĩ qua ngôn ngữ và hình ảnh không phải do chúng ta khám phá ra, mà là từ xã hội"*.

Có thể nói ngôn ngữ và hình ảnh là hai chất liệu có ảnh hưởng lớn nhất lên chúng ta. Chúng cũng là hai chất liệu kết nối giữa chúng ta, những cá nhân và tập thể trong xã hội.

Ngôn ngữ và hình ảnh như vậy có thể nói là những chất liệu truyền thông chính trong xã hội loài người. Vì là nguồn hướng dẫn và tạo dựng nhân cách cho con người, truyền thông có thể xây dựng một xã hội, một đất nước trở nên tốt đẹp, nó cũng có thể phá hoại, làm tan rã một đất nước, một xã hội, một cộng đồng.

Và hơn bao giờ hết, ngày nay có thể nói là thời đại ngự trị của ngôn ngữ và hình ảnh, hay nói khác là thời đại ngự trị của truyền thông. Những phương tiện truyền thông nhanh chóng, với kỹ thuật và chiến thuật tinh vi đầy hấp dẫn đã và đang lôi kéo, thuyết phục, bao phủ đời sống của chúng ta.

Và cái thế giới truyền thông này cũng đang trong vòng những cuộc chiến bất phân thắng bại với nhau. Họ đem ra những vũ khí, những kỹ thuật tối tân nhất, những chiến thuật, chiến lược tinh vi nhất để tham dự vào cuộc chiến đó, cuộc chiến tranh thủ độc giả, khán giả, đồng thời cũng là cuộc chiến chiếm lĩnh và ngự trị tâm hồn và trí óc của con người trong xã hội. Con người bây giờ sống giữa những sự lôi kéo, những lần đạn không ngừng nghỉ của những cuộc chiến truyền thông. Người ta nói con người ngày nay có quyền tự do, tự quyết, nhưng nếu nhìn cho rõ, con người ngày

nay đã đánh mất rất nhiều tính chất độc lập, tự chủ của mình hơn bao giờ hết. Và đó là mục tiêu của loại truyền thông quảng cáo.

Với sự phát triển của internet và phương tiện di chuyển nhanh chóng, có thể nói chúng ta đang ở trong một cuộc chiến tranh toàn thế giới trên mặt trận truyền thông. Những vũ khí của cuộc chiến này phức tạp hơn vũ khí súng đạn nhiều. Cuộc chiến này không chỉ để đánh bại đối thủ, mà còn làm tê liệt tính độc lập, tự chủ của cá nhân hay tập thể trong xã hội.

Ngôn ngữ và hình ảnh vốn không phải là xấu, truyền thông vốn không phải xấu, trái lại còn là những phương tiện làm thăng hoa đời sống của con người, xã hội. Tuy nhiên, với tâm tham lam và thù hận, con người đã làm cho truyền thông trở thành những đám mây độc hại, ô nhiễm đời sống tinh thần và tâm linh của con người, đưa đến những hành động không thích hợp. Hàng ngày chúng ta chứng kiến bao nhiêu sự việc tiêu cực xảy ra do ảnh hưởng của truyền thông tiêu cực.

Do đó, hơn bao giờ hết, chúng ta cần những nguồn truyền thông tích cực. Và với Phật giáo, truyền thông tích cực không nằm ngoài con đường Bát chánh đạo hay Trung đạo.

Đời sống của một người Phật tử chân chánh là đời sống được hướng dẫn đi trên con đường Bát chánh. Do đó đời sống của một tờ báo Phật giáo nói riêng hay mọi sinh hoạt Phật giáo nói chung đều phải đi trên con đường Bát chánh đó.

Bát chánh đạo là con đường có tám tính chất để một con người, một tập thể theo đó bước đi mà không sợ bị chệch hướng hay thiên lệch. Do đó con đường đó còn được gọi là Con đường giữa hay Trung đạo. Tám nhánh hay tám tính chất của con đường đó là: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định.

Và văn hóa Phật giáo không gì khác hơn là sự áp dụng con đường Trung đạo đó trong mọi sinh hoạt của đời sống cá nhân và xã hội. Có thể nói văn hóa Phật giáo là tất cả những phương tiện, những hình thái sinh hoạt của đời sống đưa đến chỗ bớt tham, bớt sân, bớt si cho cá nhân và tập thể. Một cá nhân hay tập thể ít



tham, ít sân, ít si sẽ là một cá nhân, tập thể lành mạnh, hạnh phúc, văn minh thật sự. Và con đường đưa đến chỗ đó không gì khác hơn là con đường Bát chánh.

Con đường tám tính chất này là con đường dẫn người Phật tử đến chỗ giải thoát mọi khổ đau, cũng là con đường mà khi đi trên đó một người không sợ bị lạc lối dẫn đến khổ đau cho mình cũng như cho người, an tâm và hạnh phúc. Nó vừa là phương tiện, mà cũng vừa là cứu cánh.

Đối với Phật giáo, mỗi một cá nhân, một cộng đồng trong thế giới ảnh hưởng trong thế giới, và thế giới ảnh hưởng trong mỗi cá nhân, cộng đồng. Chúng ta và mọi sự trong thế giới có mối liên hệ mật thiết với nhau. Một sai lầm của của chúng ta, tùy theo mức độ, sẽ ảnh hưởng dây chuyền đến cả một cộng đồng, một xã hội. Một tờ báo, một cơ quan truyền thông mà sai lầm thì sẽ đem lại tai hại cho rất nhiều người, nhiều xã hội.

Như đã nói, những phương tiện và vũ khí truyền thông ngày nay phát triển một cách vượt bậc. Cùng với sự phát triển đó là sự đầu tư lớn về phương tiện vật chất, tài chánh, cũng như chất xám. Thật sự đã có một nền kỹ nghệ lớn về truyền thông. Trong khi đó, chúng ta chỉ có một thứ vũ khí để phòng vệ cho chúng ta, cho bạn bè, con cháu, xã hội của chúng ta dưới những ảnh hưởng tiêu cực của truyền thông. Đó là trí tuệ đạo Phật.

Truyền thông ngày nay làm cho con người không còn tự tin vào chính mình, không nhận ra hướng đi hay lung lay với hướng đi mà mình đã chọn. Trong tình trạng đó, Chánh kiến là vô cùng cần thiết để đưa con người, xã hội trở lại với chính mình, giữ ổn định cho bước chân trên con đường đã chọn để tiến về mục đích đã chọn. Chánh kiến do đó cũng tạo ra Chánh định. Và Chánh định tạo sức mạnh thúc đẩy con người và xã hội đi tới.

Và đối với truyền thông Phật giáo, bên cạnh Chánh kiến là nền tảng, chúng ta cần nhấn mạnh vào Chánh tư duy, Chánh ngữ và Chánh nghiệp.

Chánh kiến của người làm báo Phật giáo là tin rằng Tánh Phật sẵn đủ ở mọi người; Vô Ngã, Bình Đẳng và Tương Liên là sự thật của đời sống; Từ Bi là đức hạnh cao cả.

Chánh tư duy, Chánh ngữ và Chánh nghiệp là suy nghĩ, lời nói và hành động không ra ngoài Chánh kiến.

Kỷ niệm số báo 200 của *Văn Hóa Phật Giáo*, chúng ta đọc lại một vài dòng để cập đến đường hướng của *Văn Hóa Phật Giáo*:

"Lời dạy về con đường giải thoát mà Đức Phật đã tìm ra cách nay đúng 2.600 năm đang được loài người ngày càng hết lòng tuân giữ với mong muốn từ đó tìm được những giải pháp thiết thực để đối trị các căn bệnh thời đại: chiến tranh, bạo lực, nghèo đói, suy thoái đạo đức và tàn phá môi trường sống..." (Thư tòa soạn VHPG số 128).

"Văn biết việc nghiên cứu kinh điển và lý thuyết Phật học luôn là nền tảng cho việc hành trì chánh pháp của Đức Phật, VHPG cho rằng việc quan tâm đến những suy nghĩ chân thành của mọi người thể hiện nổi ưu tư trong cuộc sống hàng ngày, đặc biệt là việc chia sẻ kinh nghiệm hành trì Phật pháp, việc ý thức cần phải giữ gìn sự phong phú của đời sống tâm linh trên nền văn hóa truyền thống dân tộc, việc sốt sắng đóng góp tiếng nói thể hiện sự quan tâm đến mọi sinh hoạt xã hội đang ngày càng tiến vào hội nhập quốc tế, ... cũng là điều hết sức cần thiết để cái đúng, cái tốt, cái đẹp ngày một lan tỏa, đến lúc có thể lay động tâm thức con người; một mặt là những gợi ý cho việc tìm những giải pháp; mặt khác đóng góp những giải pháp xây dựng xã hội hiền thiện. Trên tinh thần đó, một mặt VHPG trân trọng những bài viết nghiên cứu và trình bày lý thuyết, mặt khác mong muốn phát triển những bài viết có tính cách thực tiễn, mời gọi tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, không phân biệt niềm tin hay quan điểm, cùng đóng góp những suy nghĩ chân thành của mình" (Thư tòa soạn VHPG số 131).

Chẳng phải đó là những suy tư, những lời nói của Chánh tư duy, Chánh ngữ, sự động viên cho những việc làm Chánh nghiệp đó sao?

Và nội dung tờ báo qua gần 200 số cũng đã chứng tỏ cho chúng ta rằng *Văn Hóa Phật Giáo* đã cố gắng đi trên

con đường đó, một mặt hướng về con đường tâm linh giải thoát, nhưng mặt khác cũng không quên hướng về xã hội và văn hóa. Đó là con đường của đạo Phật Đại thừa.

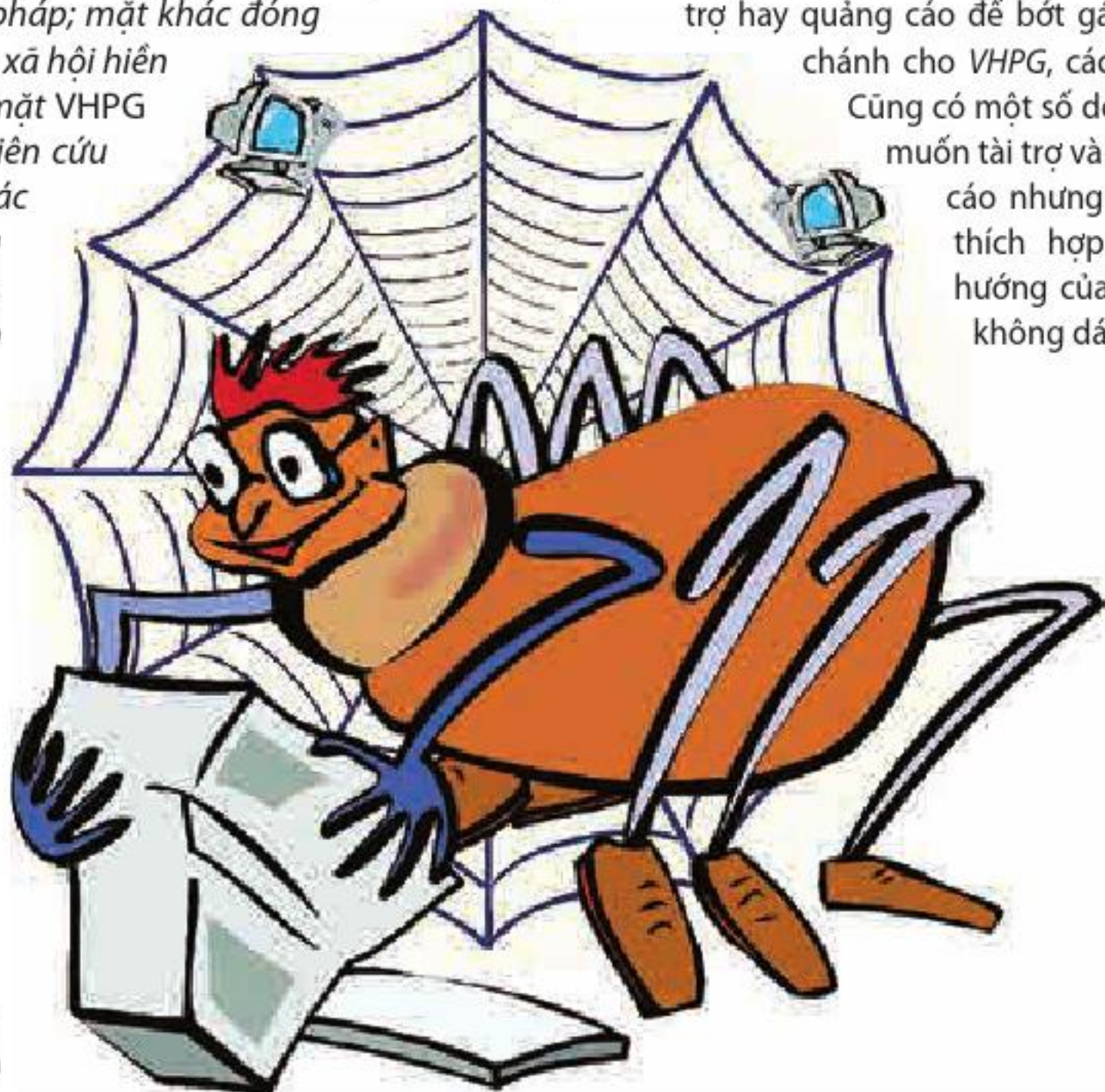
Hai trăm số báo với gần 10 năm tuổi thọ tuy là một đoạn đường quá ngắn so với lịch sử Phật giáo, nhưng là một đoạn đường dài đối với một tờ báo. Những cố gắng để đi về một hướng của *Văn Hóa Phật Giáo* với gần 200 tờ báo trong tình trạng khó khăn về tài chánh và những khó khăn khác cũng nói lên tính chất Chánh tinh tấn và Chánh định của *Văn Hóa Phật Giáo*².

Sự nghiệp của một người là một phần của hiện sinh người đó. Sự nghiệp của một tập thể là một phần hiện sinh của tập thể đó. Sự nghiệp của một người Phật tử, của một cộng đồng Phật giáo là bước được những bước trên con đường Bát chánh đạo trên con đường hướng thiện vô tận của mình.

Con người có cái hồn thì một tờ báo, một sinh hoạt, một cộng đồng cũng có một cái hồn. Cái hồn đó là cái hồn tập thể do nhiều người tạo nên. Tôi thường cầm một tờ báo, một cuốn sách một cách trân trọng vì biết nó có một cái hồn. Và khi cái hồn đó là cái hồn, cái tâm thức đi trên con đường Bát chánh thì càng đáng trân trọng. ■

1. "We seldom realize, for example that our most private thoughts and emotions are not actually our own. For we think in terms of languages and images which we did not invent, but which were given to us by our society".

2. Có lần nói chuyện với các anh trong tòa soạn *Văn Hóa Phật Giáo*, tôi hỏi các anh sao không tìm thêm nhà tài trợ hay quảng cáo để bớt gánh nặng tài chánh cho VHPG, các anh trả lời: Cũng có một số doanh nghiệp muốn tài trợ và đăng quảng cáo nhưng thấy không thích hợp với đường hướng của tờ báo nên không dám nhận.





Lý do học tập

tại Học viện Phật giáo Việt Nam ở TP.HCM của Tăng Ni sinh

THÁI VĂN ANH

Tăng Ni sinh (TNS) là đội ngũ tri thức tương lai của Phật giáo Việt Nam. Sự phát triển của Phật giáo cần phải có lực lượng tu sĩ trẻ tinh thông Phật học, khoa học, có đạo đức và am hiểu các pháp môn tu tập. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, sự thách thức của quá trình hội nhập quốc tế trên mọi phương diện ngày càng được mở rộng cùng với những ưu điểm và hạn chế của nó, đòi hỏi TNS cần phải nâng cao ý thức học tập, rèn luyện bản lĩnh, đạo đức để đáp ứng nhu cầu của thời đại, góp phần ngày càng nâng cao uy tín, vị thế Phật giáo Việt Nam.

Học để làm gì thật sự là vấn đề trọng tâm của hoạt động giáo dục. Chính vì vậy, Ủy ban Giáo dục quốc tế UNESCO đã đề ra lý do học tập trong thời đại mới là: *học để biết, học để làm, học để khẳng định mình và học để chung sống với người khác* (Learning to know, learning to do, learning to be and learning to live together). Riêng TNS đang học tại Học viện là đội ngũ

kế thừa và phát triển đạo Phật trong hiện tại và tương lai. Họ theo học tại Học viện vì lý do gì, bài viết dưới đây sẽ trả lời câu hỏi đó.

Trong bài viết, tác giả dùng phương pháp nghiên cứu chính là điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn và thống kê toán học. Để tìm hiểu lý do học tập tại Học viện của TNS HVPGVN tại thành phố Hồ Chí Minh, tác giả khảo sát ý kiến trên 100 TNS với câu hỏi "mở": Lý do Tăng (Ni) sinh học tập tại Học viện Phật giáo? Ý kiến thu được tác giả thiết kế thành câu hỏi "đóng" với 17 lý do cơ bản để khảo sát chính thức, mỗi TNS trả lời bằng cách chọn ra ba lý do phù hợp với mình nhất. Nghiên cứu được khảo sát trên 323 TNS hệ chính quy của HVPGVN tại TP.HCM; trong đó có 178 TNS khóa VIII và 145 TNS khóa IX, bao gồm 140 Tăng sinh và 183 Ni sinh. Kết quả khảo sát dựa vào tần số và tỷ lệ phần trăm các lựa chọn để phân tích, đánh giá.

Kết quả khảo sát mức độ các lý do TNS lựa chọn thể hiện ở bảng 1 như sau:

Bảng 1. Kết quả khảo sát lý do TNS học tập tại Học viện Phật giáo

STT	Nội Dung	Tần số	Tỷ lệ %	Xếp bậc
1	Tìm hiểu kiến thức Phật học ở cấp độ cao hơn	217	22.4	1
2	Tìm hiểu thêm kiến thức Phật học và thế học	109	11.2	4
3	Học viện là nơi đào tạo có chất lượng cao	51	5.30	7
4	Đơn giản vì được học ở một trường đại học Phật giáo	29	3.00	9
5	Muốn có bằng cấp cử nhân Phật học	52	5.40	6
6	Học viện dễ thi vào	21	2.20	12
7	Bước đệm học tiếp lên cao học	25	2.60	10
8	Cơ hội được vào TP.HCM	12	1.20	16
9	Gia đình, thầy tổ động viên, khích lệ	18	1.90	14
10	Được học hỏi với đội ngũ giảng viên trình độ cao	25	2.60	10
11	Đã học qua cao đẳng Phật học	15	1.50	15
12	Thực hiện ước mơ trở thành nhà hoằng pháp tương lai	51	5.30	7
13	Tiếp thu kiến thức phục vụ cho việc tu tập	116	12.0	3
14	Tiếp thu kiến thức phục vụ công tác hoằng pháp độ sinh	118	12.2	2
15	Muốn tiếp xúc, học hỏi với nhiều TNS khác	21	2.20	12
16	Nhu cầu xã hội hiện nay đòi hỏi cần phải có trình độ	79	8.20	5
17	Không biết học gì khác	10	1.00	17

Qua số liệu bảng 1 cho thấy:

- Lý do “Tìm hiểu kiến thức Phật học ở cấp độ cao hơn” chiếm vị trí thứ nhất (1/17), bao gồm 217 lần lựa chọn chiếm 22.4% tổng số các câu trả lời. Kế đến là lý do “Tiếp thu kiến thức phục vụ công tác hoằng pháp độ sinh” xếp vị trí thứ 2 chiếm 12.20% tổng số các câu trả lời. Và lý do xếp vị trí thứ 3 chiếm 12.00% tổng số các câu trả lời đó là “Tiếp thu kiến thức phục vụ cho việc tu tập”. Như vậy, trong các lý do để theo học tại Học viện Phật giáo của TNS, lý do tìm hiểu kiến thức Phật học ở cấp độ cao hơn để phục vụ cho công tác hoằng pháp và tu tập được TNS chọn nhiều nhất. Điều này giúp ta dự đoán rằng TNS Phật giáo rất coi trọng việc học hỏi, nghiên cứu Phật học. Tuy nhiên, việc tìm hiểu Phật học này không phải để trở thành nhà nghiên cứu Phật, hay đơn thuần chỉ để làm giàu thêm vốn tri thức, hiểu biết của bản thân về Phật pháp, mà nó gắn liền với việc hoằng pháp độ sinh và sau đó là tu tập của bản thân. Tăng sinh Nguyễn Văn B. (Pháp danh Đồng Q., lớp Đại cương, khóa IX) cho rằng: *“Học tập là để tiếp thu kiến thức có trong đạo lẫn bên ngoài. Từ những kiến thức đó đúc kết làm hành trang trên con đường giáo hóa, đem ánh sáng đạo pháp đến quần chúng. Đem những hiểu biết học được trên trường kết hợp với sự tu tập của bản thân để làm vơi đi bớt những khổ đau của chúng sanh”*. Ba lý do đầu tiên này hoàn toàn phù hợp với mục đích xuất gia của người tu sĩ đó là học Phật để được giác ngộ và giúp người khác cũng được giác ngộ như mình. Đó cũng là tinh thần tự giác và giác tha trong Phật giáo đã trở thành truyền thống từ xưa đến nay.

- Bên cạnh ba lý do thúc đẩy TNS theo học tại Học viện Phật giáo thì hai lý do cũng được đông đảo TNS

lựa chọn, xếp vị trí thứ 4, và 5 trong bảng xếp bậc đó là “Tìm hiểu thêm kiến thức Phật học và thế học” và “Nhu cầu xã hội hiện nay đòi hỏi cần phải có trình độ” chiếm tỷ lệ 11.2% và 8.2%. Tại Học viện Phật giáo, ngoài những học phần thuộc về chuyên ngành Phật học, mang đậm tính chất tôn giáo, triết học Phật giáo, thì TNS cũng được học tập nghiên cứu một số học phần thuộc về kiến thức xã hội-nhân văn. Điều này giúp TNS vừa thỏa mãn niềm đam mê tìm hiểu kiến thức Phật học ở cấp độ cao, vừa có thể tiếp cận những bộ môn khoa học ở lĩnh vực bên ngoài. Một điều cần lưu ý là hiện nay chúng ta đang sống trong một thời đại mà trình độ khoa học kỹ thuật ngày một nâng cao, nền tri thức nhân loại ngày một đòi hỏi con người cần phải am hiểu nhiều lĩnh vực mới có thể hội nhập và phát triển. Ngay trong đời sống tu học và làm việc của người tu sĩ cũng vậy, họ cũng cần có trình độ để hòa nhập với xu thế chung của xã hội, để dễ dàng đem kiến thức Phật học phổ biến vào quần chúng, hoặc có khả năng họ cũng có thể nắm giữ những vị trí quan trọng trong Giáo hội. Khi được hỏi về ý nghĩa của việc học tập ở Học viện Phật giáo, Ni sinh Nguyễn Thị Ph. (Pháp danh Thích nữ Như H., lớp Hoằng pháp, khóa VIII) trả lời: *“Học viện Phật giáo có nền giáo dục căn bản xác thực về ý nghĩa lời Phật dạy. Học tập ở Học viện ta sẽ có được một kiến thức cơ bản, chuẩn mực về Phật học cũng như thế học. Từ sự tiếp thu giáo lý Phật giáo, ta áp dụng vào đời sống tu tập đem lại sự an lạc nơi tâm hồn và ta có thể truyền lại cho người khác được như mình”*.

- Ở bảng 1, chúng ta còn nhận thấy ba lý do được TNS lựa chọn ở mức độ thấp nhất: “Đã học qua cao đẳng Phật học” (1.5%), “Cơ hội được vào TP.HCM” (1.2%)

và “Không biết học gì khác” (1%). Có thể nói đây là dấu hiệu khả quan cho thấy đa phần TNS bước vào một cấp học mới với tâm thế sẵn sàng cho hoạt động học tập đầy căng thẳng, lâu dài và nghiêm túc. Học tập trước hết phải xác định được mục đích của việc học tập, từ đó người học mới cảm thấy có niềm vui, có hứng thú và cố gắng học tập. Mục đích học tập đúng đắn còn tạo nên tâm lý ổn định cho việc chú tâm vào việc học. Với lý do học ở Học viện để được vào TP.HCM, mục đích này không đề cao việc tiếp thu tri thức và kỹ năng mà chỉ đơn giản vì muốn được vào ở một thành phố năng động, nổi tiếng, có nhiều điều mới mẻ, hấp dẫn. Còn với lý do “Không biết học gì khác” được 10 TNS lựa chọn, chiếm tỷ lệ 1% trên tổng số các câu trả lời. Tuy tỷ lệ này không cao nhưng vẫn có TNS lựa chọn. Thiết nghĩ, nhà trường cần phải đẩy mạnh công tác giáo dục kích thích động cơ, hứng thú học tập của TNS, để cho các TNS này có cơ hội được nhìn nhận lại việc học của mình, từ đó hình thành mục đích học tập đúng đắn, tham gia tích cực vào quá trình học tập tại Học viện Phật giáo.

Tóm lại, lý do để TNS học tập tại Học viện Phật giáo Việt Nam ở TP.HCM khá đa dạng. Trong đó phần lớn là để tiếp nhận kiến thức và kỹ năng về Phật học nhằm phục vụ cho việc tu tập và hoằng pháp của bản thân. Sau đó, thông qua chương trình đào tạo tại Học viện, họ có cơ hội học hỏi thêm những môn học cơ bản về lĩnh vực khoa học xã hội-tự nhiên-nhân văn. Nói một cách

ngắn gọn, TNS theo học ở Học viện Phật giáo để phát triển toàn diện, hài hòa về trí tuệ, kỹ năng, lẫn đạo đức, lối sống. Điều này hoàn toàn tương ứng với lý do học tập mà UNESCO đã đề xướng. Trong năm lý do được TNS chọn nhiều nhất chúng ta thấy đó là những lý do đúng đắn, vì thế Hội đồng Điều hành Học viện, giảng viên, các tự viện nơi sinh viên tu học cần khuyến khích, động viên, tạo điều kiện thuận lợi để TNS có động lực học tập, có thêm niềm đam mê, hứng thú về chương trình học cũng như ngôi trường mình đã chọn. ■



CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2014

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2014, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 41 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 38 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,
 Chùa Báo Ân : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q. BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh, Q. 5 : 5
 PD: Diệu Đức : 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA) : 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT : 5 cuốn/kỳ
Ô. Nguyễn Mạnh Hùng,

CTCP. ThaiHa Books : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q. BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q. 2 : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết : 5 cuốn/kỳ
Lakinh.com : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ninh, USA : 4 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền,
 CT TNHH Cơ khí **Mê Linh** : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
CT Nền Hạnh Phúc, Q. BT : 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ

CTy TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Thiện Thành, Q. 6 : 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCHĐ ĐN : 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan
 (namgiao1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: **446 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.**

Email: vanhoaphatgiaovnn.vn, hoặc toasoanvhp@gmail.com

Ban Biên tập



Ý nghĩa sự Đản sanh của Đức Phật

THÍCH NỮ DIỆU HƯƠNG

Ngược dòng lịch sử 2.638 năm về trước, tại vườn Lâm-tỳ-ni thuộc thành Ca-tỳ-la-vệ của đất nước Ấn Độ, hoàng hậu Ma-da đã hạ sanh một Thái tử nơi cội hoa Vô ưu. Truyền thuyết kể lại rằng, khi ra khỏi lòng mẹ, Thái tử đứng vững chân, xoay mặt về hướng Bắc và nói: *"Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn; Vô lượng sanh tử, ư kim tận hỷ"*. Theo kinh *Đại Bản Duyên* và một số kinh theo truyền thống Bắc tạng thì cho rằng Thái tử sanh ra từ hông bên phải của hoàng hậu, bước đi bảy bước trên hoa sen, một tay chỉ trời, một tay chỉ đất mà nói rằng: *"Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn"*. Sau ngày Đản sanh, vua Tịnh Phạn cho mời các đạo sĩ Bà-la-môn đến xem tướng và đặt tên cho Thái tử là Tất-đạt-đa (Siddhattha).

Theo kinh *Đại Bản*, kinh *Tập*, *Tiểu Bộ kinh* thì lúc mới sanh ra, Thái tử đã có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, đó là dấu hiệu của một Bậc Chánh đẳng Chánh giác, hoặc một bậc Chuyển luân Thánh vương trong tương lai. Bảy ngày sau khi Thái tử Đản sanh thì

Hoàng hậu Ma-da qua đời, Thái tử được người dì là Ma-ha-ba-xà-ba-đề nuôi dưỡng. Khi lớn lên, Thái tử được học tập và rèn luyện thông suốt tất cả các học nghệ, cho đến các khả năng như biện thuyết, suy luận... Ngài đều tỏ ra xuất chúng.

Rồi đến khi trưởng thành, Thái tử có tư tưởng xuất ly tâm đạo. Vua Tịnh Phạn hiểu được điều đó, liền tìm đủ mọi cách để giữ chân Thái tử. Theo lệnh vua cha, Thái tử kết hôn với công chúa Da-du-đà-la, một công chúa tài sắc và đức hạnh của nước Kiểu-tát-la. Sau đó Thái tử có một đứa con trai là La-hầu-la. Khi Thái tử chứng kiến những cảnh khổ về sanh, già, bệnh, chết và sau đó là trông thấy sự thanh thoát của một vị Sa-môn, Thái tử quyết định rời khỏi hoàng cung để xuất gia tầm đạo. Theo truyền thống của Bắc tạng thì Thái tử trải qua sáu năm tầm sư học đạo, năm năm tu khổ hạnh và sau đó Ngài tìm ra con đường Trung đạo, thiền định bên cội bồ-đề bốn mươi chín ngày đêm thì hoát nhiên đại ngộ, Ngài trở thành một Bậc đại giác, tức là thành Phật.

Sự đản sanh của Đức Phật có một ý nghĩa vô cùng quan trọng, không những Ngài đã góp phần củng cố trật tự xã hội Ấn Độ, mà còn hướng dẫn con người thoát khỏi những khổ đau sanh tử. Xã hội Ấn Độ lúc bấy giờ rất phức tạp. Lúc bấy giờ ở Ấn Độ có rất nhiều trường phái và các học thuyết khác nhau, trong *Luật Thiện Kiến* ghi có đến 96 trường phái. Tất cả các học thuyết của các trường phái ấy lan rộng khắp nơi và chịu sự chi phối của Bà-la-môn giáo. Nhưng đến khi đất nước lớn mạnh với những cơ sở hạ tầng phát triển thì kiến trúc thượng tầng dường như không kham nổi vai trò của mình nữa. Những sinh hoạt hàng ngày mà người dân Ấn Độ lệ thuộc vào Bà-la-môn giáo, lệ thuộc vào các vị thần quyền năng... đã trở nên gò bó đơn điệu. Vào giai đoạn ấy, một Bậc giác ngộ chân lý có khả năng giải quyết mọi rối ren về tư tưởng và của con người bấy giờ. Đó là một Đấng sáng tạo không độc quyền giữ chân lý, Ngài chỉ dung nạp, dung chứa và hòa hợp. Ngài đã tự thân tu tập, chứng ngộ rồi đưa ra con đường cứu khổ, giải thoát cho con người. Vị đó chính là Đức Phật Thích-ca Mâu-ni.

Xã hội Ấn Độ bấy giờ chia thành bốn giai cấp: Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Phệ-xá và Thủ-đà-la là giai cấp nô lệ cho giai cấp Bà-la-môn. Sự bất công trong xã hội Ấn Độ không chỉ tác động đến đời sống vật chất, mà còn ghi dấu ấn sâu đậm trong đời sống tinh thần, tư tưởng và tôn giáo của người dân Ấn Độ. Nó đã hạn chế lý trí của con người, biến con người trở thành công cụ ngoan ngoãn của mê tín tôn giáo. Con người sống trong xã hội ấy không chỉ bị đè nặng bởi nỗi khổ do quan hệ bất công và sự bóc lột hà khắc của giai cấp quý tộc với giai cấp nô lệ, mà còn bị bóp nghẹt bởi sự phân biệt chủng tính, màu da và sắc tộc.

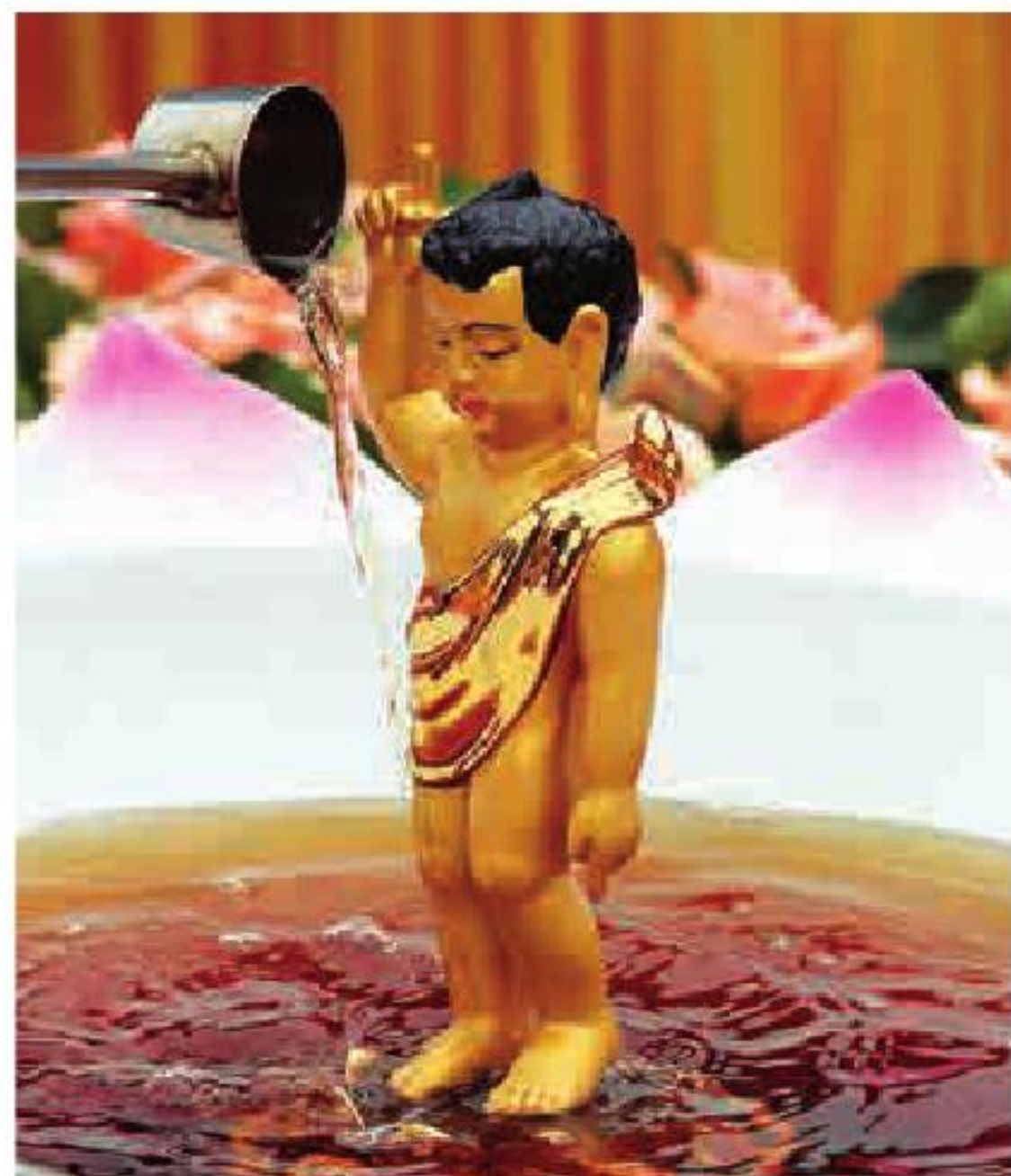
Đức Phật Thích-ca ra đời, Ngài đã sáng lập nên một tôn giáo bình đẳng, vị tha. Ngài phủ nhận giai cấp bất công trong xã hội và đem chế độ bình đẳng để đãi ngộ cho mọi người. Trong bài kinh *Tiểu Duyên*, thuộc *Trường A-hàm*, Đức Phật dạy rằng: *"Hiện nay trong chúng đệ tử của Ta dòng dõi không đồng, xuất xứ khác nhau xuất gia tu hành trong giáo pháp của Ta. Nếu có ai hỏi: "Người thuộc dòng nào?" thì nên trả lời rằng: Tôi là Sa-môn, con dòng họ Thích".* Với sự thành lập Ni đoàn, Đức Phật đã mở ra cho phụ nữ con đường giải phóng. Người phụ nữ trong Phật giáo không chỉ thoát khỏi thân phận phụ nữ thấp hèn, lệ thuộc vào nam giới, mà họ còn có thể đạt được chân lý Niết-bàn tối thượng. Ngài còn chỉ dạy cho những vị lãnh đạo một quốc gia hay lãnh đạo một xã hội làm thế nào để cho một quốc gia, xã hội đó vững mạnh lâu dài.

Quả thật Đức Phật là một Bậc vĩ nhân, Ngài đã tác động phi thường đến con người trong đời sống xã hội, khiến cho con người được sống hòa bình hạnh phúc. Ngài đã thu hóa mọi hạng người: kẻ sang, người hèn; kẻ giàu, người nghèo, kẻ nam, người nữ, v.v... Ngài đem hòa bình khi có chiến tranh, Ngài giác ngộ cho kẻ lầm

lạc, Ngài đem nước cam-lồ cho kẻ tham dục, sân hận và si mê, Ngài đem tình thương đến cho người bị khốn khổ, v.v... Trong lịch sử nhân loại, ta không thấy có một nhân vật nào đã hy sinh để đem lại niềm vui, hạnh phúc cho con người như Đức Phật. Chúng ta có biết đến một vài nhà hiền triết như Socrates, Platon, Aristote, nhưng các vị này chỉ là những triết gia, những nhà tự do tư tưởng đi tìm chân lý, còn tình thương trước sự đau khổ trầm luân của con người thì họ đều khiếm khuyết.

Sự kiện Đức Phật đản sanh là để xóa tan cái tối tăm của vô minh, hướng dẫn con người thoát khỏi khổ đau. Con người muốn được hòa bình, hạnh phúc an lạc thì trước hết phải học những cách thức dẫn đến giập tắt sân hận, tham lam và si mê, vì đó là gốc rễ của năng lực tội lỗi. Giáo lý của Đức Phật giúp cho xã hội có thể tiến bộ về văn hóa, văn minh, cho con người sống trong hòa bình và hòa hợp, soi sáng cho nhân loại vượt qua một thế giới tối tăm, hận thù và đau khổ, tiến tới một thế giới ánh sáng, tình thương và hạnh phúc.

Như vậy, Đức Phật ra đời mang một ý nghĩa vô cùng quan trọng. Không những Ngài đã thiết lập một xã hội bình đẳng, đem lại hòa bình cho nhân loại, mà còn hướng con người thoát khỏi khổ đau trầm luân trong sanh tử. Có lẽ từ những đóng góp có giá trị cho xã hội loài người như vậy mà Liên Hiệp Quốc đã công nhận ngày Phật đản là ngày Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc. Sự kiện này rất có ý nghĩa, không những phổ biến giá trị của Phật sâu rộng vào quần chúng nhân dân, mà còn thể hiện tình hữu nghị giữa các nước trên thế giới. Nhân mùa Phật đản 2014, chúc tất cả những người con Phật và tất cả nhân loại trên thế giới một mùa Phật đản an lạc, hạnh phúc. ■



Tạo nền tảng tốt cho thiền định

Tỳ-kheo THANISSARO
NGUYỄN VĂN NGHỆ dịch

Thiền định không phải là con đường một chiều - bạn không thể chỉ ngồi thiền và cuộc sống của bạn sẽ trở nên tốt đẹp hơn. Bạn phải thay đổi cách sống của mình để cải thiện việc thiền định của bạn.

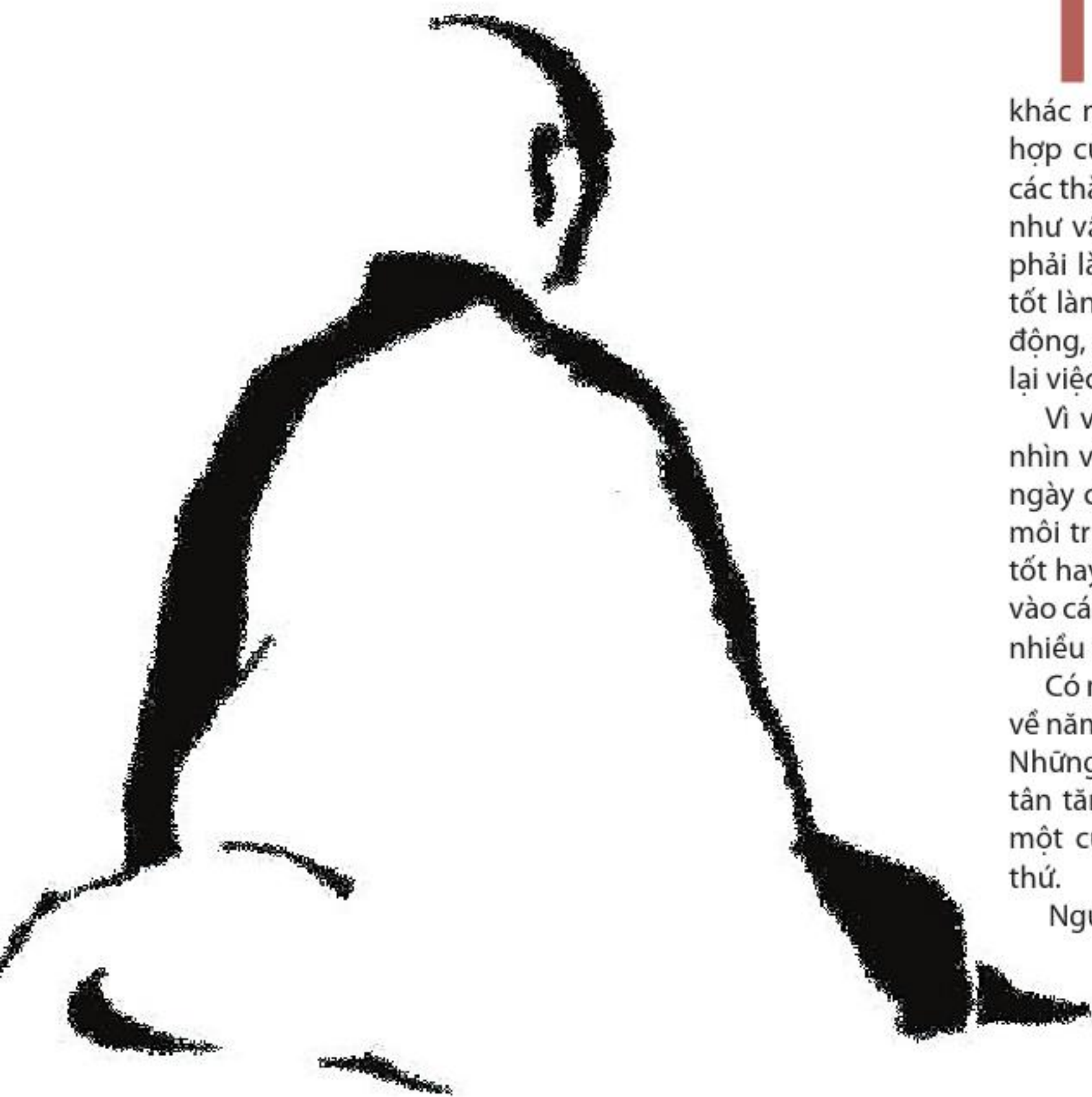
Tỳ-kheo Thainissaro tóm lược năm nguyên tắc của một cuộc sống đạo đức và biết kiểm chế, thuận lợi cho việc thực hành thiền định.

Thường chúng ta nghĩ rằng chỉ cần thêm thiền định vào thời khắc biểu hằng ngày của chúng ta, những hiệu quả của thiền định sẽ thấm vào toàn bộ cuộc sống của mình và chúng ta không cần phải làm thêm điều gì khác nữa. Đơn giản chỉ thêm thiền định vào cái hỗn hợp của cuộc sống của bạn và nó sẽ thay đổi tất cả các thành phần khác của cuộc sống – bạn thường nghĩ như vậy nhưng sự thật không phải như vậy. Bạn cần phải làm cho cuộc sống của mình trở thành một nơi tốt lành cho thiền định thấm vào, bởi vì một số hành động, một số trạng thái của tâm bạn thực sự để kháng lại việc tiếp nhận ảnh hưởng của thiền định.

Vì vậy mà khi bạn là một thiền giả bạn cũng phải nhìn vào cách sống của mình, những sinh hoạt hằng ngày của mình. Hãy xem thử bạn có đang tạo ra một môi trường có thể giúp cho việc thiền định tiến triển tốt hay không. Nếu không thì việc thiền định chỉ trám vào các khe hở nơi này nơi khác và không bao giờ thấm nhiều vào cái gì cả.

Có một lời dạy trong giáo luật của hệ phái Theravada về năm nguyên tắc mà một tân tăng phải luôn ghi nhớ. Những nguyên tắc này không chỉ áp dụng cho những tân tăng mà cũng áp dụng cho bất cứ ai muốn sống một cuộc sống mà thiền định có thể thấm vào mọi thứ.

Nguyên tắc thứ nhất là *đức hạnh*. Hãy bảo đảm rằng bạn tuân thủ nghiêm ngặt các giới. Dĩ nhiên, đối với các tu sĩ thì các giới này là *Patimokkha* – tức là giới bốn Tỳ-kheo mà mọi tu sĩ phải



tuân theo. Đối với các cư sĩ thì đây là năm giới và có khi là tám giới. Khi bạn tuân thủ các giới thì có nghĩa là bạn đang tuân thủ những nguyên tắc vững chắc trong đời sống của mình. Đức Phật miêu tả việc giữ giới như là một món quà tặng: một món quà tặng cho chính mình và cho cả những người chung quanh mình. Bạn mang đến sự che chở cho cuộc sống của những người khác, cho tài sản của họ, cho sự hiểu biết về chân lý của họ. Bạn che chở cho họ khỏi bị ảnh hưởng khi bạn say rượu. Bạn che chở cho họ khỏi bị ảnh hưởng khi bạn làm điều tà dâm. Và khi những nguyên tắc này trở thành các giới cấm – có nghĩa là trở thành một lời hứa với chính mình rằng mình sẽ giữ giới trong mọi hoàn cảnh – Đức Phật nói rằng bạn đang mang lại sự che chở vô hạn, sự an toàn vô hạn cho những người khác, và chính bạn cũng hưởng được một phần sự an toàn đó.

Do đó các giới luật tạo ra một môi trường trong đó có nhiều sự bảo vệ, che chở hơn. Và khi có nhiều sự che chở hơn thì thiện định sẽ dễ dàng hơn. Giới luật còn thúc đẩy một thái độ đem cho. Bạn ý thức được rằng muốn được hạnh phúc, bạn phải đem cho. Khi bạn có thái độ đó thì bạn thiện định dễ dàng hơn, bởi vì rất nhiều khi người ta đến với thiện định với câu hỏi, “Ta được lợi gì từ việc thiện định?”. Nhưng nếu bạn quen với việc đem cho và thấy được những kết quả tốt đẹp từ việc đem cho, thì rất có thể bạn sẽ hỏi, “Ta đem cho thiện định cái gì? Những nhu cầu gì cần được đem cho để mang lại kết quả tốt đẹp?”. Với thái độ đó bạn sẵn lòng đem cho thời gian và sức lực của mình theo những cách mà có thể trước đây bạn chưa bao giờ từng làm.

Nguyên tắc thứ hai để tạo ra một môi trường tốt đẹp cho thiện định trong cuộc sống của mình là việc *chế ngự các căn*. Nói cách khác, bạn không những thận trọng với những gì từ tâm mình ra mà còn phải thận trọng với những gì thâm nhập vào tâm, tức là những gì bạn nhìn, nghe, ngửi, nếm, chạm và nghĩ về. Hãy thận trọng đừng tập trung nhìn vào những gì có thể khiến ta tham lam, tức giận hay phiền não. Nếu bạn bất cẩn trong việc nhìn, bất cẩn trong việc nghe thì bạn khó mà thận trọng trong ý tưởng của mình vì ý tưởng thì tinh tế hơn nhiều.

Điều này không có nghĩa là bạn phải bịt mắt bịt tai không nhìn không nghe gì cả; nó chỉ có nghĩa là bạn khôn khéo trong cách nhìn sự việc, khôn khéo trong cách nghe. Nếu bạn biết rằng một sự việc gì đó có thể khơi dậy tham dục hay sân hận, hãy biết cách nhìn sự việc đó theo cách có thể kháng cự lại tham dục hay sân hận. Nói cách khác, nếu một cái gì đó có vẻ quyến rũ, bạn hãy tìm cho ra khía cạnh khó ưa của nó. Nếu một cái gì đó có vẻ khó ưa thì bạn hãy tìm kiếm khía cạnh quyến rũ của nó. Như Ajahn Lee, một trong những vị thầy lỗi lạc của truyền thống tu thiền khổ hạnh trong rừng của Thái Lan đã nói “bạn hãy là người có hai con mắt, không phải chỉ có một”.

Nói như vậy không có nghĩa là bạn không nên nhìn vào thân thể. Nó có nghĩa là bạn nên nhìn một cách thận trọng hơn. Hãy nhìn vào những bộ phận không quyến rũ. Làm như vậy sẽ làm cân bằng cái nhìn phiến diện chỉ tập trung vào một số ít chi tiết hấp dẫn chỗ này chỗ khác và xóa nhòa đi mọi chi tiết khác với mục đích tạo điều kiện cho tham dục nảy sinh. Nói cho cùng, không phải cái thân thể tạo ra tham dục. Cái tâm tạo ra tham dục. Rất nhiều khi tâm muốn cảm thấy dục lạc và vì vậy nó tìm kiếm một cái gì có thể kích động dục lạc. Nó cố nắm lấy bất cứ những chi tiết nhỏ nhặt nào nó tìm được, cho dù những chi tiết đó bị vây quanh bởi đủ mọi thứ bất tịnh.

Vì vậy bạn hãy cảnh giác với những gì từ tâm mà ra và những gì đi vào tâm. Đối với cư sĩ điều này có nghĩa là hãy cẩn thận với bạn bè mình giao du, với những tạp chí mình đọc, chương trình ti-vi mình xem và thứ âm nhạc mình nghe. Sau một thời gian bạn sẽ thấy rằng không phải là mình tự kềm chế mình quá mức mà chính là mình đang học cách nhìn mọi sự một cách thận trọng hơn, đầy đủ hơn. Bây giờ bạn đang nhìn thấy cả hai mặt của mọi sự việc mà trước đây bạn chỉ nhìn thấy nó chỉ hấp dẫn không mà thôi hay là chỉ khó ưa không mà thôi.

Việc này đòi hỏi phải có nỗ lực. Bạn phải có nhiều nghị lực hơn trong việc cảnh giác về cách mình nhìn và nghe. Nhưng cái lợi lạc là mình có được cái tâm thể tốt hơn để thiện định bởi vì mình không chất chứa đầy trong tâm những thứ sẽ làm hại tâm, làm suy yếu tâm hay gây cản trở tâm. Nhiều lúc bạn ngồi xuống thiện định, nếu bạn đã không thận trọng với những gì vào ra tâm bạn thì bạn sẽ thấy nó giống như làm vệ sinh một cái nhà kho đã một năm không sử dụng. Có rất nhiều rác trong đó mà bạn phải mất trọn một tiếng đồng hồ để dọn dẹp sạch sẽ và rồi bạn nhận ra rằng bạn chỉ có năm phút cuối cùng để ngồi yên tịnh. Đừng để rác rưởi ở cửa ra vào và ở các cửa sổ. Được như vậy bạn mới có một nơi tốt đẹp hơn để an định khi bạn tạo cho mình một thiện cảnh.

Nguyên tắc thứ ba trong việc tạo một môi trường tốt cho việc thiện định là *kềm chế trong việc chuyện trò*. Khi tôi lần đầu tiên đến ở với thầy tôi, ngài Ajahn Fuang, ngài nói bài học đầu tiên trong thiện định là kềm chế cái miệng của mình. Nói cách khác, trước khi bạn nói một điều gì, bạn hãy tự hỏi: “Việc này có cần thiết không? Việc này ích lợi gì không? Có lý do gì để nói chuyện này không?”. Nếu có thì hãy nói. Nếu không thì thôi, nên giữ im lặng. Như ngài nói, nếu bạn không thể kềm chế được miệng của mình thì không có cách gì bạn chế phục được cái tâm của mình. Và khi bạn đã có được thói quen tự hỏi mình những câu hỏi như vậy thì bạn sẽ thấy rằng ít khi cần thiết phải chuyện trò. Nếu bạn ở cơ quan và bạn cần phải nói chuyện với đồng nghiệp để tạo thân tình ở nơi làm việc. Chuyện đó thì tốt thôi, kể như là việc chuyện trò cần thiết. Nhưng

thường thì việc nói năng dễ trôi trong quan hệ xã hội thường đi quá xa hơn là chuyện xã giao nơi cơ quan. Bạn bắt đầu thiếu thận trọng, nói vội nói vàng và rồi trở thành ngổ lê đôi mách. Điều này không chỉ là một chuyện phí công vô ích mà còn là một mối nguy hiểm. Thường thì những điều người ta nói ra gây tai hại nhiều nhất là những điều gì vào trong đầu người ta thì được cho ra ngay mà không có sự kiểm chế nào hết.

Nếu tuân thủ nguyên tắc này bạn sẽ được cho là người trầm lặng và như thế là tốt. Bạn sẽ thấy rằng những lời nói của bạn, nếu được thốt ra một cách thận trọng, bắt đầu trở thành những lời nói có giá trị hơn. Và đồng thời bạn cũng tạo ra cho bạn một tâm trạng tốt hơn. Nói cho cùng, nếu bạn chuyện vãn không dứt suốt ngày thì làm thế nào bạn có thể

ngừng lại chuyện chuyện vãn trong tâm bạn khi bạn ngồi xuống để thiền? Nếu bạn tập được thói quen canh chừng cái miệng của mình thì thói quen đó cũng được áp dụng vào việc thiền định của bạn. Tất cả những cái miệng trong tâm bạn sẽ bắt đầu im tiếng hết.

Nguyên tắc thứ tư để tạo một môi trường tốt cho thiền định trong cuộc sống của bạn là *có được một môi trường tịch mịch*. Trong môi trường đó bạn có thể có một cái nhìn về cuộc đời mình để cho những gì đang diễn ra trong tâm bạn nổi bật lên một cách rõ rệt hơn. Bạn hãy cố gắng tìm được môi trường càng tịch mịch càng tốt. Môi trường như vậy sẽ rất tốt cho bạn. Khi người ta thấy khó sống trong môi trường tịch mịch thì điều đó chứng tỏ rằng có nhiều chuyện chưa giải quyết được trong nội tâm mình.



Do đó bạn hãy tạo nên cho mình một chỗ tịch mịch trong nhà của bạn. Hãy tắt ti-vi, tắt đèn và hãy tự cho phép mình ở một mình mà không có gì làm mình mất tập trung. Bạn hãy nói cho mọi người biết bạn cần có thời gian ở một mình vào một thời gian nhất định mỗi ngày. Khi bạn làm như vậy, bạn sẽ thấy những điều chìm sâu thẳm trong tâm bạn sẽ nổi lên trên bề mặt – và chỉ khi chúng nổi lên trên bề mặt thì bạn mới có thể giải quyết được chúng. Khi không có gì từ bên ngoài tác động vào bạn, tâm của bạn sẽ gắn với thiền định dễ dàng hơn. Lúc đầu có thể có nhiều nói năng huyền thiên trong đầu bạn, nhưng chỉ một lúc sau bạn sẽ chán ngấy chuyện đó. Và bạn thích im lặng hơn. Đồng thời bạn tránh được ảnh hưởng của những tư tưởng và ý kiến của những người khác. Bạn bắt buộc tự hỏi mình, “Ta thực sự tin điều gì? Ý kiến của ta là gì? Điều gì là quan trọng với ta khi ta không bị ảnh hưởng bởi những ý kiến của người khác?”

Điều này dẫn đến nguyên tắc thứ năm, đó là phát triển *chánh kiến*. Chánh kiến có hai cấp độ. Thứ nhất là sự tin tưởng vào nguyên tắc nghiệp báo – tin rằng những gì bạn làm chắc chắn mang lại những kết quả. Và bạn phải thừa nhận rằng thực sự mọi chuyện là do bạn gây ra, không phải là một lực nào từ bên ngoài tác động vào bạn, không phải các vì sao hay một vị thần linh nào đó. Bạn tự mình quyết định mọi chuyện và bạn có khả năng quyết định khôn ngoan hay thiếu khôn ngoan.

Tin tưởng vào nguyên tắc này là điều quan trọng vì đây là điều mang lại cho cuộc sống của bạn nhiều sức mạnh hơn. Nó là một niềm tin mang lại cho ta sức mạnh – nhưng nó cũng khiến ta có nhiều trách nhiệm hơn. Đó là lý do tại sao bạn phải thận trọng trong những việc mình làm, tại sao bạn không thể lơ là. Khi bạn thận trọng trong những hành động của mình, khi đến lúc ngồi thiền bạn cảm thấy dễ thận trọng hơn với cái tâm của mình.

Cấp độ thứ hai của chánh kiến, cấp độ trừu tượng, có nghĩa là nhìn sự việc theo Tứ diệu đế – phiền não và khổ đau, nguyên nhân của phiền não và khổ đau, diệt phiền não và khổ đau, và con đường luyện tập để diệt khổ đau, phiền não. Bạn hãy nhìn vào toàn bộ trải nghiệm

của bạn: Thay vì phân chia trải nghiệm của mình thành khuôn mẫu thông thường *ta* và *không phải ta*, bạn hãy nhìn xem ở đâu có phiền não và khổ đau. Bạn hãy hỏi, “Ta đang làm gì mà làm sinh ra phiền não đó? Ta có thể buông bỏ hành động ấy không? Và ta cần phát triển những phẩm chất gì? Ta cần phải buông bỏ những gì để có thể từ bỏ tham dục và vô minh vốn là những thứ gây ra phiền não? Khi ta từ bỏ tham dục, ta có thể ý thức được những gì đang xảy ra không?”. Thông thường khi ta bỏ được một thứ tham dục này, ta lại rơi vào một thứ tham dục khác. “Ta có thể làm cho mình ý thức rõ rệt hơn khoảng không ở giữa những tham dục, và làm cho khoảng không đó mở rộng ra không? Một cái tâm không tham dục là như thế nào?”

Theo lời Phật dạy, nhìn sự việc theo cách này là điều rất quan trọng bởi vì nếu bạn xác định sự việc gì cũng theo cái ta của bạn, thì làm sao bạn có thể nhìn thấy chân tướng của mọi việc? Nếu bạn cứ nhất định rằng khổ đau là chính mình, thì làm sao bạn hiểu được khổ đau? Nếu bạn chỉ nhìn vào khổ đau mà không dán cái nhãn “ta” vào đó thì bạn bắt đầu nhìn thấy chân tướng của nó và rồi tìm cách dứt khỏi khổ đau. Nhưng nhìn sự việc theo Tứ diệu đế sẽ giúp bạn giải quyết rốt ráo vấn đề khổ đau.

Vì vậy bạn hãy bắt đầu nhìn toàn bộ cuộc sống của bạn dưới ánh sáng này. Thay vì đổ lỗi chuyện khổ đau cho những người bên ngoài, bạn hãy nhìn vào những gì bạn đang làm mà tạo ra chuyện khổ và tập trung giải quyết cái đó trước. Khi bạn hình thành được thái độ này trong cuộc sống thường nhật, bạn sẽ áp dụng nó vào thiền định dễ dàng hơn nhiều. Bạn tạo ra được môi trường trong đó việc gắn bó với đạo cao quý có ý nghĩa hơn nhiều.

Dù bạn là một tân tăng sống trong tu viện hay là một cư sĩ sống ngoài tu viện, đây là những yếu tố tạo ra môi trường cho việc thiền định: bạn muốn tuân thủ nghiêm ngặt các giới, hãy chế ngự các căn, tập kềm chế việc chuyện trò, tạo ra những nơi yên tĩnh tịch mịch cho chính mình, và phát triển chánh kiến. Khi bạn theo những nguyên tắc này, chúng sẽ tạo ra một môi trường thuận lợi cho việc tập trung thiền định, đồng thời cũng tạo ra một môi trường để tiếp thu vốn tạo thuận lợi cho kết quả của thiền định thấm vào môi trường chung quanh. Theo cách này, việc thực hành thiền định của bạn, thay vì bị ép buộc vào trong những khe nứt của một môi trường không thân thiện và xa lạ thì bây giờ có không gian để phát triển và để chuyển hóa mọi thứ chung quanh nó. ■

Nguồn: *Creating a Good Ground for Meditation*, Thanissaro Bhikkhu, *Shambala Sun*, tháng 5/2004.

Tỳ-kheo Thanissaro hiện trụ trì tu viện Metta Forest ở San Diego, California. Ông là tác giả các tác phẩm *Wings to Awakening* và *Mind Like Fire Unbound*.



Thấy bệnh và thấy tánh

HỒ DUY

Con người, nếu hiểu thô theo nghĩa vật chất, đã là một bộ máy hoàn thiện. Dầu vậy, nếu một ngày dẫn tàn hoại, liệu có ai hy vọng về một tương lai khác thông qua “vật chất, năng lượng, tin tức” - là ba hiện tượng duy nhất của vũ trụ được các nhà khoa học bước đầu phát hiện, tương đương với ba tế tướng của A-lại-da thức trong Phật pháp: “cảnh giới tướng, nghiệp tướng, chuyển tướng”. Dĩ nhiên đề tài sâu rộng này nên tạm xếp để dành thời gian cho sự

sống đang hiện hữu. Thường thì chúng ta không màng đến chuyện cơ thể cần gì mà chỉ quan tâm miệng mình muốn ăn gì. Theo đó thứ miệng đòi hỏi đều đánh đồng là tốt. Người hiểu biết hơn họ sẽ tìm đến loại thực phẩm được chứng nghiệm bổ dưỡng. Đây là thói quen phần nhiều mang tính áp đặt, nhồi nhét và thậm chí tra tấn cơ thể. Không thể phủ nhận công lao to lớn của nền y học hiện đại. Nhờ sự phát triển của khoa học, y học đã có máy móc tân tiến, chế thành công nhiều phương thuốc quý phục vụ



hiệu quả việc chữa lành rất nhiều loại bệnh. Tuy nhiên với những căn bệnh nan y, hiện y học tân thời vẫn tỏ ra lúng túng, trị liệu “ở ngọn”. Theo y học phương Đông, cơ thể có sự cố là do không điều hòa được âm - dương. Hiểu thêm về âm - dương trong mình sẽ khiến cơ thể khỏe mạnh và đẩy lùi bệnh tật. Một trong những người hiểu nhất về quy luật này phải kể đến giáo sư Ohsawa. Phương pháp thực dưỡng, tiết thực của ông được chứng nghiệm trên thế giới và nhờ đó đến nay nhiều người bước ra từ cõi chết.

Rất ngạc nhiên, từ nửa thế kỷ trước, Ohsawa từng khuyến cáo về tác hại khủng khiếp của đường: “Đường hóa học của kỹ nghệ và thương mại là thứ sát nhân có một không hai trong lịch sử loài người...”, “... nó chính thật là nguồn gốc của sự tai vạ văn minh của kỹ nghệ tân thời...”, “... còn sát hại hơn nha phiến hay chiến tranh”. Và ông còn đưa ra một kết luận quan trọng: “Nguyên nhân chính yếu của ung thư

luôn luôn do sự quá thặng âm ở thức ăn nhiều bánh ngọt, cà-phê ngọt và sữa ngọt”. Hồi ấy Ohsawa có thể chưa lường đến những nguyên nhân gây ung thư khác như dùng bia rượu vô độ; thuốc lá, thịt nướng – những thứ chủ yếu do tác dụng của hóa chất. Xin mở ngoặc, thuốc lá nguyên gốc không quá độc hại như ta nghĩ; người dân tộc đa phần quần lá thuốc hút từ nhỏ, hút lúc nhàn rồi cũng như suốt thời gian cuộc rẫy, về già vẫn không sao. Còn thuốc lá đóng gói do sử dụng chất bảo quản và nhiều thứ khác trong quá trình chế biến là tác nhân của bệnh ung thư. Đường và sữa độc hại chính vì bản chất chúng âm tính. Ohsawa từng mỉa mai khi thấy con người dùng sữa, xem đó là “những kẻ tự hủy diệt lấy mình”. Thống kê gần đây cho thấy, những nước dùng sữa với số lượng nhiều thường có người mắc bệnh loãng xương rất cao. Một tài liệu quan trọng của Pháp xuất phát từ bệnh viện Trường Đại học John Hopkins, nằm ở Baltimore, Maryland, nổi tiếng nhất trên thế giới và năm thứ 17 liên tiếp được phân loại ở vị trí đầu tiên trong bảng xếp hạng của các bệnh viện tốt nhất tại Hoa Kỳ. Tài liệu này được tác giả Xuân Phong dịch từ bản tiếng Pháp cho hay: “Thức ăn của con ung thư là ‘đường’. Không ăn đường là cắt bỏ một trong những nguồn quan trọng nhất của các tế bào ung thư. ‘Sữa’ làm cho cơ thể sản xuất chất nhầy, đặc biệt là trong đường ruột. Tế bào ung thư ăn chất nhầy. Loại bỏ sữa và thay thế bằng sữa đậu nành, các tế bào ung thư không có gì để ăn, vì vậy nó sẽ chết”. Tiếp theo danh sách tai hại này là các loại thịt đỏ cùng một số thực phẩm nhiều chất béo. Nhưng, ở ta thật khó tìm ra các bác sĩ ngành ung bướu khuyên bệnh nhân tránh xa những thứ trên.

Nhiều nguồn nghiên cứu khoa học khác cũng đã lột mặt nạ của đường, kẻ thù của tim mạch và các bệnh khác. Những tờ báo uy tín trong nước gần đây khát quát: Đường qua tinh chế sẽ loại bỏ hầu hết các chất dinh dưỡng tự nhiên vốn có như vitamin, khoáng chất, chất đạm, chất xúc tác; ảnh hưởng tuyến tụy và làm cạn kiệt nguồn crôm trong cơ thể; làm mất vitamin B trong cơ thể, làm cho tóc, xương, máu và răng thiếu canxi; nó lên men trong dạ dày và làm ngưng sự tiết dịch vị, làm ức chế sự tiêu hóa của dạ dày. Bác sĩ Hồ Ngọc Minh (người từng làm nghiên cứu về bệnh hiếm muộn, và các bệnh ung thư của phụ nữ tại National Cancer Institute trực thuộc National Institutes of Health) viết trong một báo cáo: “Tình trạng ‘ghiền đường’ mà vị ngọt của đường là một loại ma túy nguy hiểm có thể giết người trong thầm lặng”. Một thí nghiệm khác, người ta lấy một trăm cc máu rồi cho vào một muỗng đường, lúc sau thấy toàn bộ hồng cầu trong đó bị diệt sạch! Dĩ nhiên đây là máu đã được đưa ra ngoài cơ thể; khi đường vào cơ thể nó sẽ phá hoại theo cách khác. Nguyên nhân: cơ thể con người hoàn toàn không cần đường (kể cả trong trái cây); đường vốn tự có trong gạo, trong nhiều loại thực phẩm như ngũ cốc, rau củ. Quan sát cho thấy trẻ em dùng bánh kẹo thường xuyên sẽ “bị sâu ăn răng”; nhiều đứa nguyên hàm răng vệt mất một nửa, đen thui. Xét đến cùng đây là hệ lụy của đường. Hàm răng cứng đến vậy mà còn bị

đường phá hủy, nói chi đến nội tạng. Một khi cơ thể không cần mà ta vẫn đưa vào, nó sẽ phải làm việc rất mệt nhọc. Ví như lúc ta uống sữa ăn thịt sẽ làm máu tăng độ axit, do vậy cơ thể phải rút canxi trong xương để trung hòa; là nguyên nhân gây bệnh loãng xương. Dương tính quá nhiều cũng khiến cơ thể mất cân đối, dẫn đến phát bệnh, nhưng thường chúng ta ít tìm hiểu nên bao giờ cũng thu nạp quá nhiều âm tính; do vậy giảm thức ăn thanh âm ở mức tối đa mới khiến cơ thể trở lại quân bình. Theo đó, loại thức ăn cần tránh phải kể đến trước hết: măng, cà, giá, nấm, củ cải đường, đậu dầy, ớt, tiêu v.v. Tăng thức ăn dương tính và các loại cần cho sức khỏe như: cà-rốt, bí ngô, bắp, cải mầm xôi, bắp cải trắng (không dùng bắp cải tím) cần tây, ớt chuông (loại lớn như táo), v.v.

Theo tinh thần đạo Phật, một nguyên nhân nữa của bệnh là do nghiệp lực dẫn nguồn từ tham, sân, si chiêu cảm thành. Ví như tham. Khá nhiều người tham ăn theo bản năng. Ohsawa từng nói: "Người bệnh thường tham ăn (và ngược lại)". Sân là nóng giận. Khoa học hiện đại chứng minh, lúc ta sân giận, uất ức, căm thù, các tế bào sẽ mau chóng chuyển đổi từ tốt (khỏe) qua xấu (yếu). Cũng như thí nghiệm nước của Tiến sĩ người Nhật Masaru Emoto, ta hòa ái với nước thì nước kết tinh cho ra đẹp đẽ như kim cương; ta chửi nước thì nước kết tinh xấu xí. Cao hơn nữa, lượng tử lực học còn khám phá nước có ký ức, hiểu được ý nghĩ con người. Phật pháp giải thích: không chỉ nước là như vậy mà hết thảy vật chất đều có ký ức, hiểu ý nghĩ con người, phản ứng và kết tinh theo ý niệm con người phóng ra và quán chiếu. Một người đàn ông ở nước ngoài hết chữa ở bệnh viện, nằm chắc cái chết, đã phát nguyện nghe theo các Tăng sĩ ở ngôi chùa gần nhà, nhịn đói và cùng họ niệm Phật trong mười một ngày đã chuyển biến được phần lớn tế bào ung thư. Trường hợp này được truyền hình quay cận kề suốt ngày đêm, làm ngạc nhiên tốt cùng đối với những ai chỉ tin vào y học hiện đại. Bà Lưu Tố Vân ở miền Đông bắc Trung Quốc mắc chứng Hồng Ban Tán Hạch (Systemic Lupus Erythematosus: Việt dịch là bệnh lao da, được xem là nặng hơn ung thư), là một giáo viên và là một quan chức cấp cao, cũng bị bệnh viện trả về "thu vén"; cơ duyên tiếp cận với kinh điển nhà Phật, bà thâm tín nhân quả, chuyên tâm niệm Phật, đã lành hẳn bệnh và giờ trở thành một cư sĩ mẫu mực, uyên thâm, đạt quả vị cao. Cơ thể chúng ta phần nhiều là nước, chính là nằm trong quy luật này, đâu có gì khó hiểu và huyền bí. Còn hiểu theo chuyên môn y học, ấy là chữa bệnh bằng sóng âm; một dạng sóng âm siêu thiện, lọc tâm (như lọc nước đục thành trong) thông qua việc chấp trì danh hiệu của Đấng Toàn Giác. Trong Lời tựa một cuốn sách của Ohsawa bàn về thuật trường sinh được dịch qua tiếng Việt năm 1973 có viết: "Nhược điểm duy nhất mà tôi có thể khiển trách y học Tây phương là chỗ thiếu mất đức hạnh và tinh thần. Họ muốn tìm cho kỳ được những "viên đạn thần" để diệt trừ tất cả những triệu chứng bệnh dù phải hy sinh đức hạnh và tinh thần.

Với thuốc đương thời và trang bị đầy đủ tất cả kỹ thuật ngoại khoa tối tân, người ta có thể gây ra bất cứ tai hại nào, vi phạm luật thiên nhiên cao quý tức là sự tổ chức và chân khái niệm của vũ trụ, để cáo chung trong tấn bi kịch". Thời nay vẫn có những bộ tộc như Kogi sống trên dãy núi Sierra Nevada, Colombia, khước từ khoa học kỹ thuật, y học hiện đại, họ chỉ sống thuận với quy luật tự nhiên: ăn thuần rau cỏ, không sát sanh, hài hòa với thiên nhiên song tuổi thọ trung bình của họ trên 100. Kỳ diệu.

Lúc bệnh lên tiếng, lúc tai ương nạn nghiệp ập đến, là lúc người tu phải phản tỉnh nhìn lại mình, xem cách ăn uống, thái độ ứng xử đãi người tiếp vật ra sao. Bí quyết chữa bệnh của thổ dân người Hawaii là yêu thương bệnh, xin lỗi bệnh, mong bệnh tha thứ, cảm ơn bệnh, và đưa tâm trở về không. Người hành trì Tịnh độ thì luôn niệm lục tự hồng danh "Nam mô A-di-đà Phật" thay cho lời xin lỗi và tạo dựng mối thân tình với bệnh. Cộng với sự chỉnh sửa lối ăn uống và công khóa hành trì, bệnh dần lui. Đó là cách trị bệnh tận gốc. Y học phương Tây thì hầu như ngược lại, một khi bệnh nổi lên liền xem đó là kẻ thù, phải mau chóng trừ diệt. Ý niệm và hành động quyết liệt đối đầu đó sẽ khiến tế bào bệnh trở dậy mạnh hơn. Khả dĩ nếu thuốc Tây có thể khiến ta khỏe lại, [theo quy luật luân hồi nhân quả trong nhiều đời của nhà Phật], cũng nên lưu ý bởi đó chỉ tạm thời dìm bệnh chứ bệnh ấy không mất hoàn toàn, hoặc nó sẽ biến thái thành những loại bệnh khác; ví như chữa khớp thì "đớp tim", hoặc uống thuốc trường kỳ chữa các bệnh khác thường vẫn có một đích chung là đau dạ dày... Người mắc ung thư muốn cầm giữ sự sống thì hóa trị, nên nổi có trường hợp bệnh nhân kiệt sức trước khi tế bào ung thư tạm thời được phong tỏa.

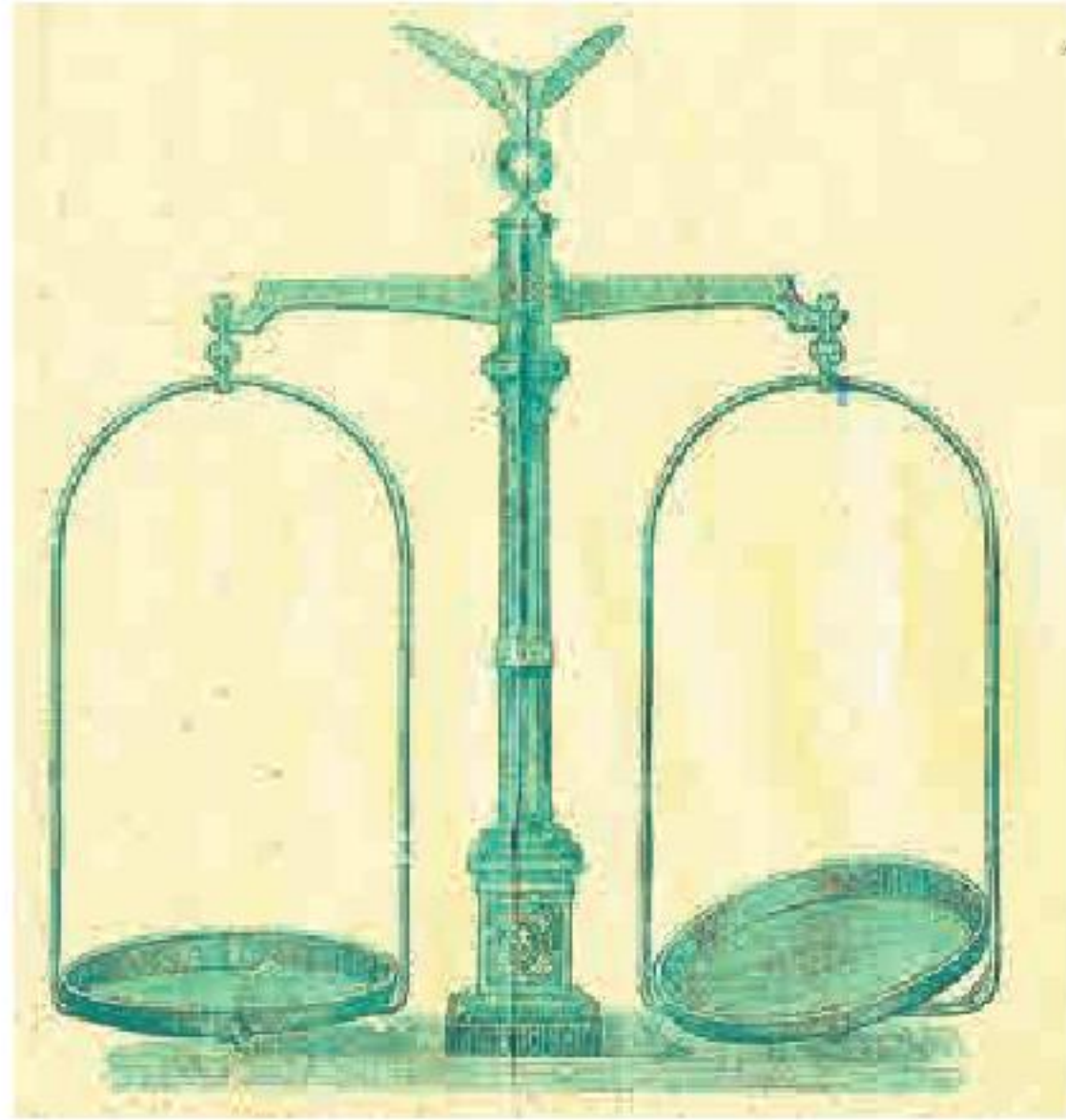
Nhịn đói mỗi tháng một ngày là phương cách khả dĩ thải khỏi cơ thể các mầm bệnh và giữ sự quân bình cho cơ thể. Ohsawa nói: "Chúng ta tham ăn và thường ăn quá độ, cho nên nhịn ăn là lối thoát duy nhất mở rộng cho mọi người để nhờ đó mà mọi người vào chiêm ngưỡng và thưởng thức toàn cảnh nguy nga của thế giới đức tin". Như có lần Jesus dạy: "Cầu nguyện và nhịn ăn trị nhẹ bệnh nan y nhất". Bên cạnh đó, việc này giúp chúng ta giảm sự tham lam chấp đắm vào thức ăn, đặc biệt nó tăng ý chí trong công việc cũng như khiến người tu thêm tinh tấn. Ở Thái Lan từng có hiện tượng các vị sư do được Phật tử cúng dường thực phẩm chất lượng cao nên phát bệnh, hại gan. Đức Phật luôn khuyên môn đồ mỗi ngày nên chỉ ăn một bữa. Khá nhiều người chuyên tu không giữ được lời dạy tối yếu này. Ở Vạn Phật Thánh Thành, Hòa thượng Tuyên Hóa nêu ba nguyên tắc cho những ai muốn bước vào; một trong đó là "mỗi ngày chỉ ăn một bữa". Phương pháp nhịn đói một ngày, dĩ nhiên là không ăn bất cứ thứ gì kể cả một hạt mè, chỉ uống chút nước trong, nhịn khô thì càng tốt. Sáng hôm sau uống một ly nước lọc để làm sạch thành ruột, sau đó ăn chút hũ, cháo, trưa cũng ăn loãng, nhai kỹ, không no, tối ăn lại bình thường. Do bởi lúc nhịn các chất độc sẽ được tiết ra theo tuyến mồ hôi,

nên sau đợt nhịn cần tắm sạch, chúng ta sẽ thấy thân tâm sáng khoái, và nó còn giữ cho cơ thể nhẹ nhàng trong rất nhiều ngày. Với những người bệnh mãn tính thì nhịn từ năm đến mười ngày; các bệnh nan y như ung thư thì nhịn trên một tháng. Nhiều người tạm biệt bệnh viện, họ phát nghị lực không ăn đã lành bệnh như một phép màu! Với cách này cần lưu ý là phải thực hành ở những trung tâm uy tín, có chuyên gia dày dặn kinh nghiệm hướng dẫn, theo dõi. Hơn thế, đương sự trước hết phải ngừng ăn trên tinh thần tự nguyện vui vẻ. Nếu sự nhịn duy trì trong bức tức, trong nỗi bị tước đoạt miếng ăn sẽ khiến cơ thể kích hoạt các tế bào ứng phó theo chiều hướng xấu. Phương pháp ăn gạo lứt muối mè *đúng cách* cũng dễ giải quyết êm thấm những trường hợp “y học bó tay”. Ung thư được xem là căn bệnh chết người. Việc chữa lành ung thư thông qua Đông y kể trên ai chưa tìm hiểu nghe ra có vẻ khôi hài. Cũng như nếu ta nói tôi nhịn đói một vài ngày, họ sẽ bảo “để mà chết à!”. Ohsawa có lần từng than: “Nếu có một vị Jésum xuất hiện ở xã hội và dựa vào đức tin, trị nhẹ tất cả các bệnh thì nhất định Ngài sẽ bị bắt, giam cầm và trừng phạt do luật pháp đã bảo vệ y khoa chuyên chế”. Việc uống vài lít nước một ngày cũng là một ước tính không thực tế. Uống nước nhiều đòi hỏi thận làm việc quá công năng, lại khiến người ta tiểu tiện nhiều lần trong ngày - một dấu hiệu không ổn.

Chúng ta biết các bậc đạo sư chân tu thường ăn uống rất ít, nom gầy gò nhưng thân tâm luôn sáng khoái, bộ óc mẫn tuệ và đôi mắt sáng ngời. Những tấm gương vĩ đại trong giới tu hành được Phật tử khắp thế giới ngưỡng vọng đều sống quá ư đạm bạc, thường là một ngày một bữa, có những vị còn nhịn hàng tháng, như các vị Hòa thượng Hư Vân, Quảng Khâm, Tuyên Hóa, Tịnh Không, Lão cư sĩ Lý Bình Nam, ... Ở Việt Nam cũng có rất nhiều bậc tôn túc, như chư vị Hòa thượng Thích Thiện Tâm, Thích Trí Tịnh... Lại có vị Hòa thượng ở chùa Đậu sống đúng như hai bậc đạo sư chứng đạo để lại toàn thân xá-lợi là Vũ Khắc Minh, Vũ Khắc Trường. Tất cả họ đều sống thọ sống khỏe, ngày ngày giảng kinh thuyết pháp cống hiến cho lợi ích tối cao của cộng đồng. Họ vui với đời sống thanh đạm, lấy đó nâng cao ý lực, và lượng tâm vô biên được trải ra cùng vạn vật.

Nếu ai áp dụng ăn chay, hoặc ăn mặn với phương châm: nói không với đường sữa, những gì dính dáng với đường sữa, hạn chế dùng trái cây (chỉ giữ lại vài loại như táo, dâu tây,...), ăn các loại rau có tính dương, uống ít nước, nói không với thức ăn làm sẵn, đồ hộp, nói không với đồ nướng, đồ xào nhiều dầu mỡ và các thực phẩm vỉa hè đường phố, tốt hơn nữa nếu áp dụng việc nhịn đói một ngày hoặc nửa ngày (tức chỉ ăn sáng và trưa), cộng với ý hướng thiện lành nương vào tâm linh Chánh pháp, trong chừng một tháng quý bạn đã thấy cơ thể khác hẳn.

Con người từng luân hồi hàng ức kiếp, tạo vô số tội. Đời sống hiện tại, không chỉ từ thân khẩu tạo tác trái với pháp tánh, trái với luân lý đạo đức, khiến cơ thể mất cân



bằng tâm - sinh lý dẫn đến bệnh tật, mà còn từ phương diện ý nghiệp: khoa học lượng tử hiện đại đã biết mỗi ý niệm đều phóng ra như làn sóng điện, có thể khiến môi trường thiên nhiên, con người, sự vật kết tinh theo tần số của ý niệm đó. Nếu là tích cực, hoàn cảnh sẽ chuyển tốt, tương lai người đó tái sinh vào đường lành (người, trời); nếu là tiêu cực như tham lam, sân giận, ganh ghét, đố kỵ, oán trời trách người, không những khiến chính mình lâm bệnh mà còn làm cho người chung quanh nhuộm theo, tương lai nguy cơ sanh vào các nẻo dữ (ngạ quỷ, địa ngục) là rất lớn. Đây là lý “vạn vật đồng nhất thể” mà Lão giáo, Ấn Độ giáo và Phật giáo nói từ nhiều nghìn năm trước. Người hiện thời thường không tin, cho là mê tín, cho mình giỏi hơn người xưa; vậy thì các bậc vĩ nhân đại diện cho ba nền văn minh trên là Lão Tử, Krishnamurti, Ramakrishna, Phật Cổ-đàm... đều không bằng mình rồi!!

Người tu luôn biết phòng bệnh song lại không mấy để ý đến bệnh, còn xem bệnh là bạn. Trước hết bởi họ phải hiểu [cơ thể] mình, rồi mới hiểu tha nhân và vũ trụ. Khỏe mạnh để tu chứ không phải tu để khỏe mạnh mà hưởng thụ. Nếu không khỏe mạnh, hành giả sẽ không đủ thời gian giành tâm về lên nước Phật. Nhưng, nếu không bệnh kẻ sơ cơ khó giải ngộ xác thân vốn vô thường hư huyền, chấp chặt thân kiến, tăng thượng mạn, bám cội trước, lu mờ con đường giải thoát. Nếu không *thấy bệnh* hành giả sẽ khó xả bỏ tứ đại trần ai hầu mong *thấy tánh*. Hiểu *vật chất* chỉ mới là bước đầu, con người có thể hiểu *tinh thần*. Kho báu trong mỗi sinh mệnh chính là tự tánh, tức Phật tánh mới tồn tại vĩnh viễn. Một khi thân xác tan theo mây, các thức sẽ lôi dẫn chúng ta theo nghiệp lực mình tạo tác. Ai tu tập đúng đạo pháp thì thân dầu chưa hết bệnh tật nhưng tâm đã lìa bệnh hoạn, dứt hoặc chứng chân quy về trong lặng, còn gì luyến tiếc. ■

Cảm nhận về ca khúc Ánh Đạo Vàng của nhạc sĩ Hằng Vang

THÍCH QUẢNG TRÍ

Trong tuyển tập “Nhạc Sống” của Gia đình Phật tử Việt Nam xuất bản năm 1965, cố Đại lão Hòa thượng Thích Minh Châu, bấy giờ là Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh, đã giới thiệu: “Con đường vào đạo có hai lối, một là suy tưởng để trực nhận chân lý, hai là rung cảm để dọn đường cho thông cảm. Đường trên là lối vào Phật pháp, đường dưới là nẻo đi văn nghệ”. Chính con đường thứ hai đã mở lối cho tôi vào đạo. Bằng con đường thứ hai, ngay từ buổi đầu, ca khúc *Ánh Đạo Vàng* đã gieo vào lòng tôi một khái niệm về lịch sử của Đức Từ phụ Bồ sư Thích-ca Mâu-ni Phật, là hiện thân và kết tinh của muôn hạnh Từ bi và Trí tuệ. Con đường này đã chinh phục được tôi không phải vì tôi có máu nghệ sĩ và say mê nghệ thuật âm nhạc. Điều này tưởng chừng mâu thuẫn song đây lại là sự thật. Vì rằng tôi sinh ra tại Huế nhưng trưởng thành tại Đắk Lắk, một vùng kinh tế mới ở Tây Nguyên. Tuy các gia đình cùng nhau vào lập nghiệp nơi đây đều có truyền thống kính Nho tin Phật, nhưng bước đầu còn phải lo ổn định đời sống, mãi đến hơn mười năm sau – năm 1988 – vùng tôi mới thành lập được khuôn hội Phật giáo. Lúc

ấy vùng tôi cũng chưa có chùa, Phật tử thành tâm chỉ làm lễ tạm vào những ngày sóc vọng (mồng một, ngày rằm) và các ngày lễ lớn để tu dưỡng tâm linh tại nhà của một vị Phật tử vẫn giữ trường trai (ăn chay trường).

Ở vùng kinh tế mới xa xôi, tài sản của khuôn hội lúc ấy chỉ là mái tranh thô sơ, chỗ gọi là chánh điện cũng chỉ được tôn trí một bức tượng Bồ sư bằng giấy, thật là khiêm tốn. Kinh sách thì vồn vện chỉ có hai cuốn *Nghi thức tụng niệm*. Trong hoàn cảnh đó, và lại cũng không có thầy dạy đạo giảng kinh, dù muốn thì người Phật tử cũng không thể “suy tưởng” để “trực nhận chân lý Phật-đà”. Nhưng may mắn thay, chỉ sau một năm tồn tại, vào mùa Phật đản, khuôn hội đã thỉnh được ở đâu đó hai cuốn băng cassette, một cuốn là băng kinh cầu an-cầu siêu, còn một cuốn là băng nhạc *Ánh Đạo Vàng* hay *Trường thanh Phật ca*. Trong dịp đón mừng Phật đản là ngày vui chung của nhân loại, băng nhạc được phát nhiều lần trong ngày. Nhờ vậy, sau bao lần đến khuôn hội, tôi đã hiểu được phần nào về Phật giáo và đại cương lịch sử Đức Bồ sư Thích-ca qua ca khúc *Ánh Đạo Vàng* của nhạc sĩ Hằng Vang.

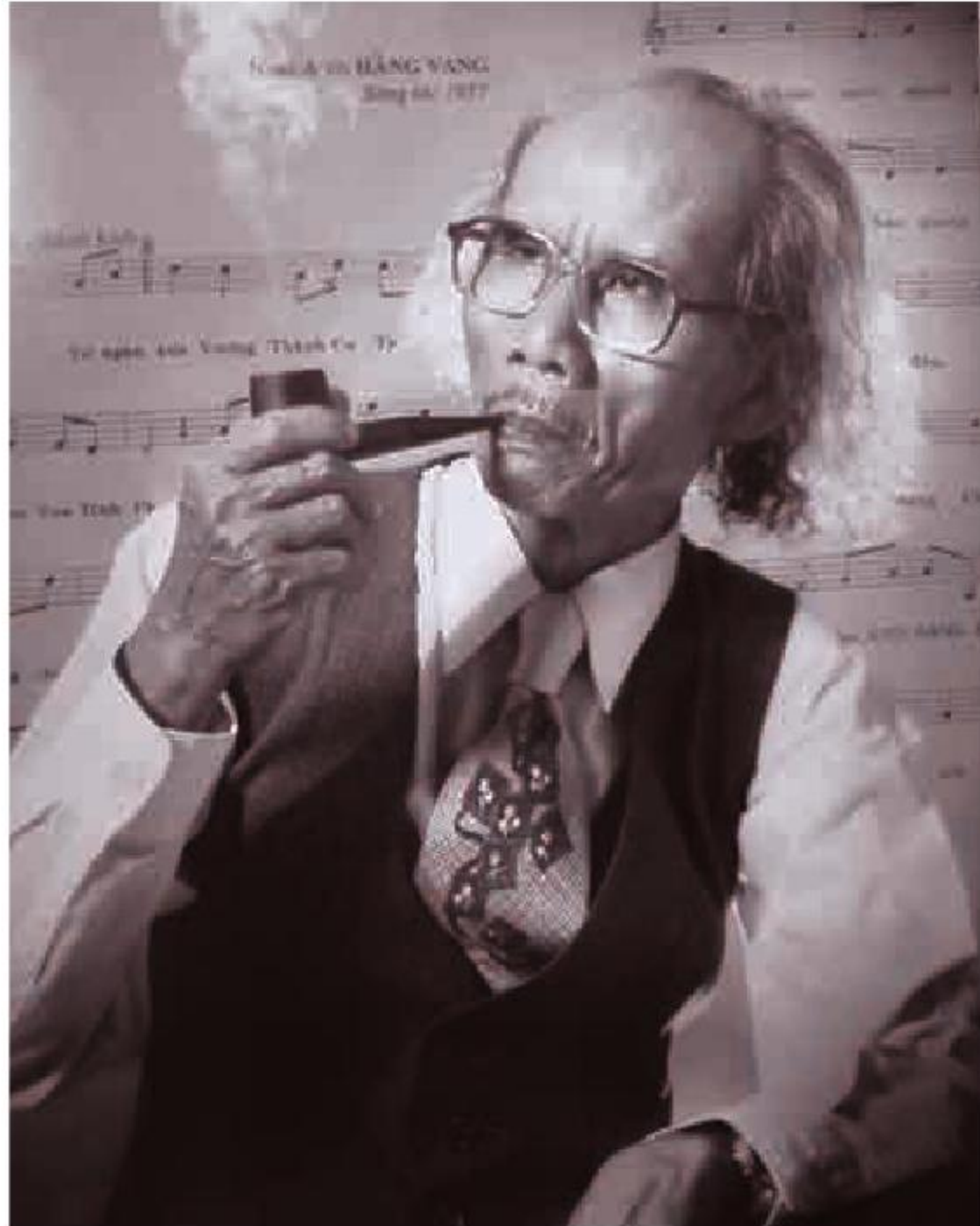
Đây cũng chính là thời điểm khởi đầu để tôi vào đạo và cũng là nguyên nhân gợi cảm sâu sắc khiến tôi viết cảm nhận về ca khúc này nhân mùa Phật đản.

Mở đầu bằng nhạc là lời giới thiệu mang đậm triết lý nhà Phật: "... đời là cõi tạm; kiếp người như một giấc mộng ảo huyền; nhưng cũng xin quý vị hãy bước theo ánh đạo vàng đều yêu đời, yêu người, yêu quê hương, nhân loại. Dù đời gặp nhiều ngang trái khổ đau, nhưng đạo đức và tình yêu thương lẫn nhau vẫn là con đường giải thoát cao đẹp nhất...". Ôi, đạo Phật thật là vi diệu! Nhưng trước khi đi vào nội dung ca khúc, người viết xin giới thiệu đôi nét về nhạc sĩ Hằng Vang, tác giả ca khúc *Ánh Đạo Vàng*.

Nhạc sĩ Hằng Vang tên thật là Nguyễn Đình Vang. Ông sinh năm 1933 và là người con xứ Huế. Cảm đức từ bi, nhạc sĩ đã quy y Tam bảo từ sớm, có pháp danh Như Niên. Ông cũng là một huynh trưởng Gia đình Phật tử gắn liền với Phật giáo Việt Nam từ trên sáu mươi năm qua. Tuy hiện sinh sống tại Đắc Lắc nhưng ông luôn gắn bó với các hoạt động của Phật giáo tỉnh nhà cũng như ở các tỉnh, thành hội Phật giáo gần xa. Ông luôn tâm niệm rằng âm nhạc có ảnh hưởng quan trọng trong việc nói lên giáo lý và đã đóng góp tích cực vào việc hoằng truyền Phật pháp trên phương diện sáng tác âm nhạc khi nhận biết Phật giáo Việt Nam đã có một hướng đi mới nhắm đến đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, được cổ động từ khi có phong trào chấn hưng Phật giáo.

Là Phật tử, hầu hết các tác phẩm của nhạc sĩ Hằng Vang đều mang tư tưởng giải thoát, khuyến thiện, xiển dương chân lý đạo Phật; giai điệu và ca từ luôn toát lên chất liệu từ bi, vị tha, vô ngã, thể hiện tình yêu thương nhân loại và tinh thần dân tộc. Vào năm 1965, ông được giải nhất trong cuộc thi sáng tác Phật nhạc do Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tổ chức với tác phẩm "*Lời Sám Nguyện*", nhờ vậy, tên tuổi của ông được khắp nơi biết đến. Từ đó về sau, ông chuyên tâm sáng tác và hoạt động văn nghệ Phật giáo. Đặc biệt, ca khúc *Ánh Đạo Vàng* của ông ngày càng được thính giả đón nhận qua sự thể hiện thành công của các ca sĩ Vũ Khanh, Hoàng Bá Tước, Thanh Tuyền, Thùy Dương, Vân Khánh... Không những vậy, trong các chủ đề về ca khúc Phật giáo thì hầu như *Ánh Đạo Vàng* luôn làm chủ đạo cho các băng nhạc đã ra đời như *Ánh Đạo Vàng*, *Tiếng Chuông Chùa*, *Nhạc Từ Bi*, *Mây Đầy Hạ*, *Kính Mừng Phật Đản*... Như vậy, tâm nguyện nhạc sĩ Hằng Vang đã thành hiện thực. Cuộc đời ông sống vì đạo pháp song song với nghệ thuật, lấy từ bi để tô vẽ cho nốt nhạc của mình.

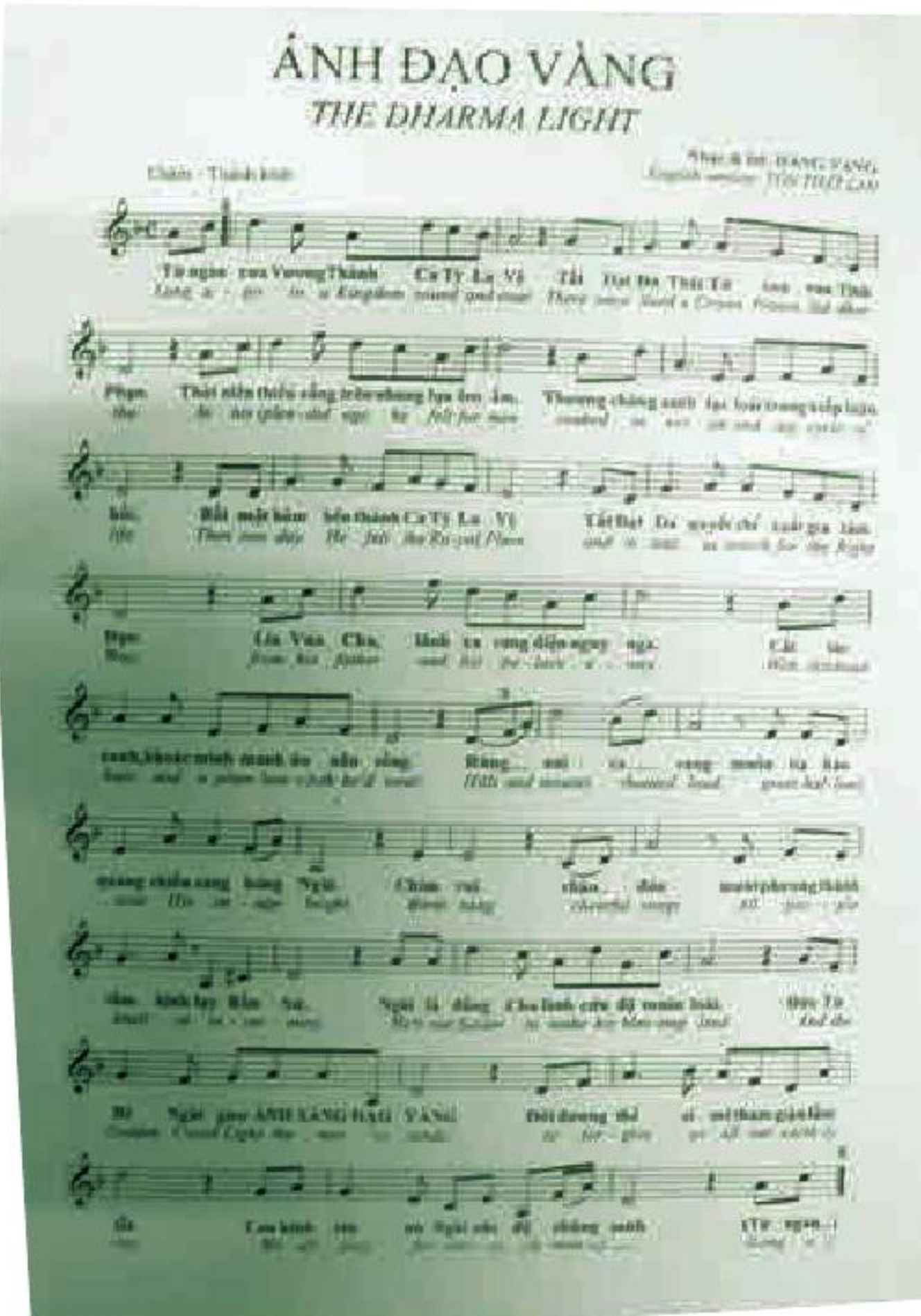
Trở lại với tác phẩm *Ánh Đạo Vàng*. Người thưởng âm thấy tác phẩm được viết ở chủ âm Rê thứ theo luật nhạc cân phương với ba mươi hai trường canh (ô nhịp); mỗi phân đoạn gồm tám ô nhịp với giai điệu mượt mà, sâu lắng, thể hiện lòng thành kính, trang nghiêm; lời ca mộc mạc, không trau chuốt, nghe như chuyện kể



đời xưa mà ca từ của mỗi phân đoạn là một quãng đời của Đức Phật. Do am hiểu giáo lý nhà Phật, tác giả đã xây dựng những ca từ đượm nhuần chất liệu Phật giáo. Mỗi ca từ vang lên đều có thể đi thẳng vào lòng người nghe vì nó mang đậm tính tự sự: kể về lịch sử Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Chính cách dùng chữ mộc mạc mang tính trần thuật đó mà lời hát của toàn bài dễ thấm vào lòng người, tạo cho người nghe một sự kính trọng sâu sắc vào tính từ bi và trí tuệ của Đức Bổn sư, gieo niềm tin cho những người mới bước đầu biết đến đạo Phật. Đây quả là một ca khúc mang tính nghệ thuật cao.

Chỉ trong vòng 132 từ mà nhạc sĩ Hằng Vang đã thể hiện được cuộc đời cao quý và vĩ đại của Đức Phật. Điều này sở dĩ nhạc sĩ Hằng Vang có thể làm được vì ông là một Phật tử, có đời sống gắn liền với Phật giáo. Với hai khổ nhạc đầu, mỗi khổ 36 ca từ, hình ảnh cuộc đời Đức Phật hiện ra, từ lúc niên thiếu đầy lòng từ bi đến lúc dùng cảm dẫn bước tìm đạo:

"Từ ngàn xưa vương thành Ca-tỳ-la-vệ, Tất-đạt-đa thái tử con vua Tịnh Phạn; thời niên thiếu sống trong nhung lụa êm ả; Thương chúng sanh lạc loài trong kiếp luân hồi".



“Rồi một hôm bên thành Ca-tỳ-la-vệ, Tất-đạt-đa quyết chí xuất gia tầm Đạo; Là vua cha lánh xa cung điện nguy nga, cắt tóc xanh khoác mình chiếc áo nâu sồng”.

Quá khứ lịch sử cách đây 25 thế kỷ hiện về; một vị Thái tử sống trong nhung lụa giàu sang của bậc vương giả nhưng lòng luôn trầm tư về cuộc đời đau khổ của chúng sanh trước cảnh sinh già bệnh chết. Ngài đã suy nghiệm về ý nghĩa của sự lạc loài trong kiếp luân hồi; và chính lòng mong muốn cứu độ chúng sanh đã thôi thúc Ngài vượt thành xuất gia tầm đạo. Ngài đã từ bỏ tất cả những gì thân yêu nhất của đời mình giữa lúc đang ở tuổi thanh xuân tràn đầy hạnh phúc mà ai cũng khao khát để khoác lên mình chiếc áo nâu sồng. Quả là một sự từ bỏ vĩ đại.

Chính sự gợi ý của lời ca đã thôi thúc người nghe tìm hiểu, để biết rằng sau bao năm tầm sư học đạo, sống ẩn dật khổ hạnh trong rừng già, vị Thái tử lúc trước, bấy giờ đã trở thành Sa-môn Cổ-đàm, nhận chân được chỉ có con đường Trung đạo mới là phương pháp tu hành đích thực; rằng Ngài đã đến ngồi dưới gốc cây bồ-đề bên dòng sông Ni-liên-thuyền với lời thể quyết liệt là

sẽ không rời chỗ khi chưa chứng ngộ đạo lý nhiệm mầu; rằng sau 49 ngày đêm tư duy thiền quán, Ngài thực sự chứng đắc quả vị vô thượng, thành Phật, hiệu là Thích-ca Mâu-ni; rằng sau đó, Ngài đã được chư thiên thỉnh cầu nói Pháp, được hàng trời người tôn xưng là bậc Pháp vương, bậc Đại hùng, Đại lực, Đại từ bi đem ánh đạo vàng ban bố khắp nơi. Trong ca khúc *Ánh Đạo Vàng*, sự thành đạo của Ngài được thể hiện một cách cô đọng ở khổ nhạc thứ ba, một phiên khúc:

“Rừng núi ca vang muôn tia hào quang chiếu sáng bóng Ngài. Chim vui chào đón mười phương thành tâm kính lạy Bốn Sư”.

Đức Phật đã không vì hạnh phúc riêng tư hạn hẹp, mà chỉ vì lòng thương xót tất cả chúng sinh, Ngài đã từ bỏ mọi lạc thú trần gian, tự mình tìm ra con đường đạt được giải thoát rồi ban bố cho mọi chúng sinh. Tinh thần Bi-Trí-Dũng của Ngài đã làm cho chúng ta quy phục, tôn kính. Điều này được nhạc sĩ thể hiện bằng 36 ca từ cuối:

“Ngài là đấng cha lành cứu độ nhân loại. Đức từ bi Ngài gieo ánh sáng Đạo Vàng. Đời dương thế si mê tham giận lầm lỗi. Con cúi xin ơn Ngài cứu độ chúng sanh”.

Qua ca khúc *Ánh Đạo Vàng*, người nghe được biết về một con người nhờ tu tập bản thân mà đã trở thành một bậc hoàn thiện, một vị thánh giữa thế gian; những lời giáo huấn của Ngài, là tinh hoa của quãng đời tu tập chứng ngộ, đã được kết tập thành ba tạng kinh điển. Giáo lý của Đức Phật không phải là lý thuyết suông mà cần phải thực hành mới cảm nhận và thực chứng được. Với chủ trương nhân quả nghiệp báo, giáo lý đạo Phật nói lên tinh thần trách nhiệm cá nhân và cộng đồng trước đau khổ và hạnh phúc của loài người. Chúng ta ngày nay thừa hưởng ân đức cao vời đó thì phải sống sao cho xứng đáng là con Phật.

Hơn năm mươi năm trôi qua kể từ khi ra đời, ca khúc *Ánh Đạo Vàng* tiếp tục vang lên trong hầu hết những buổi sinh hoạt của người Phật tử, không chỉ trong nước mà còn ở nước ngoài, và thấm vào lòng người khiến họ bước theo ánh đạo vàng để yêu người, yêu đời, yêu quê hương, đất nước, nhân loại. Bằng âm nhạc, nhạc sĩ Hằng Vang đã mang lại cho các sinh hoạt của người Phật tử Việt Nam một sức sống tươi mới, thực sự có đóng góp quan trọng cho việc hoằng truyền Phật pháp. Lấy ca từ, âm khúc để xiển dương Chánh pháp của Đức Phật, nhạc sĩ Hằng Vang đã cống hiến nhiều cho nghệ thuật Phật giáo. Ở tuổi ngoài tám mươi, ông vẫn tiếp tục hoạt động sáng tác và nghệ thuật Phật giáo, quả là “gừng càng già càng cay”. Hy vọng ông tiếp tục sẽ cho ra đời thêm nhiều ca khúc bất hủ để phụng Đạo giúp Đời như ông đã từng tâm sự, *“Âm nhạc Phật giáo có tác dụng hữu hiệu trong việc góp phần chuyển tải tư tưởng giáo lý Phật giáo và có thể nói là phương tiện tối ưu, nên mỗi người con Phật chúng ta cần chung tay vun xới cho vườn hoa âm nhạc Phật giáo tốt hơn”.* ■

“... Và ơn Ơi c ỒỒỒ noắt reâ mỗ”(*)

ĐỖ HỒNG NGỌC

Lúc đó tôi đang là Trưởng phòng Cấp cứu Bệnh viện Nhi Đồng Sài Gòn (nay là Bệnh viện Nhi Đồng 1, TP.HCM). Ngày nào bệnh nhi cũng tràn ngập, toàn là bệnh nặng mà chỉ lơ đễnh, chậm trễ một chút đã có thể tử vong. Cả nhóm bác sĩ, điều dưỡng gần như luôn túc trực bên giường bệnh, không để ý nhiều đến những biến động bên ngoài, thế nhưng trong lòng ai cũng canh cánh nhiều nỗi lo toan. “Đại bác đêm đêm” vẫn “dội về thành phố” và những chuyến bay vẫn vũ trên không. Không khí như sánh lại. Nhiều tiếng thì thầm và bắt đầu vắng dần những khuôn mặt thân quen. Các hành lang trở nên hun hút.

Trong phòng cấp cứu này, các thầy thuốc vẫn miệt mài gần bó bên cạnh những bệnh nhi thoi thóp, hôn hển, hôn mê, trụy mạch... Rồi còn thêm những trẻ bị sập hầm, bị đạn lạc...

Mọi người chỉ có một ước nguyện là mong sớm có hòa bình trên quê hương. Khi nghe ngưng tiếng súng và vang vang lời hát “Rừng núi dang tay nối lại biển xa, ta đi vòng tay lớn mãi để nối sơn hà...” trên radio, trong lòng tôi là một nỗi hân hoan khó tả. Một cảm giác lâng lâng, sáng khoái, nhẹ nhõm. Tôi không thấy có cách biệt, không thấy có ngăn chia. Ngày hôm qua hay ngày hôm nay, ngày mai ở trong phòng cấp cứu này, cũng chỉ là những bệnh nhi mê man, co giật, trụy tim mạch, thở thoi thóp... Có quá nhiều việc để làm cho một người thầy thuốc nhi khoa! Tôi cùng các đồng nghiệp gần như ngày đêm túc trực, miệt mài. Cái ấn tượng sâu sắc còn đọng lại trong tôi mấy ngày sau đó là buổi gặp gỡ với vị chức sắc cao cấp phía cách mạng (chúng tôi gọi thế). Cả hội trường im phăng phắc nghe ông nói. Trong bộ quân phục giản dị, không cả quân hàm, dáng vẻ trí thức, uy nghiêm, ông nói về nhiệm vụ người thầy thuốc hôm nay. “Không có Việt cộng, Việt trừ gì cả! Chúng ta là người Việt Nam”. Ông kết luận. Sau này tôi mới biết ông là bác sĩ Chín Hưng, Trần Ngọc Đăng. Bạn tôi, bác sĩ T. từng du học ở Mỹ, mấy ngày



trước đã có điều kiện để ra đi nhưng quyết định ở lại. Anh nói đã có lý khi chọn ở lại quê hương.

Thế rồi bao nỗi khó khăn ập đến. Bệnh nhi tràn ngập gấp ba, gấp bốn lần do các phòng mạch, nhà thuốc đều đã đóng cửa mà hệ thống y tế mới chưa kịp thay thế. Bệnh ngày càng nhiều hơn, càng nặng hơn. Nhiều cas tử ngoại thành chuyển đến phòng cấp cứu đã tử vong từ lúc nào trên đường đi! Hết thuốc! Hết dịch truyền! Hết kim cánh bướm (một loại kim dùng trong nhi khoa)... Hết cả dây truyền nước biển... Dịch Sốt-xuất-huyết (Dengue Hemorrhagic Fever) ập đến. Rồi dịch viêm màng não, nhiễm trùng huyết do Não-mô-cầu (Meningococemia) ập đến - một thứ bệnh có thể gây tử vong trong vòng 24 giờ đồng hồ - với những vết tử-ban lan tỏa toàn thân. Chúng tôi tổ chức các đoàn bác sĩ đến tận các trường học khám nghiệm cho hàng ngàn học sinh, cho uống thuốc dự phòng các thứ. Bệnh nhân cứ ngày càng đông hơn, từ thành phố cũng như

từ các tỉnh đổ dồn về. Một bác sĩ phòng khám mỗi buổi sáng phải khám điều trị cho vài trăm trẻ. Đầu tắt mặt tối, tránh sao khỏi sơ suất. Thế là có thư góp ý, thưa gởi, kiện cáo. Có những đơn thư nặng nề kết án “bác sĩ ngụy có ý đồ hại con em cán bộ!”. Dĩ nhiên Ban lãnh đạo bệnh viện phản bác vì rất hiểu anh em, những con người đã mang trên mình chiếc áo blouse trắng, không hề có cái nhìn kỳ thị, phân biệt trước bệnh nhi nhưng không thể không ngấm ngấm gây một nỗi đau lòng, ngăn cách. Bác sĩ M, bạn tôi, phụ trách khoa Sản sóc đặc biệt, tập trung chữa những bệnh nhi nặng, tử vong cao, có ý định ra đi từ đó. Thực sự đã có những kỳ thị, phân biệt đối xử. Đã có những lo âu cho tương lai con em. Tình trạng thiếu thuốc men ngày càng trầm trọng. Bệnh viện thành lập khoa điều chế dịch truyền. Nuôi thả để thử thuốc. Đã có rất nhiều cố gắng, nhưng sao tránh khỏi những trường hợp sốc nước biển, run tiêm truyền, những tai biến đáng tiếc! Một số tỉnh bạn, có nơi còn phải sử dụng cả nước dừa để thay thế dịch truyền! Mọi thứ tự túc tự cấp. Tự sản tự tiêu. Gì cũng Te-ra (tetracycline)! Tại phòng khám, có những em bé quen mặt cứ được hết người này tới người kia bỗng vào khám bệnh trong một buổi sáng. Sau mới biết thì ra có kẻ chuyên “cho mượn” con để khám bệnh xin thuốc. Rồi phong trào sản xuất hàng loạt “xuyên tâm liên” để chữa bách bệnh! Cái khó “lớ” cái khôn. Cũng nhiều sáng kiến cải tiến. Cắt miếng plastic gắn vào kim tiêm làm kim cánh bướm. Mài kim cho khéo để không có ngạnh, chích rách da bệnh nhi! Hấp lược, tái sử dụng dây truyền dịch. Có bệnh viện đã được khen thưởng “thi đua” vì đã tái sử dụng dây truyền máu đến mấy chục lần! Mọi thứ đều phải tiết kiệm tối đa. Nhắc lại chuyện này chắc các đồng nghiệp trẻ khó tin. Sau này phương tiện dồi dào, đầy đủ, cái gì cũng theo nguyên tắc “xài một lần rồi bỏ” làm cho những thầy thuốc... già như chúng tôi thời đó vẫn còn nghe tiếc hùi hụi...!

Nhờ có kinh nghiệm về điều trị sốt xuất huyết, Bệnh viện Nhi Đồng (nay là Nhi Đồng 1) chúng tôi được mời đi trình bày ở nhiều nơi. Thế là một “gánh hát rong” ra đời. Chúng tôi đi hết tỉnh này đến tỉnh khác, gọi là đi “công tác tuyến”. Chúng tôi mang tài liệu, thuốc men, nhất là kiến thức đi truyền bá ở khắp nơi, bù lại được tặng ít gạo và ít... cá khô, tôm khô mang về làm quà. Thời đó xe đi công tác về tỉnh phải chờ xăng theo và lúc về mang gạo ra khỏi tỉnh thì phải có giấy phép. Riêng tôi nhớ lần đi cùng BS Lê Văn Phụng, Vụ trưởng Vụ Điều trị Bộ Y tế đến An Giang và Kiên Giang (1976). Trên đường, ông đột ngột ghé thăm một trạm y tế xã. Ông nổi tiếng là người kiểm tra rất nghiêm. Đến đâu ông cũng dùng một cục bông gòn, cầm cây kim chích vào, rút ra thử, nếu kim còn vướng bông gòn, chứng tỏ kim đã mài cầu thả. Lần đó, tôi thấy trong tủ thuốc của một trạm y tế có đến vài trăm ống Ouabaine mà ở Bệnh viện Nhi Đồng tìm đồ con mắt không ra, rất hiếm, chỉ dành cho bệnh nhi suy tim trái, có gallop, dọa phù

phổi cấp (OAP), thế mà ở đây người ta chỉ coi là “thuốc khỏe”, bà con đi ruộng về ghé chích một mũi cho khỏe! Tôi nêu ý kiến. Ông ngẫm nghĩ rồi trả lời. Phân phối theo cơ chế bao cấp, quan liêu quen rồi, nơi cần thì không có, nơi có không cần, không biết xài... Lần đi ấn tượng khác cuối năm 1976, khi tôi cùng với bác sĩ Đỗ Quang Hà, Viện Pasteur, đi chống dịch viêm não ở vùng U Minh Thượng. Mới biết thế nào là muỗi, thế nào là đĩa ở vùng Đồng Tháp Mười! Vô lễ đưa chúng tôi vào tận những nơi đèo heo hút gió. Bà con ở đây còn rất nhiều mê tín dị đoan.

Dịch Sốt-xuất-huyết tạm lắng thì đến dịch Viêm-ruột-hoại-tử. Bệnh nhi bị xuất huyết tiêu hóa, ruột teo lại từng khúc, truy tim mạch và chết rất nhanh. Chết nhiều. Truy tìm tài liệu mới biết đây là một loại bệnh ngày xưa thường gặp ở Phi châu, đặc biệt ở Papua New Guinea, vùng đói kém, do vi trùng hiếm khí *Welchia perfringens* gây ra. Những đêm trực kinh hoàng với nhiều *cas* vào cùng một lúc trong tình trạng sốc nặng, tím tái nổi bông toàn thân. Sau khi hồi sức, qua cơn cấp tính, ruột teo lại từng khúc, sờ được, chúng tôi gọi là “khúc lạp xương”, phải chuyển đi mổ tiếp mới cứu được. Nhớ có đêm gần hai giờ sáng, tôi dựng Trần Đông A, bác sĩ trực khoa ngoại dậy, bảo có “cục lạp xương” cần mổ gấp này! Mổ ra khúc ruột tím bầm, xuất huyết từng mảng rải rác, nhiều khúc đã cứng ngắt, lổm đổm đỏ, nâu... y như lạp xương thiệt! Ca đó phải cắt gần hết ruột non, đến tận ileon, nối tận – tận rất khó khăn. Cuối cùng bệnh nhi được cứu sống dù trước đó mẹ em cương quyết không cho mổ. Sau này, khi bệnh được phát hiện sớm hơn thì can thiệp bằng cách bơm Oxy vào ruột theo “trường phái” của bác sĩ Trần Thành Trai cũng đã giải quyết được nhiều trường hợp ngoạn mục. Chúng tôi say mê với các đề tài “nghiên cứu khoa học” lý thú và thực tiễn đó. Cả nhóm “nội ngoại” làm việc khăng khít bên nhau, chia sẻ biết bao niềm vui, nỗi buồn, đôi khi tranh cãi gay gắt, quyết liệt nhưng tất cả đều vì bệnh nhi. Rồi đến dịch “Ngộ-độc phần rôm” năm 1981. Trẻ sơ sinh chừng một tháng tuổi bỗng bị xuất huyết não - màng não chết hàng loạt, tử vong rất cao! Chỉ trong vòng ba tháng mà đã có hơn 300 trường hợp nhập viện vào Bệnh viện Nhi Đồng 1 và Nhi Đồng 2. Cuối cùng mới tìm ra được thủ phạm: đó là chất Warfarine, một thứ thuốc diệt chuột mà kẻ gian đã vì tham pha trộn với bột mì làm phần rôm giả! Công đầu phải kể đến các bác sĩ Dương Quang Trung, bác sĩ Dương Quỳnh Hoa, giáo sư Martin Bruyer từ Paris sang và tập thể các đồng nghiệp ở Trung tâm Y tế dự phòng, Trung tâm Truyền máu-huyết học và các bệnh viện Nhi thành phố!

Còn nhiều nữa, kể sao cho hết! Nhưng những khó khăn đó không đáng ngại đối với người thầy thuốc bằng thiếu thông tin y học để cập nhật kiến thức, thiếu trang thiết bị, thiếu thuốc men, phương tiện hành nghề... nên ai cũng thấy bức xúc. Chính vì thế mà năm 1978, Trung tâm Thông tin-Tuyên truyền y học được thành lập

(tiền thân của Trung tâm Truyền thông- Giáo dục sức khỏe hiện nay) đã giải quyết được một phần bức thiết của người thuốc! Đời sống ngày càng khó khăn thêm. Những đợt “kiểm tra chéo” bệnh viện lại rất căng thẳng. Thầy thuốc lo đáp ứng kiểm tra hơn lo chăm sóc bệnh nhi. Những buổi “bình bầu” thì đua trở nên giận hờn, trách móc, không nhìn mặt nhau. Nhiều chuyện không đầu, chẳng liên quan gì đến chuyên môn. Bệnh viện vơi dần. Khó khăn càng dồn dập. Còn nhớ vào năm 1979, bệnh viện thực sự căng thẳng vì không ngày nào không có người ra đi. Có người đi trót lọt, có người quay về. Lần đó, tôi đi nghỉ phép mấy hôm mà lúc trở về làm việc lại mọi người đều trở mặt... ngạc nhiên, sững sốt! Bài thơ “Tôi còn nợ” của tôi viết từ những cảm xúc đó. Bài thơ sau đó được bác sĩ Trương Thìn phổ nhạc và hát trong những đêm sinh hoạt văn nghệ ở Hội Trí thức với Phạm Trọng Cầu, Trịnh Công Sơn, Trần Long Ẩn, Hoàng Hiệp, Nguyễn Nam, Lê Thị Kim...

“Tôi đi phép mấy ngày
Hôm trở lại mọi người reo lên mừng rỡ
A! Ông thầy về! Tưởng đi luôn rồi chớ!
Và em cũng nhìn tôi
Không nói
Qua ánh mắt tôi biết em định hỏi
Vì sao tôi không đi
Vì sao tôi ở lại?
.....”

(Tôi còn nợ, Đỗ Hồng Ngọc, 1979)

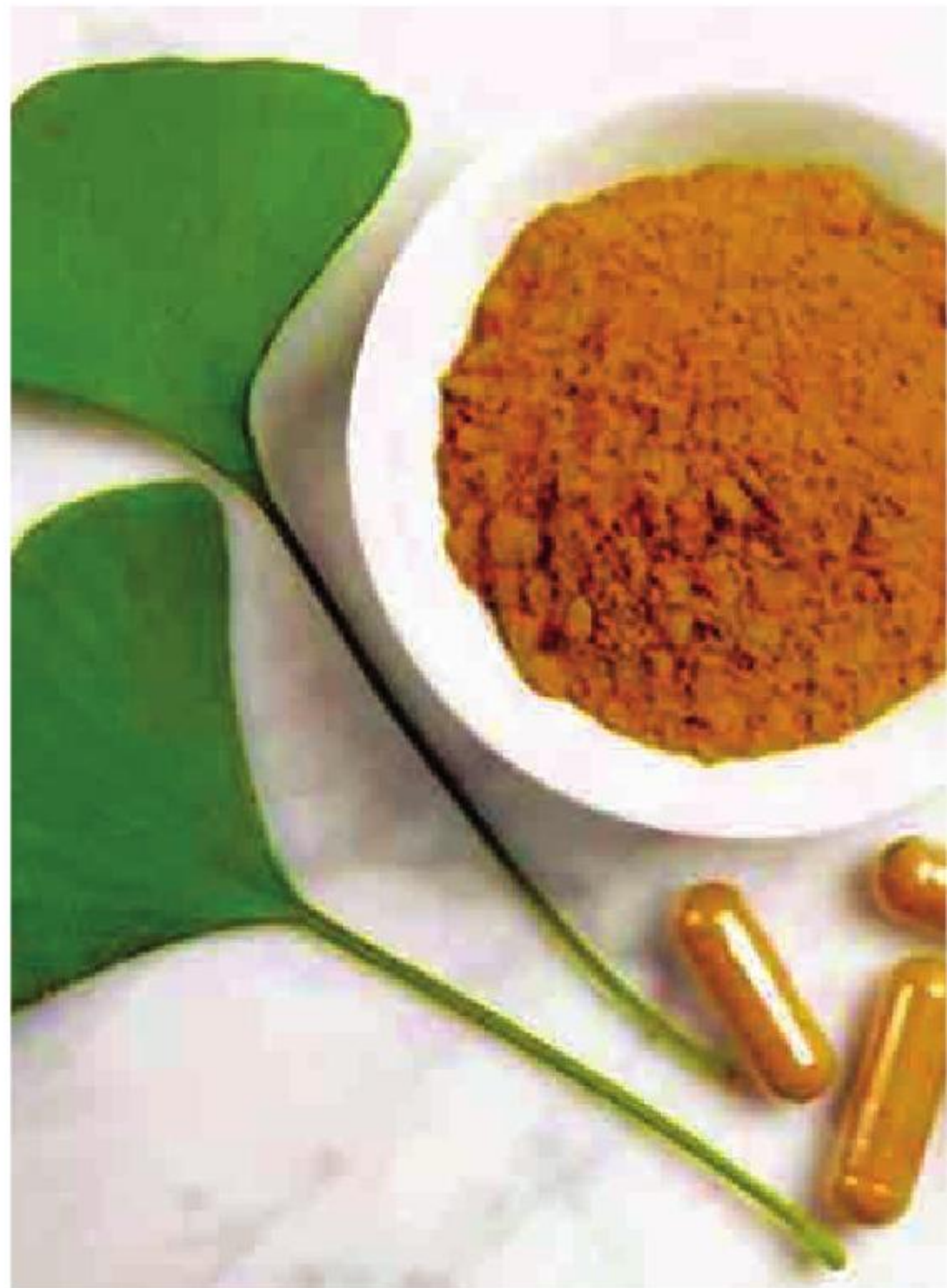
Thế rồi ngành y tế thành phố cũng đã kịp thời có những giải pháp. Đầu tư tăng cường trang thiết bị, thuốc men, thông tin y học, hợp tác quốc tế... “Thí điểm” làm ngoài giờ (phòng mạch tu). Thí điểm thu một phần viện phí... Rồi kỹ thuật cao, rồi y tế chuyên sâu có cơ hội phát triển. Hệ thống y dược tư nhân hình thành chia sẻ gánh nặng cùng y tế Nhà nước, cùng thúc đẩy nâng cao chất lượng điều trị, chăm sóc bệnh nhân tốt hơn. Cùng lúc, chúng tôi triển khai các chương trình Săn-sóc sức-khỏe ban-đầu (Primary Health Care) cho trẻ em ở quận 6, quận 4, rồi Củ Chi, Hóc Môn... Một Chương trình Săn sóc sức khỏe ban đầu toàn diện ở xã Hiệp Phước, Nhà Bè do bác sĩ Dương Quang Trung chủ trì, cùng với một Ban thư ký gồm các bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc, Lê Trường Giang, Nguyễn Thanh Nguyên, Dương Đình Công, Nguyễn Ngọc Chiêu đã trở thành một mô hình được nhân rộng cho toàn thành phố và một số các tỉnh bạn. Đây là một chương trình tổng hợp, với các nguyên tắc “tham gia cộng đồng”, “phối hợp liên ngành”, và “kỹ thuật học thích hợp”, lấy phòng bệnh làm chính, gắn liền sức khỏe với phát triển kinh tế xã hội của địa phương, vừa ít tốn kém vừa hiệu quả cao. Những năm tháng đó mạng lưới y tế cơ sở được tập trung xây dựng và củng cố, phòng bệnh tích cực, đã làm thay đổi tình hình bệnh tật: không còn sốt bại liệt,

không còn dịch tả, dịch hạch, thương hàn, giảm suy dinh dưỡng trẻ con, giảm tỷ lệ phát triển dân số...

Hiện nay thì tình hình y tế đã chuyển đổi, nặng về chuyên sâu, nặng về điều trị, về kỹ thuật cao với không ít những bộn bề mới phát sinh: Vấn đề công bằng. Vấn đề y đức. Vấn đề đào tạo. Mối quan hệ thầy thuốc- bệnh nhân. Trong một xã hội đang chuyển biến...

Rồi những bạn bè năm xưa của tôi đã lần lượt trở về. Nhiều bạn nay đã là những chuyên gia y học tầm cỡ. Cùng góp sức góp lòng, chuyển giao công nghệ, dạy dỗ cho lứa đàn em. Và những nụ cười lại nổi trên môi khi chúng tôi cùng hát với nhau trong những buổi họp mặt đông vui: “Rừng núi dang tay nối lại biển xa... Ta đi vòng tay lớn mãi để nối sơn hà...” (*). Những mái đầu xanh ngày nào nay đã bạc trắng, lũ chúng tôi đều đã trên dưới bảy mươi rồi. Mới thôi! ■

(*) Nối vòng tay lớn (Trịnh Công Sơn).





Kỷ niệm ngày 30.4.1975

Hòa giải dân tộc

Nhìn từ góc độ từ bi hỷ xả

TRẦN VĂN CHÁNH

Sinh thời, vào năm 2005, cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt, trên một bài báo, khi nhắc lại chiến thắng nhân dịp kỷ niệm ngày 30.4 năm đó, đã từng viết: *"Một sự kiện liên quan đến chiến tranh khi nhắc lại, có hàng triệu người vui, mà cũng có hàng triệu người buồn. Đó là vết thương chung của dân tộc, cần được giữ lành thay vì lại tiếp tục làm cho nó thêm rỉ máu"*. Lời phát biểu chí tình chí nghĩa đầy nhân hậu này vừa nêu lên đã được hàng chục báo, đài cả trong lẫn ngoài nước đồng loạt trích dẫn, coi như một bản tuyên ngôn ngắn gọn nhưng sâu sắc về tinh thần hòa giải hòa hợp dân tộc, với nội hàm coi cuộc chiến tranh trong quá khứ chỉ là chuyện bất đắc dĩ vượt ngoài ý muốn của mọi người Việt Nam da vàng máu đỏ.

Tính đến hôm nay, cuộc chiến tranh Việt Nam chấm dứt ngày 30.4.1975 đã lùi xa vào dĩ vãng tròn 39 năm. Trong những khoảnh khắc thời gian này, mọi người chắc chắn sẽ còn nhớ đến nhân vật lịch sử Dương Văn Minh, người thuộc phía đối lập của "bên thua cuộc", nhưng trong những giờ phút quyết định của lịch sử, ông đã hành xử trách nhiệm của mình với tư cách nguyên thủ quốc gia chế độ cũ sắp tan rã lúc đó một cách sáng suốt theo đúng tinh thần hòa giải hòa hợp dân tộc.

Như chúng ta đều biết, 15 giờ chiều ngày 28.4.1975, sau khi có quyết định của lưỡng viện Quốc hội trong tình hình khẩn cấp, tướng Dương Văn Minh làm lễ nhậm chức Tổng thống, cử ông Nguyễn Văn Huyền làm Phó Tổng thống, ông Vũ Văn Mẫu làm Thủ tướng, đồng thời bổ nhiệm một số bộ trưởng, trong đó Bộ trưởng Bộ Quốc phòng là một nhân vật dân sự (ông Bùi Tường Huân, Giáo sư Đại học Huế), để tỏ rõ thiện chí hòa bình, không muốn cuộc chiến tranh tiếp diễn.

Chủ trương căn bản ngay từ đầu của Chính phủ Dương Văn Minh là "ngưng bắn", "không chống cự", và vì thế nội trong ngày 29.4.1975 đã lần lượt cử 2 phái đoàn đại diện đến tiếp xúc với đoàn đại biểu của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam để nêu rõ ý định.

Ngày 30.4.1975, lúc 6 giờ sáng, sau khi nghe báo cáo đầy đủ về tình hình quân sự, ông Minh cùng vài tướng lãnh dưới quyền đến Phủ Thủ tướng gặp Phó Tổng thống Nguyễn Văn Huyền, Thủ tướng Vũ Văn Mẫu và một số người trong nội các mới lập, họp bàn và quyết định *không nổ súng và giao chính quyền cho Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam*.

Đến 9 giờ 30 ngày 30.4.1975, Đài Phát thanh phát lời tuyên bố của Tổng thống Dương Văn Minh, nêu rõ: *"Đường lối của chúng tôi là hòa giải và hòa hợp dân tộc"; "yêu cầu tất cả anh em chiến sĩ Cộng hòa ngưng nổ súng, và ở đâu thì ở đó"; "Chúng tôi chờ gặp Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam để thảo luận về lễ bàn giao chính quyền trong vòng trật tự, tránh sự đổ máu vô ích cho đồng bào"*.

Hai giờ sau, lúc 11 giờ 30, xe tăng của quân giải phóng vào Dinh Độc Lập, đưa ông Dương Văn Minh và ông Vũ Văn Mẫu đến đài phát thanh để đọc tuyên bố đầu hàng vô điều kiện.

Có quan điểm khá phổ biến cho rằng ông Minh tuyên bố đầu hàng đơn giản chỉ vì bị lâm vào cái thế hoàn toàn thúc thủ, nhưng theo một số nhân chứng lịch sử lúc bấy giờ, tướng Dương Văn Minh nhận lên làm Tổng thống không có ý để thương thuyết với phe cách mạng vì đã thấy không còn khả năng thương thuyết; cũng không có ý để tiếp tục chiến tranh vì lâu nay ông vốn chủ trương hoà bình, hòa giải hòa hợp dân tộc (xem *Hồi ký không tên* của Lý Quý Chung).

Ngày nay, xét diễn biến các sự kiện trong mấy ngày giờ quyết liệt của lịch sử, đa số người ta đều thừa nhận việc Tổng thống Dương Văn Minh cùng nội các của ông quyết định “không chống cự”, rồi “đầu hàng vô điều kiện”, là hành động sáng suốt thúc thời vụ, giúp tránh thiệt hại vô ích thêm về nhân mạng và tài sản, góp phần kết thúc sớm cuộc chiến tranh. Đó là **nghĩa cử nhân đạo vừa cao thượng vừa anh hùng** của một người thật sự yêu nước, thương dân. Điều này về sau đã được cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt công khai thừa nhận trong một lần trả lời cuộc phỏng vấn liên quan đến vấn đề đang xét của tuần báo *Quốc Tế* (Bộ Ngoại giao) nhân dịp 30.4.2005.

Là một tướng lãnh cấp cao nhất trong quân đội Việt Nam Cộng hòa, thông thường phải có khuynh hướng chủ chiến, nhưng tại sao chính phủ do ông Minh đứng đầu lại có vẻ hiền lành chủ hòa với thiên ý cao nhất?

Ngoài những lý do đương nhiên về chính trị, cũng như những đòi hỏi khách quan của lịch sử cùng nguyện vọng hòa bình của dân tộc, chắc hẳn còn có một lý do quan trọng nữa có thể giải thích nguồn gốc thái độ và chủ trương hòa bình-hòa giải hòa hợp dân tộc của chính phủ này. Đó là tôn giáo: Tổng thống Dương Văn Minh và Thủ tướng Vũ Văn Mẫu đều theo Phật giáo, trong khi đó Phó Tổng thống Nguyễn Văn Huyền là người rất mộ Kitô giáo. Đạo Phật là đạo của hòa bình, từ bi hỷ xả; Kitô giáo là đạo của lòng bác ái vị tha, lẽ tất nhiên các ông đứng đầu này đều có khuynh hướng chung không muốn cho sinh linh phải bị tàn sát, trong bất kỳ điều kiện nào còn có thể tránh được.

Riêng ông Dương Văn Minh, được biết sinh năm 1916 ở tỉnh Mỹ Tho trong một gia đình theo đạo Phật, lễ giáo, nề nếp. Bản thân ông Minh cũng theo đạo Phật, nhân từ, thương người, sợ sát sinh, sợ phải giết người. Thấy ai bị nạn thì ra tay can thiệp, cứu giúp, cả đối với một số người thuộc chiến tuyến đối lập. Năm 1983, được Chính phủ chấp thuận, ông sang Pháp chữa bệnh và thăm con, sống cuộc đời đạm bạc, cuối cùng sang Mỹ ở với người trưởng nữ cho đến khi qua đời vào tháng 8 năm 2001, thọ 85 tuổi.

Theo cựu dân biểu Dương Văn Ba (*Những ngā rē*, hồi ký, chưa xuất bản), một người thân cận từng ở nhờ thời gian khá dài trong tư gia của tướng Dương Văn Minh (số 3 Trần Quý Cáp), thì ông Minh là “loại người trầm lắng, suy tư dù gốc của ông là một quân nhân. Triết lý của ông là triết lý trầm lắng của Phật giáo, ông không đua chen, không sân si; ông thuộc vào loại thấy đủ biết đủ, thấy nhàn biết nhàn. Đó là một loại triết lý pha lẫn giữa Phật giáo và Lão giáo. Ông sống khá bình dị, hòa mình với mọi người, đa số bạn bè, bà con đều thương ông”.

Trong những ngày chấp chính ngắn ngủi và khẩn cấp, Tổng thống Dương Văn Minh giữ mối liên lạc rất chặt chẽ với Thượng tọa Thích Trí Quang. Họ trao đổi vấn đề gì với nhau trong những giờ phút quyết liệt của lịch sử thì hầu như không ai biết rõ, vì sau đó cả hai người đều kín tiếng. Chỉ biết, cũng theo cựu dân biểu Dương Văn Ba, trong tuần lễ đầu tiên sau khi ông Minh được thả từ Dinh Độc Lập ra,

Thượng tọa Thích Trí Quang bất ngờ có đến thăm ông ở số 3 đường Trần Quý Cáp. Hai người đã thân tình trò chuyện khoảng 30 phút nhưng chỉ thăm hỏi nhau về sức khỏe chứ không bàn tán bất cứ điều gì về chính trị (Dương Văn Ba, tldd). Đây cũng có thể là thêm một bằng cứ chứng tỏ ông Dương Văn Minh có chịu ảnh hưởng ít nhiều của những quan điểm chính trị Phật giáo: thương yêu, hòa giải, luôn quý trọng sinh linh và cố tránh mọi sự giết chóc trong điều kiện có thể.

Tương tự ông Minh, Thủ tướng Vũ Văn Mẫu vốn cũng là một Phật tử mộ đạo. Từng là nghị sĩ Thượng viện (từ 1972), trong suốt nhiệm kỳ của mình, ông luôn hoạt động tích cực cho phong trào hòa bình và hòa giải dân tộc.

Phó Tổng thống Nguyễn Văn Huyền được nhiều người biết đến và quý trọng như một nghị sĩ Thượng viện ôn hòa của chế độ cũ. Ông là người Công giáo thuần thành, nổi tiếng thanh liêm, đạo đức, sống nghèo và khổ hạnh, cuối đời chỉ tập trung cho việc tu hành.

Cả ba vị đứng đầu Chính phủ Dương Văn Minh đều xuất phát từ lòng nhân đạo, nếu không toàn phần thì cũng một phần, đã kết hợp nhau trong sự đồng thuận chấp nhận đường lối hòa giải hòa hợp dân tộc và giải pháp đầu hàng trong buổi hoàng hôn của chế độ để tránh cho thành phố Sài Gòn khỏi đổ nát và nhân dân vô tội cả nước khỏi phải chết thảm thêm nữa vì việc đánh nhau giữa hai bên vào giờ chót. Nếu không có sự đồng thuận giữa những con người cùng lý tưởng, được un đúc thấm nhuần bởi tinh thần từ bi hỷ xả và vị tha của các bậc giáo chủ, thì thật khó đi đến một quyết định mau lẹ, kịp thời và sáng suốt như vậy. Vì thế cho nên bây giờ bình tĩnh nhìn lại, có người còn đánh giá cuộc đầu hàng lịch sử nêu trên chẳng những không chút nhục nhã mà còn đáng ca ngợi là một hành vi anh hùng, đặc biệt hợp với lối hành xử bi-trí dũng của nhà Phật.

Tuy nhiên, tính chính đáng và sáng suốt của quyết định đầu hàng nêu trên nhờ đức từ bi hỷ xả cũng như vì tinh thần hòa giải hòa hợp dân tộc chỉ thật sự chói lọi hơn nếu như những lời sau đây được thực hiện một cách trọn vẹn, điều mà cố Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng từng khẳng định trong lễ mừng chiến thắng tại TP.HCM 39 năm về trước: “Nhất định 45 triệu đồng bào cả nước ta sẽ đoàn kết một lòng, thương yêu, đùm bọc nhau như con một nhà, chung lòng chung sức bảo vệ độc lập, tự do, hàn gắn vết thương chiến tranh xây dựng lại đất nước, xây dựng cuộc sống mới hòa bình và hạnh phúc”.

Ngày nay, sau gần 40 năm kết thúc chiến tranh, thống nhất đất nước, để tỏ rõ lập trường quang minh chính đại nhằm gây lại khối đại đoàn kết dân tộc ở giai đoạn mới còn đầy khó khăn, trong quá khứ thực hiện chính sách hòa giải, nếu thực tế có những gì sai sót đáng kể thì nay nên mạnh dạn công khai nhìn nhận. Như thế sẽ có tác dụng loại trừ tất cả mọi định kiến và mặc cảm trong lòng dân tộc, làm cho mọi người đều được hả lòng hả dạ, từ đó chung tay xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. ■

Một chút hương đời cho đạo

TÂM NGỌC NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT



Thế là một mùa Phật đản nữa sắp về! Khác với mọi năm trời nắng nóng, Huế những ngày tháng Tư năm nay trời lại se se lạnh mà không mưa; thật đẹp, thật vui.

Đại lễ Phật đản năm nay được Phật tử chuẩn bị từ rất sớm. Chiều nay đi làm về, tôi ghé chợ mua sườn tre để chiều Chủ nhật tới mang đến cho các em sinh hoạt Gia đình Phật tử dán lồng đèn bánh ú; giá mỗi chiếc sườn tre đan sẵn cũng chỉ hai ngàn đồng.

Đang nhận khung để cột vào xe thì tôi bắt gặp ánh mắt một cụ già chừng tám mươi tuổi nhìn tôi chăm chăm; tôi ngần ngại ngừng công việc rồi thưa với cụ: “Thưa Mẹ¹, Mẹ có hỏi gì con không?”.

Cụ già trả lời: “O² ơi! Nghe O mua khung về cho các em dán giấy làm lồng đèn cúng Phật đản sắp đến; O cho tôi góp cúng hai chục ngàn được không?”.

Hai chục ngàn là mười chiếc khung! Nhìn cụ, tôi lặng người. Cụ mặc bộ áo quần đã cũ rồi, nếp nhăn đầy trên khuôn mặt nhỏ nhắn, dáng người thấp bé; nhưng miệng cụ vẫn móm mém mỉm cười và đôi mắt đục mờ sáng lên nhấp nháy.

Tôi xúc động cầm tay cụ yên lặng một hồi mới thốt lên được:

“Dạ thưa Mẹ, tiền mô mà Mẹ cúng cho con. Con xin nhận một tấm lòng; xem như con đã nhận tiền và xin biếu lại Mẹ”.

Thế nhưng mặc cho tôi nói đủ hết lời, đôi tay run run của cụ cứ nhét vào tay tôi tờ giấy bạc, rồi thông thả đi tiếp. Còn lại một mình, tôi vội vã cột năm chục chiếc khung tre làm đèn vào xe để đi. Trên đường đến chùa để cất khung, tôi miên man suy nghĩ. Thì ra thời đại nào cũng có “những bà già cúng đèn” như trong câu chuyện mà tôi thường kể cho các em nghe vào các buổi chiều Chủ nhật.

Đễ thương quá! Với tấm lòng thành kính dâng lên Đức Phật, góp một chút hương đời cho đạo, sự thành tâm của cụ già làm tôi vui lây và thấy lòng mình ấm lại.

Tôi thầm nguyện cầu Đức Bổn sư gia hộ cho cụ được an lành, khỏe mạnh, thay lời cảm ơn mà tôi vội vã chưa kịp nói.

Giờ đây khắp mọi nẻo đường của Huế đang treo cờ thắp đèn, tuần lễ Phật đản đã về, những lễ đài lớn đang hoàn thành. Tại các tổ đình Từ Đàm, Diệu Đế ban đêm đã đông đảo người đến chiêm bái, dòng Hương giang phẳng lặng đã lung linh bảy đóa sen hồng tinh lặng trôi trên sông Thiển; thỉnh thoảng lại có những hồi chuông ngân thông thả vọng về từ chùa Linh Mụ. Con đường rước Phật được thắp sáng trên hai hàng cây dọc đường Lê Lợi bằng những đóa sen trắng, sen hồng xen lẫn đu đưa theo gió; trong xa tím kia tôi như thấy những ngọn đèn ú của cụ già dâng cúng đang lấp lánh sáng ngời.

Huế của tôi, chiếc nôi của Phật giáo, cứ mùa Đản sanh về lại thấy ấm áp nghĩa đạo tình đời xen lẫn; người khá giả chung tay đóng góp để kiến thiết những lễ đài, xe hoa, thuyền hoa rước Phật, người dân nghèo cũng có thể dâng những lá cờ, đèn ú, đèn lồng.

Sắp đến ngày Đản sanh rồi, tôi ngược nhìn bầu trời trong vô cùng bao la của vũ trụ thấy Như Lai hiện hữu thật gần, thật mẫu nhiệm, uy nghi đang tỏa hào quang để cứu nhân độ thế.

Giờ đây, cụ già chắc cũng đang vui vì được đóng góp một chút lòng thành kính dâng lên mừng ngày Đức Thế Tôn thị hiện. ■

1. Mẹ là tiếng người Huế hay dùng để tôn xưng người lớn tuổi.
2. O tiếng Huế có nghĩa là cô.

Hãy sống

Với niềm vui tử tế

TRẦN KIÊM HẠ

“**T**hời còn ở Huế, cứ chiều 30 Tết là tôi lại đạp xe ra khu Thương Bạc, Phú Văn Lâu... những nơi bán hoa Tết kiếm vài chậu hoa ế về chưng thêm trong nhà cho thêm sắc xuân. Có năm khủng hoảng kinh tế, hàng hoa ế rẻ, người bán phải thuê xe chở đi đổ để trả lại mặt bằng cho thành phố trước lúc giao thừa. Vậy là những người đi “hôi” hoa ế như bọn tôi hả hê, tha hồ mà chọn lựa những chậu hoa ưng ý. Quả còn gì thú vị hơn, khi mà Tết chơi hoa đẹp lại không mất tiền mua!

Mấy chục năm qua chuyện đời tưởng đã trôi vào dĩ vãng. Ai ngờ chiều 30 Tết vừa rồi, khi lang thang trong khu bán hoa Tết trước chợ Sơn Kỳ (Tân Phú – TP.HCM) để ngắm cảnh chiều cuối năm, trước cảnh nắng chiều sắp tắt mà hoa thì vô tư còn khoe sắc ngập bãi, bỗng tiếng chuông nhà thờ đâu đó vọng lại và trong cái khoảnh khắc ấy tôi bắt gặp ánh mắt thẳng thốt của người bán hàng hoa. Với cái tuổi “bên kia dốc cuộc đời”, tôi thừa hiểu tâm trạng người bán hàng hoa lúc này, bao nhiêu công sức và cả vốn liếng bỏ ra để mưu cầu cơm áo ngày Tết cho gia

đình đã thành con số không. Giữa cảnh tương phản, hoa thì vô tư khoe sắc còn người bán hoa thì buồn rười rượi, tự nhiên tôi thấy lòng mình nao nao buồn – Và sau cái giây phút ấy, ký ức những chiều cuối năm đi “hôi” hoa vui như trảy hội với tôi đã không còn là một kỷ niệm đẹp. Bởi bản chất niềm vui đó là không tử tế chút nào”.

Trên đây là lời bộc bạch của người bạn già trong lúc đối ẩm với tác giả chén trà đầu xuân. Anh mới về hưu và thường đi lễ chùa. Chuyện đợi đến chiều 30 Tết đi chợ hoa để mua được hoa rẻ, hoặc để xin vài chậu hoa của người bán ế đem về chơi Tết là cảnh thường thấy ở những bãi bán hoa chiều cuối năm. Song với cái nhìn của một người hành thiện đều đặn mỗi ngày như anh ấy lại là một “niềm vui không tử tế chút nào”! Tôi tự hỏi thời buổi này quan niệm như vậy có quá khắc kỷ cho bản thân, có “ảo” và xa rời cuộc sống lắm không?. Ngẫm đi nghĩ lại thì thấy lời anh nói chẳng cường điệu chút nào. Thật ra đó chỉ là cách sống bình thường của những người có lòng tự trọng, và càng bình thường hơn với những Phật tử đang sống dưới ánh đạo vàng, lấy lòng từ bi làm thước đo tu tập hàng ngày, luôn sống đúng



tinh thần đạo pháp là “không vui trên nỗi buồn người khác”. Tuy nhiên, trong xã hội thời nay, với một số không ít người, khi mà đồng tiền được lấy làm lẽ sống thì câu phương châm ấy dễ bị cho là giáo điều và không thực tế. Lại càng vớ vẩn hơn với những kẻ chuyên sống trên nỗi bất hạnh người khác như rải đinh trên đường, tẩm hóa chất vào thực phẩm, bài bạc, lừa đảo, cướp giật, giết người cướp của, buôn gian bán lận, vân vân...

Trong cuộc sống tôi gặp phải vài chuyện nhỏ, tuy nhỏ nhưng chứng minh được một khi con người đã mất căn bản đạo đức thì sẽ là “mồi ngon” cho lòng tham vô đáy. Tôi mua hàng của người bán hàng rong, về nhà cân thiếu đến... một phần tư trọng lượng. Tiên trách kỷ hậu trách nhân, nghĩ do mình mắc cả nên người ta đành bán vậy thôi, buôn bán thì cần phải có lời chứ. Lần thứ hai trước khi mua hàng của người ấy, tôi giao ước: “Nói giá chừng nào tôi mua chừng đó, chỉ xin đừng cân thiếu là được”. Người bán hàng xởi lời: “Em bao cân cho bác, thiếu một ly bác cứ đem đến đây vắt vào mặt em”. Để kiểm chứng lời anh ta, về nhà tôi cân lại hàng, vẫn cứ thiếu... như cũ!

Có người cho rằng do sinh trưởng ở một vùng xa xôi nào đó thiếu ánh sáng văn minh thị thành và thất học, lại quá nghèo nên người bán hàng ấy bị đồng tiền làm lóa mắt đấy thôi. Nhận xét như vậy e rằng chưa chính xác lắm. Bởi nhiều kẻ học hành có bằng cấp địa vị xã hội hẳn hoi vẫn sa vào lối sống mất nhân phẩm, thiếu đạo đức khi mà không biết chế ngự lòng tham. Đồng nghiệp nữ tôi tâm sự rằng, bố mẹ chồng bạn ấy trước đây đều là kỹ sư, nghỉ hưu sẵn có mặt bằng nên bày ra bán cơm bình dân cho đỡ buồn. Lúc đầu chỉ mong kiếm thêm tiền chi tiêu hàng ngày, nhưng rồi dần dà trung bình mỗi ngày phải nấu hơn ba tạ gạo mới đáp ứng đủ nhu cầu người ăn. Và chỉ vài năm sau, họ đã mua được mấy căn nhà mặt phố! Tôi hỏi bạn: “Chắc bố mẹ chồng bạn bán rẻ và nấu ăn ngon lắm hả?”. Bạn ấy thật thà trả lời: “Ngon dở nào ai biết. Dù phục vụ ngay trong quán nhưng cả gia đình chồng tôi chưa bao giờ ăn những thứ bán ra. Phải nấu riêng cơ!” Thấy tôi ngạc nhiên, bạn ấy nói tiếp: “Năm ngoái thằng em chồng tôi bị cửa cụt

mất cả hai cánh tay đấy, vì khi ướp thịt cậu ta thường lười không mang găng tay!”. Nghe mà chết khiếp, mỗi lần tẩm ướp thịt xong, em chồng bạn ấy luôn rửa tay sạch sẽ, vậy mà vài năm sau tự nhiên hai cánh tay sinh lở loét và chữa mãi không lành, làm tôi tự hỏi: “Vậy thì những cái dạ dày thực khách ăn uống hàng ngày do bàn tay em bạn ấy tẩm ướp nay đã ra sao rồi?”. Anh ta lâm cảnh tật nạn, âu đó là luật nhân quả?

Nói về đạo đức xã hội, tôi có mấy ông bạn già, mỗi sáng đi bộ thể dục xong thì cùng nhau uống cà-phê, đọc báo và luận bàn thế sự. Có một người than vãn rằng: “Thời nay chúng ta đang sống chung với ma quỷ các ông ơi!”. Tôi xét nét: “Nói như vậy có quá đáng lắm không?”. Thì anh ta gí tờ báo vào tay tôi và bảo đọc đi. Chao ôi, (theo báo *Pháp Luật TP.HCM* ngày 24/2/2014) chỉ vì sa vào cờ bạc mà Hồ Văn Thành ở xã Hướng Sơn, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị bị thua chiếc xe gắn máy. Để có tiền chuộc xe, ngày 23/3/2013 hắn rủ thêm hai người nữa vào rừng Tà Rùng, xã Hướng Việt, huyện Hướng Hóa tìm người cướp của. Gặp bảy phu đi trảm, bọn chúng dùng súng uy hiếp bắt trói. Sau đó lần lượt dùng gậy đập... chết năm người rồi đập xuống cái hố sâu đào sẵn! Đọc xong bài báo, vì tiền mà hành quyết người như thời trung cổ ấy, làm hội già chúng tôi ai nấy rợn tóc gáy!

Bạn khác vẫn ông bạn ấy, đọc xong bài báo lại than rằng: “Trời, sao lại có người sống vô lương tâm đến thế là cùng!”. Báo *Dân Việt* ngày 05-4-2014 cho biết, theo điều tra, *Ngô Thu Lý* (Bắc Giang) và *Giáp Văn Trung* (Bắc Giang) móc nối với *Chu Ngọc Lâm* (Nghệ An) thiết lập đường dây “ma” đưa người đi xuất khẩu lao động (XKLĐ). Báo tường thuật tiếp, “Chúng tôi về các địa phương như Yên Thành, Diễn Châu, Tân Kỳ (Nghệ An), đi đến đâu cũng thấy dân tình bàn tán xôn xao về vụ lừa đảo này - Ông Phạm Đình Xoan ở xóm Hòn Nen, xã Mã Thành (Yên Thành) đang điều đứng bởi nợ nần. Ông Xoan nước mắt vẫn dài: ‘Vì nhẹ dạ nên tôi đã vay mượn ngân hàng và người thân hơn 300 triệu đồng đưa cho chúng để cho hai đứa con trai đi XKLĐ Hàn Quốc. Giờ thì mất trắng bởi bọn lừa đảo rồi’. Ông Xoan vừa nói vừa gào khóc, chạy

đi như người tâm thần khiến ai chứng kiến cũng ngậm ngùi. Cầm cảnh nhất là gia đình chị Hoàng Thị Hồng ở xóm Xuân Bắc, xã Diên Vạn (Diên Châu). Gia đình, anh em họ hàng của chị gồm sáu người mong muốn đi xuất khẩu lao động sang Hàn Quốc nên đã nộp cho *Chu Ngọc Lâm* gần một tỷ đồng. Gia đình chị mấy ngày nay tiếng khóc nỉ non, thật cảm cảnh. Theo điều tra của công an, hiện đã có 38 người ở các huyện Yên Thành, Diên Châu, Tân Kỳ, Đô Lương gửi đơn tố cáo các đối tượng trên chiếm đoạt hơn bảy tỷ đồng.

Những chuyện đại loại như vậy vẫn thường xuất hiện trên mặt báo đến mức bão hòa sự tò mò của người đọc. Và xã hội ngày càng có nhiều hành động vô luân không tưởng nổi như chỉ cần vài chục ngàn đồng chơi game mà cháu giết chết ông ngoại, vì tiền mà con giết cha mẹ, vợ chồng giết nhau; vì... "quý" nhập vào người mà cha... hiếp dâm con gái, ông hiếp dâm cháu ngoại... đã không còn là chuyện hiếm! Bỏ qua nguyên nhân vĩ mô là do cơ chế nhà nước sinh trào lưu sống xã hội (Dù trào lưu bao giờ cũng như một làn sóng mạnh mẽ phủ vào chốn nhân sinh), đã tạo cho con người thói đua đòi coi trọng vật chất hơn tình cảm. Bởi cùng một hoàn cảnh xã hội, vẫn có nhiều người giữ được nếp sống thanh cao, có nhiều tấm lòng nhân ái đã góp phần làm cuộc sống đáng yêu hơn. Không hiếm những thân phận nghèo nhưng không lóa mắt trước đồng tiền không phải mình làm ra. Nhật được của rơi, trả lại cho người mất không một chút đắn đo của các chị làm nghề lượm ve chai, những bảo vệ, tài xế taxi, các em học sinh và cả công chức nghèo... là minh chứng không phải nghèo là sống hèn. Tất cả họ đều có chung một câu trả lời đơn giản khi được hỏi về việc mình làm là: "Mình mất cái gì cũng quay quắt thì người khác cũng vậy thôi". Họ không hề biết Đức Khổng Tử là ai, mà tự thân ngộ ra rằng "kỷ sở bất dục vật thi ư nhân", điều gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác. Và một động cơ nhân văn khác giúp họ thực hiện nghĩa cử cao đẹp ấy là: "Thấy người nhận lại của bị mất vui sướng, là chúng tôi hạnh phúc lắm rồi".

Nói về sức mạnh đồng tiền thì thời nào cũng như nhau. Xưa có câu "nén bạc đâm toạc tờ giấy", ý nói tiền bạc làm lệch cán cân công lý. Thời nay thì sức mạnh đồng tiền có vẻ "toàn năng" hơn với câu "có tiền mua tiên cũng được"; là tấm giấy thông hành giúp chủ nó giải quyết tất tật mọi vấn đề. Có người còn nói rằng sức mạnh đồng tiền thời nay có thể làm tắc nghẽn dòng luân lý và ngăn được cả dòng nước mắt đang chảy. Nghĩa là đồng tiền có thể sai khiến người ta làm chuyện vô luân, rồi dùng tiền ấy ém nhem được mọi chuyện – đồng thời nỗi đau mất mát người thân (bị hãm hại) cũng được khóa lấp khi đồng tiền hiện diện. Còn mỗi chúng ta, bất kỳ ai, ít nhiều cũng bị đồng tiền chi phối, phải đối mặt với nhiều vấn đề liên quan tới tiền bạc. Không tiền là đói rách, con cái không được học hành, bản thân bệnh tật không được chạy chữa,

thậm chí phải chứng kiến cảnh cha mẹ già yếu chết lần mòn vì thiếu dưỡng chất. Và dù trong cuộc sống, chúng ta luôn lấy tình cảm làm trọng, nhưng thực tế người không tiền thường bị yếm thế so với kẻ có tiền. Bà con, anh em, bạn bè gặp cảnh ngặt nghèo đến thăm mà hô khẩu hiệu suông, thì e rằng tình cảm không bằng người không thăm mà gởi tới chiếc phong bì dày cộm rồi!

Chúng ta thường nghe nói đến đồng tiền dơ bẩn hoặc đồng tiền trong sạch. Thật ra đồng tiền tự nó không thanh cao mà cũng chẳng bỉ ổi, chẳng qua là nó bị gán oan từ cách làm ra tiền của con người mà thôi. Đồng tiền do kẻ tham ô mà có là đồng tiền bỉ ổi. Trộm cướp, lừa đảo, cưỡng đoạt mà có là đồng tiền vô lương tâm. Giết người cướp của là đồng tiền mất nhân tính. Đồng tiền được làm ra từ sức lao động, sáng tạo, phát minh, buôn bán đàng hoàng... là đồng tiền tử tế. Và chủ nhân của những đồng tiền tử tế thường ít bị trào lưu sống của xã hội tác động làm đảo lộn lẽ sống của mình. Cô Thanh Mận chẳng hạn, từng đạt danh hiệu Cây bút xuất sắc, đến nay đã hơn mười năm làm phóng viên cho báo *PL.HCM*, trải lòng với tôi rằng: "Nhìn bạn bè nhà lầu, xe hơi đàng hoàng, còn mình vẫn ở nhà thuê đôi lúc em cũng chạnh lòng. Tuy nhiên để có những thứ đó mà làm vấy đục tâm hồn mình thì em cương quyết nói không". Đó là lý do tại sao cô ấy từng từ chối những chiếc phong bì có giá trị gấp hàng chục lần đồng lương mình, với đề nghị nhẹ nhàng xem như không thấy, không biết gì là được.

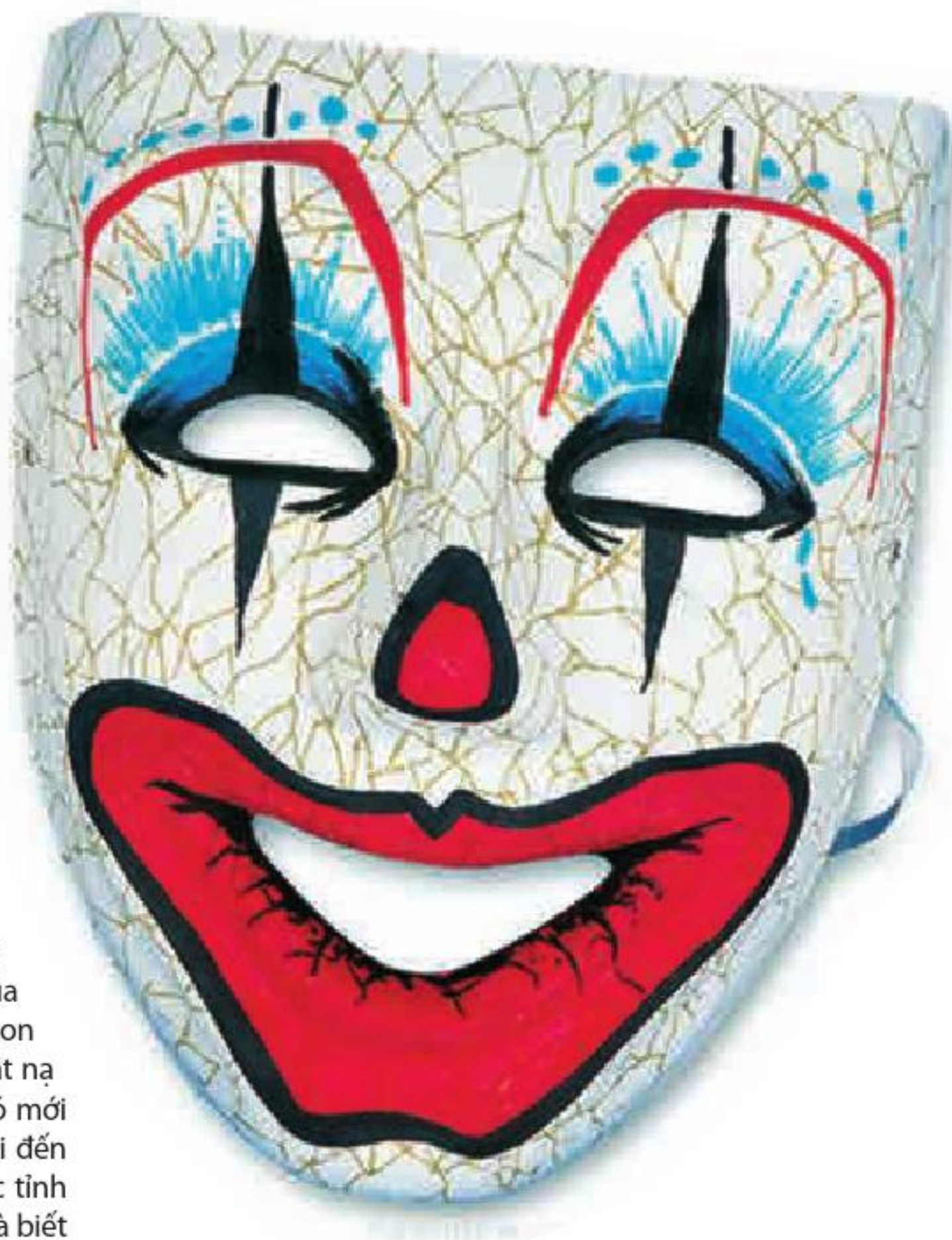
Qua đó chúng ta xác quyết rằng *đồng tiền không phải lúc nào cũng là tất cả*. Câu chuyện sau, tôi được chứng kiến ở một bệnh viện (TP.HCM) xin kể thay lời kết bài viết này: Có một ông già nghèo từ miền Tây sông nước lên TP.HCM nằm điều trị đau dạ dày. Sau nhiều ngày thuốc thang và chụp phim ảnh, làm các xét nghiệm, phong bì... đã làm cạn món tiền ông mang theo, mà bệnh tình vẫn không thuyên giảm. Bác sĩ cho biết cần phải mổ vì bệnh nhân có khối u trong dạ dày. Không tiền, người con trai nuôi cha bệnh đành gạt nước mắt thu xếp đưa cha về quê phó thác bệnh tật cho số phận. Trong lúc đi làm thủ tục xuất viện thì anh ta nhặt được chiếc ví rơi có đủ số tiền cho cha mình thực hiện cuộc mổ. Nghi Trời Phật thương tình phù hộ kẻ khốn khó, anh ta vui mừng khôn xiết nhanh chân về phòng báo tin lành cho cha. Người cha đang rầu rĩ thân phận không tiền phải chịu kết thúc số phận, bỗng nghe con nói vậy thì mặt mày rạng rỡ hẳn lên. Song niềm vui ấy đến với ông chưa đầy mười phút sau, thì chuyện chộn rộn bên ngoài hành lang bệnh viện đã đến tai ông già: "Ở khoa dưới có một người đi nuôi mẹ bệnh hiểm nghèo bị mất sạch tiền, chị ta than khóc vật vờ đến nỗi phải đưa vào phòng cấp cứu". Sau một hồi suy nghĩ, ông già bảo con trai: "Hãy đem số tiền này trả cho người mất đi con, còn gì khùng khiếp hơn là cha được sống mà lúc nào cũng ám ảnh mình sống trên nỗi bất hạnh của người khác!". ■

Ma ë na i da ngöôø

HOÀNG TÁ THÍCH

Tôi có một người bạn khá thân đã quá tuổi trung niên. Anh ta là một con người rất nghệ sĩ. Sau khi đã thể nghiệm qua nhiều môn tiêu khiển về nghệ thuật, cuối cùng, anh kết giao với hội họa như một lối thoát cho những tư duy về cuộc đời. Anh thường vẽ chân dung và tĩnh vật, nghĩa là chỉ vẽ những gì thấy trước mắt. Chỉ có cái trước mắt là có thực và anh chỉ muốn vẽ những điều có thực.

Sau một cơn đột quỵ tưởng đã mất mạng, anh may mắn được kịp thời cứu chữa và trở lại cuộc sống. Từ đó, anh thay đổi hẳn. Không uống rượu, bỏ hẳn thuốc lá, đi ngủ sớm, ăn uống điều độ... nghĩa là những thói quen không có vẻ gì của một người nghệ sĩ cả. Không chỉ là những thói quen hàng ngày mà còn những thay đổi về tư duy. Cũng là tư duy về cuộc đời. Sau khi bình phục hẳn, anh vẫn say sưa vẽ tranh, nhưng từ đó, tranh của anh ta chỉ toàn là những chiếc mặt nạ. Không còn những gì là chân dung, là tĩnh vật nữa. Anh giải thích với tôi, trong những ngày nằm bệnh, anh thường nghĩ về những điều xảy ra đằng sau một khuôn mặt bình thường của con người. Những điều xảy ra bên trong của một con người luôn luôn bị che đậy bởi một cái mặt nạ, mặt nạ bằng da người mà chỉ chủ nhân của cái mặt nạ đó mới có thể biết được thôi. Thực ra thì anh ta muốn nói đến những suy nghĩ của chính bản thân mình, sau lúc tỉnh dậy, được thấy lại những người thân quanh mình và biết mình còn sống. Anh không biết mình đã trải qua một trận cận tử như thế nào, và chỉ nhìn thấy sự vui mừng của mọi người thì anh có thể hình dung được họ yêu thương anh vô cùng, chỉ không bao giờ có cơ hội để thể hiện, nên anh cũng không thể nào biết rõ họ yêu thương anh đến mức độ nào. Trong những ngày nằm ở bệnh viện chờ sức khỏe phục hồi, anh luôn luôn trấn an mọi người bằng nụ cười và cố gắng tạo ra vẻ bình thản trên khuôn mặt mình dù trong lòng thì chất chứa muôn nỗi âu lo. Và khi còn lại một mình, anh suy nghĩ mông lung về sự sống chết, về những yêu thương, ham muốn, ghét bỏ, thù hận trong cuộc sống hàng ngày. Những điều đó luôn luôn được che đậy bằng một bộ mặt bên ngoài của con người, khó lòng



mà biết rõ tình cảm của người khác. Nếu hôm đó anh không còn trở dậy được thì không biết điều gì xảy ra với những người thân của anh.

Tôi không biết anh bạn suy nghĩ những gì về đằng sau những chiếc mặt nạ của anh, nhưng câu chuyện của người bạn làm tôi liên tưởng đến những chiếc mặt nạ thường thấy trong cuộc sống hàng ngày. Bây giờ ở Saigon, nhìn những người đi xe gắn máy, chẳng biết ai là ai. Người nào cũng có một cái mặt nạ bằng vải để che bụi. Không chỉ là một cái mặt nạ nhẹ nhàng che mũi và miệng, mà có người còn che kín cả khuôn mặt, chỉ còn hai

con mắt để nhìn thì cũng được che bằng một cặp kính râm. Chưa kể các cô gái, tay mang găng dài lên tận vai, hai chân thì trùm kín bằng một tấm vải lớn. Đôi khi gặp một người chào mình, nếu họ không lên tiếng thì cũng không thể biết được đó là ai. Và nếu mình cũng che mặt thì chắc chắn là không có sự chào hỏi nhau, có gặp nhau thì cũng mạnh ai đi theo đường nấy, không thể biết được người nào là người nào. Trong cái thành phố đầy ô nhiễm này, mặt nạ là một thứ che chở cần thiết cho người đi xe khỏi bị bụi bặm dơ bẩn. Chỉ tiếc là nó cũng che mất phần nào cái vẻ đẹp không những của thành phố và cả của những cô gái muốn tạo dáng trên những chiếc xe gắn máy đắt tiền. Trái lại, rất tiện cho những người không muốn bị ai bắt gặp mình trên đường phố.

Báo chí thường đăng những chuyện trai gái làm quen nhau, hẹn hò trên mạng. Gặp nhau trên mạng thì phải tự giới thiệu mình cho đối phương. Có ai chân thực lúc nói đến tuổi tác, nhân dạng và con người thực của mình đâu. Chắc chắn là lúc nào cũng nói thật tốt về mình để hy vọng được đối phương chấp nhận lúc ban đầu. Và cũng vì thế mà lắm chuyện xảy ra lúc gặp nhau hẹn hò lần đầu. Có khi còn sinh ra những chuyện dở khóc dở cười vì đối phương không ngờ đến sự khác biệt trên mạng với thực tế. Mạng internet cũng là một thứ mặt nạ che đậy những điều không thật để lừa dối nhau. Không thiếu gì người bị lừa trên mạng trước khi gặp nhau.

Bây giờ chẳng thiếu gì chuyện những con ông cháu cha cậy quyền thế của cha mẹ để hiếp đáp người khác hoặc làm những điều sai trái. Không chỉ là con cháu mà ngay cả những người quen biết với những ông lớn, đôi khi cũng dùng một biểu hiện nào đó để gián tiếp cho mọi người thấy được sự quan hệ của mình với các nhân vật có quyền lực này. Thường thì là một tấm hình chụp chung trong một dịp may mắn hy hữu nào đó được trưng ngay trong phòng khách để ai vào nhà cũng đều có thể nhìn thấy. Chỉ cần như thế cũng được người khác nể nang phần nào rồi. Những nhân vật quyền thế là một thứ mặt nạ cho những kẻ muốn dựa hơi để nhờ đó làm những việc mà mình thiếu khả năng. Riêng bản thân của những kẻ quyền thế đó thì chiếc mặt nạ của họ chính là quyền lực. Chiếc mặt nạ quyền lực có thể che đậy mọi thứ tội lỗi của những người mang nó. Dĩ nhiên không phải người có quyền lực nào cũng đều như thế.

Những điệp viên hai mang lúc nào cũng mang một thứ mặt nạ để che giấu thân phận mình. Lúc thì cung cúc tận tụy với bên này và lúc thì tỏ lòng trung thành bằng những bí mật báo cáo với bên kia. Đó lại là một thứ mặt nạ có thể che đậy một lúc hai khuôn mặt của một người. Một người mà mang đến hai cái mặt nạ thì lại càng khó biết về con người thực của họ; đôi khi ngay cả chính bản thân họ cũng chẳng biết nổi con người thực của mình.

Một trong những chiếc mặt nạ có thể nói là rất chi ghê gớm, là cái mặt nạ đạo đức giả của một con người bất lương, có thể làm bất cứ chuyện gì hại người,

nhưng lại được che bằng một gương mặt đạo đức, được mọi người kính trọng nể nang. Cái mặt nạ đó có thể là một thầy giáo, có thể là một bác sĩ, có thể là một chính khách tiếng tăm và cũng có thể là một đức ông chống gương mẫu, mà bên trong là một thứ ma quỷ tối tệ. Cái mặt nạ này chắc chắn sẽ đánh lừa được một cách hiệu quả cho những người ngây thơ luôn luôn tin tưởng vào những gương mặt đạo đức kể trên.

Mới đây ở Thái Lan có một tên lưu manh đội lốt nhà sư. Đó là một nhân vật rất giàu có, đi máy bay riêng, tổ chức những cuộc nói chuyện về Phật giáo tận nước ngoài, được mọi người vô cùng kính nể trọng vọng... Mãi cho đến khi bị lật mặt nạ, mới biết nhà sư dỏm này không khác chi một tên trùm xã hội đen. Mặt nạ nhà sư, nói chung là mặt nạ tôn giáo, là một thứ mặt nạ có thể lừa dối người khác một cách dễ dàng, nhất là với những người có đức tin về tôn giáo. Thái Lan là một quốc gia mà dân chúng đa phần theo Phật giáo nên các tu sĩ rất được trọng vọng, loại mặt nạ này rất dễ lừa dối kẻ khác. Một vị tu sĩ đã nói với tôi: "Anh đừng bao giờ đánh giá một người tu hành qua bộ áo cà-sa. Hôm nay có thể là một vị chân tu, nhưng ngày mai trong một hoàn cảnh nào đó, có thể là một ác quỷ. Và chính bộ áo cà-sa là một thứ mặt nạ có thể đánh lừa mọi người một cách dễ dàng". Ở bất cứ nơi đâu cũng không thiếu gì những kẻ đội lốt tôn giáo để làm những chuyện xấu.

Người ta thường nói "Quen sợ dạ, lạ sợ áo quần" hay "Đi lâu mới biết đường dài, ở lâu mới biết lòng người ra sao". Quả thật là như thế. Quần áo bên ngoài cũng là một thứ mặt nạ. Vào một cửa hàng sang trọng nếu không có bộ váy bên ngoài, đôi khi còn không được tiếp đãi lịch sự. Muốn trộm cướp gì trong những cửa hàng này cũng phải ăn mặc cho có bề ngoài để người ta khỏi nghi ngờ lúc bước chân vào. Áo quần bên ngoài cũng là một thứ mặt nạ.

Bạn bè giao du với nhau lâu ngày, đến một lúc nào đó, vì một lý do không cần phải giải thích thì bỗng trở mặt làm đối phương không thể nào ngờ đến. Bởi vì những người đó cũng có một cái mặt nạ rất bình thường che khuất con người bên trong của họ. Anh bạn họa sĩ của tôi muốn lấy khung vải và bút màu để diễn tả những điều anh nghĩ ra đằng sau cái mặt nạ của mỗi người. Quả thật là một điều bất khả thi. Tôi nghĩ là không ai có thể biết được lòng người thay đổi như thế nào. Tiền bạc, vật chất, quyền lực, dục vọng, tình yêu đều có thể lung lạc con người, không thể nào lường được qua cái mặt nạ da người bên ngoài được.

Nghĩ cho cùng, chẳng có ai không có một cái mặt nạ bên ngoài cả. Vô cùng đa dạng. Cái thấy trước mắt đã chưa hẳn là thực, mà cái đằng sau mặt nạ cũng chưa biết có thực hay không nữa là. Chỉ khổ cho anh bạn họa sĩ của tôi, làm sao có thể biết được cái gì đằng sau cái mặt nạ đó được? Nếu có thể biết được điều đó một cách dễ dàng thì cuộc sống này đơn giản biết bao. ■

Giở trang kinh hạ

TRƯỜNG KHÁNH

Từ trong muôn hướng người về
Hạ gieo giọt nắng - lồi quê nhuộm vàng.
Gió chao - kinh giờ từng trang,
Bóng ai in giữa đạo tràng thâm nghiêm
Tiếng kinh chấp chới giọng thiền,
Lim dim bướm ngủ ngoài hiên giấc nồng,
Kinh hành - bước bước - sắc không.
Biển xanh an tịnh, xuôi dòng chân tâm
Hạ vun giới đức trời mầm
Đề mai trao hạt nắng xuân cho đời
Tháng ngày hạ đến đầy vơi
Niệm kinh gõ nhịp - xanh lời Như Lai.

Theo mẹ lễ chùa

TK VY TIẾU

Theo mẹ em đi lễ chùa,
Sáng rằm trong mùa Phật đản,
Mặt trời đầu ngày quang rạng,
Ân Phật đơm nhuần móc mưa

Chùm hoa em cầm trên tay,
Phe phẩy gió lay nhẹ nhẹ,
Em niệm hồng ân khe khẽ
Chuông trầm theo gió bay bay.

Chắp tay con thắm khấn nguyện,
Đức từ châu biến ngàn phương,
Ân Phật vô biên vô lượng,
Nguyện nương ánh đạo Chơn thường.

Đến chùa mừng Phật đản sanh,
Ngàn chim trên cành ca hót,
Lời như Ca-lăng mật ngọt,
Rộn vui trong gió hiên lành.

Lên chùa em mặc áo lam,
Lòng rộn ràng vui ngày mới,
Tháng Tư trời cao vời vợi,
Phật về thế giới sang trang.

Theo mẹ đến chùa nghe kinh,
Chuông thiền ngân câu giải thoát,
Khánh đản trầm hương ngào ngạt.
Em mơ bóng Phật an bình!!



Tâm vô định

TRÀ KIM LONG

Trong tôi nửa Phật nửa ma,
Nửa chân thánh thiện, nửa là súc sinh
Nửa giác ngộ, nửa vô minh
Đục trong không thể tách mình làm đôi.

Còn mang thân đứng giữa đời
Còn tâm tục tử chưa rời lục căn
Quanh co muôn sự bất bằng
Như là thiên võng, xích thẳng buộc chân.

Tôi đem tôi bắt đồng cân
Thiên thần, ngạ quỷ ngang phần như nhau
Về chùa thụ hưởng tương rau
Ra đường thụ hưởng sắc màu trần gian.

Tự mình chưa hết hoang mang
Đàng lên đàng xuống biết đàng nào hơn?
Từ trong góc ngách tâm hồn
Vô tư chẳng thấp, giận hờn cũng cao!

Tôi đi tôi đứng chỗ nào?
Xung quanh đầy cứng tiếng vào lời ra.
Thân trần đi giữa đường tà
Quay nhìn lại thấy Phật-đà bên trong.

Khánh đản

PHẠM THỊ THANH VÂN

Chiều nghe chuông chùa vọng
Âm tiếng mưa âm thầm
Đất với trời lồng lộng
Chập chùng bóng hư không

Thắp nén hương lay Phật
Cúi đầu nghe rưng rưng
Áo pháp vàng hoa cúc
Nhớ Người đến vô cùng

Tháng Tư mùa Khánh đản
Cỏ mướt xanh trong vườn
Chồi non vừa nhú lá
Mạch đạo đời viên dung

Trời hân hoan sắc nắng
Đón đợi ngày vui chung
Thế nhân lên tiếng hát
Nhã nhạc bừng không trung

Tháng Tư mùa Khánh đản
Chúng con về chùa xưa
Ấm tình đời nghĩa đạo
Vui như chưa bao giờ.

Gặp hoa màn màn

LÊ ĐỨC ĐỒNG

Gặp hoa màn màn (*)
nơi miền quê Nam Bộ
Màu hoa vàng gọi ta về tuổi nhỏ
Hoa nở đầy dọc lối sông quê...

Trường học bên kia
Ngày hai buổi đi về
Con đò nhỏ giữa dòng sông nước biếc
Nhắm bài học, chân bước đều mãi miết
Chợt hương nồng rạo rức đầu đây
Màn màn nở hoa, hương ướp mái tóc dài
Gió rớt mặt cho đất trời sóng sánh...

Nơi cuối trời rực vàng màu nắng
Ta trở về thuở tuổi nhỏ thân tiên
Ngóng mây trôi trắng xóa mọi miền
Màn màn nở, đưa mùi hương dịu dịu...

Sống xa quê, lòng mình như vẫn thiếu
Màu hoa vàng rù bướm đến vờn quanh
Lối nhỏ quê nhà, một mái nhà tranh
Mà thơm thảo tình người qua mưa nắng...

Hoa màn màn nở giữa miền yên ắng
Toả hương thơm cho đất cho trời
Ta gặp hoa ngổ gặp con người
Biết thâm lặng
Dâng ngọt lành nỗi nhớ.

(*) Màn màn: loài hoa dại, đầu thu nở hoa rất thơm...

Bâng khuâng phượng hồng

PHAN THÀNH MINH

Cành phượng hồng treo lơ lửng tiếng ve
Sân ngọc trầm tư lặng lẽ tóc nguyệt
Trang lưu bút bâng khuâng nét mực
Len lén trao lời ánh mắt bớt hồn nhiên

Tháng sáu rộn ràng trên má môi duyên
Góc phượng hồng yêu dòng tên không nắn nót
Tiếng ve vô tâm vô tư nhảy nhót
Nhớ thương ơi đang rượt đuổi phượng nào

Bài học cuối cùng ăm ắp nôn nao
Góc vở cuốn cờ lem nhem tâm sự
Điểm số khoanh tròn buồn vui quá khứ
Thương giận nén dồn giọt nước mắt trong veo

Con chữ yếu mềm không chỡ nổi lời yêu
Nhặt xác phượng rơi ép vào lặng lẽ
Câu thơ rồi bởi bao câu chuyện kể
Khép mở cổng trường cho thương nhớ đi qua

Rưng rức phượng hồng
Rưng rưng chia xa
Bàn ghế ngủ quên sau mùa sum họp
Ngọn gió tri âm giận ngoài cửa lớp
Biết nói gì thêm hồi tháng Sáu ơi

Văng vẳng mùa thi
Hy vọng gọi mời
Tạm biệt nhé sân trường thương nhớ
Tuổi thơ trải hồng trên từng trang vở
Thương giận nén dồn trong xác phượng tàn rơi.



Cuối cùng là màu trắng

HÒ TRUNG LIÊN

Chiếc giường có nhiều thanh gỗ nép ở các đầu nối, người vợ ngồi trên đó. Tôi nhìn rõ từng nếp nhăn khô quắt trên khuôn mặt chị. Mâm cơm đặt giữa nhà. Chị chưa ăn. Có ăn cũng không nuốt nổi. Dưới trăng, chị đợi chồng, người đang cùng bè bạn vây quanh bàn nhậu, để dẫn thêm một bước về phía cánh cửa màu đỏ.

Chuyện năm năm về trước:

Anh đau. Nhà có bãi gạch, mỗi ngày riêng anh có thể đúc tới hơn trăm viên. Làm việc nặng đau là thường, chắc xoa dầu gió là ổn. Nhưng, sau tuần rượu với mấy người thợ, đêm ấy anh ôm bụng quặn quại trên giường.

Đến phòng mạch tư, người ta khẳng định anh bị ruột thừa. Phải kiêng việc nặng. Vậy là bãi gạch của anh vắng chủ, chỉ có người làm công. Sau hai ngày uống thuốc, anh phải trắng đêm với cơn đau cuộn lên dữ dội. Vợ con chờ anh lên viện. Bệnh án ghi: "Ruột thừa". Mổ gấp!

Để gom được số tiền bệnh viện định giá, anh chị phải đóng gấn hai vạn viên gạch. Bác sĩ bảo mổ khoảng tiếng là xong. Cả nhà không ai ngồi được. Đồng hồ báo hai tiếng rưỡi, cửa phòng mổ vẫn kín mít, chút khe hở lùa ra hơi lạnh dễ sợ. Mãi. Một ông bác sĩ bước ra. Chị mặt cắt không ra máu. "Ai là người nhà bệnh nhân?". "Dạ, tui là vợ anh". Bác sĩ về hỏi lỗi: "Thưa chị, khi chúng tôi mổ cho anh mới phát hiện... anh nhà không bị ruột thừa". "Trời!". Chị như không còn kêu lên được. "Anh nhà u đại tràng! Phải... mổ lại".

Không đủ tỉnh táo trách móc, chị "trăm lạy nhờ bác sĩ", rồi giục con về gom tiền. Chúng kéo chị ra phía hành lang. "Cái này do bệnh viện. Chụp phim, bệnh án ghi rồi, giấy trắng mực đen còn đó. Giờ mổ lại ai chịu?". Chị lạy cả con mình: "Cha đang nằm trên bàn mổ chết sống chưa biết con ơi...".

Chị lắc đầu với tôi, nói chậm, như không muốn xoáy vào đoạn kết: "Mấy đứa con, họ hàng làng xóm trách chị sao không đâm đơn lên giám đốc bệnh viện. Nhưng anh không cho, nói: Người ta lỡ rồi...".

Đường mổ vừa vạch ra... Cũng không thể chờ vết mổ kia lành lặn, dao lại lạnh lùng xẻ vào thịt da anh.

Nhìn từ khe cửa kính, chị thấy ruột anh đẩy máu me... Chị bỏ chạy, thẳng về ngôi nhà phía trước mặt có nhiều ngôi mộ.

Hai mươi ngày anh nằm trên giường bệnh có trải tấm vải trắng toát. Bác sĩ cắt đoạn ruột khá dài; đồng nghĩa với việc tuổi thọ của anh phải rút lại, rất ngắn.

Con người với dáng đi khập khuỵu, ngừng ngừng, chuyên đời mặc quần đùi, ở trần và thỉnh thoảng phết tay vào bụng; cùng với điệu cười giòn, tôi không tin ông đang bước dần vào sương khói...

"Bác sĩ khuyên anh kiêng cử, nhất là bia rượu. Nhưng anh bảo, để tao vui với bạn bè chút... Anh vui thật. Nhưng chị lo lắm. Làng xóm ai cũng hùa, bảo ngó anh khỏe mạnh vậy, lo chi dữ! Sao không lo được. Bác sĩ của bệnh viện lớn, người ta ăn hết cơm gạo rồi mà nói sai".

"Bác sĩ nói sao chị?".

"Ngày ra viện họ mới cho chị biết: nếu anh cự tuyệt bia rượu... cũng chỉ sống được dăm sáu năm!".

Tính từ thời điểm anh nhập viện, vậy là còn... có thể một năm, có thể mấy tháng.

"Nhiều người thấy chị hay tìm anh cứ nhăn nhó trách móc".

Ờ, thông cảm! Người ta quên anh với hai vết mổ. Vết mổ cũ, bác sĩ rút ống thông ruột lúc thịt non đã bám... Đau! Anh gồng lên khiến đường khâu ở vết thương bung ra phun máu! Chị lại một lần nữa chạy về với những ngôi mộ trước mặt nhà, uy nghiêm, sừng sững.

Nhập vào bàn rượu không ai kể lễ bệnh tình, không ai được phép tính ngày giờ tồn tại. Uống rượu là chuyển viên du vào không gian ảo. Y không được sống với hiện tại, ngoại trừ vợ, người thân - những người không thể nhường bớt thời gian cho y.

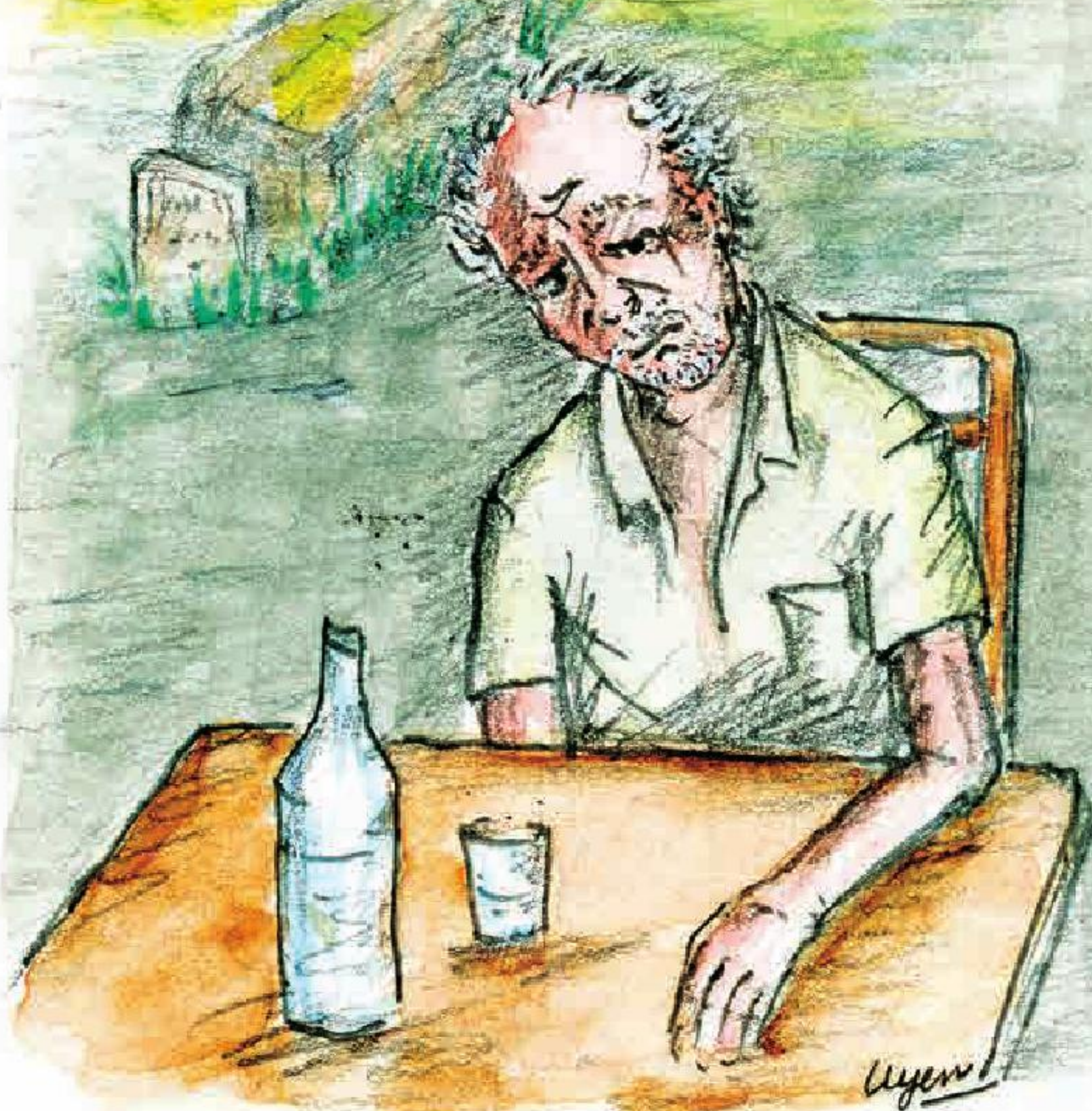
Chị đã khóc. Dưới trăng, nước mắt chị như sương u huyền rồi thành vệt dài óng ánh.

Tôi quay mặt, nhìn vào ngôi nhà trệt. Mấy đứa cháu ngủ lăn giữa nền, ánh điện vàng quạch. Những đứa cháu chưa bao giờ bị ông đánh; chưa bao giờ ông của chúng nạt nộ. Dưới ánh trăng mờ màng, đầu đó, chúng vẫn thường trèo lên từng ngôi mộ chơi trốn tìm. Chúng không nghĩ nhiều lắm đến ma cũng như ai đó sắp thành ma... Chúng yên giấc tuổi thơ trong khi ông của chúng thăm lạng mà đau; và chị thất ruột trong bóng tối miên man.

Phận người không thể tính bằng thời gian chống trên những lông tay. Nút thắt phận người định sẵn trên sợi dây vô hình giăng qua thềm Cực lạc.

Mỗi sáng mở mắt, chị xuống ngay bãi gạch... Chị sợ tới nơi, lúc sương mù còn giăng... phủ lên một xác chết!

Thường đêm anh nằm một mình trong gian nhà trệt giữa bãi gạch. Vẫn cái dáng ấy: khập khuỵu, ngừng



ngảng, chuyên đời ở trần và thỉnh thoảng... phét tay vào bụng. Mỗi ngày, quãng đường chỉ vài trăm mét từ nhà đến bãi anh đi về không biết bao bận. Đêm nay tôi cũng trên quãng đường ngắn ấy đến với anh.

Tôi gọi anh bằng ông, không vì anh chị đã có cháu nội, cũng không phải anh sắp đi hết vòng đời theo quy luật sinh-lão-bệnh... Ông nằm trên chiếc giường đặt ở hiên, không mừng mản. Thẳng cẳng! Có thể chưa ngủ. Tôi gọi. "Xác chết" dựng dậy: "A! Đến chơi à?". Tôi giật thót. Té ra ông còn... Ông cười khà, đánh phét tay vào vết mổ rồi bước vào phía trong mang ra cốc nước pha ánh trắng vàng nhạt.

"Ta làm vài ly hê".

Tôi nhớ đến khuôn mặt chị...

Tôi bắt đầu câu chuyện với ông về những ngôi mộ nằm rải rác trong các khu vườn. Xa hơn, phía sau chốn thường đêm ông ngủ, mệnh mang là mộ rở ràng dưới trăng.

Ông nâng rượu. Tôi cung kính ông một ly nhỏ, sánh trắng. Ngoài kia những ngọn gió từ muôn kiếp trùng dương chợt lửa về giữa biển sương vàng xuộm. Mấy mươi ngàn ngôi mộ âm khí bốc ngùn ngụt. Tôi lại nghĩ về chị. Về một kiếp sống lắt lay trong trăm luân bể khổ. Hẳn đến mai sau, lúc chị đã không còn tồn tại trên cõi này nữa, tôi vẫn bị ám ảnh bởi dáng chị bó gối ngồi trên chiếc giường cũ nhìn ra những ngôi mộ trước hiên nhà.

* * *

Rằm tháng Bảy trăng sáng lạnh lùng. Ánh trăng dẫm ướt phủ lên vùng quê còn nhiều lùm cây rậm rịt. Tôi đến ngụ cư nơi này cũng hơn mười năm. Quen ông dẫu ít ngồi trò chuyện. Tôi hiểu ông quá ít... Hôm nay cũng là một đêm trăng sáng, sau một năm, trên nấm mồ của ông đã vươn lên thật nhiều những ngọn cỏ. Tôi mang theo chai rượu ngon đến mời. Cái đêm năm trước ấy, nếu

gia đình chị biết tôi có mời ông uống rượu (dầu là rượu thuốc thượng hạng), và nửa đêm ông đã thực hành giấc ngủ ngàn thu, hẳn tôi sẽ ân hận lắm. Đêm nay thì tôi có thể công khai nâng rượu cùng ông. Tôi tưới rượu lên mộ ông, đầm bia mộ. Tôi cụng ly vào dòng tên ông và uống. Ánh trăng soi rõ từng chi tiết chạm khắc khuôn mặt ông. Thứ ánh sáng tinh khiết huyền ảo và dường như có cả mùi hương nồng nã. Tôi còn nợ ông một lời hứa.

Ông khen rượu ngon. Tôi bảo rượu ngâm nấm linh chi đậm đặc đó. Ông nhấp thêm nửa ly, gật gù. Ông hỏi chết đi có thật theo được Phật lên cõi Cực lạc? Mình có thăng câu thang trước đưa về một số đĩa giảng pháp, có mấy cái dành cho người sắp lâm chung. Ý nó muốn mình xem những đĩa đó lại giả bộ mua lẫn lộn vào nhiều đĩa hát hò vui tươi. Ở nhà mình thử mở xem, mới hay tội lỗi tích từ nhỏ giờ quá lớn. Đâu biết. Mình tin nhân quả. Nên sợ...

Tôi im lặng quan sát ông. Đúng là tôi biết ông quá ít. Ông lại bảo sống như chú khó quá. Hành theo Phật khó quá. Mẫu mực khuôn phép quá mình không theo nổi, nhưng mình vẫn muốn như vậy, tiếc là muộn rồi... Hồi còn thanh niên chưa vợ, vườn mình cây cối hoang vu mỗ mả dày đặc. Có một ngôi mộ to đùng, đen sì. Mộ cổ. Ngày ấy đây đó vẫn dấy lên những vụ đào mộ lấy của. Mình cũng liều. Giả bộ bảo dời mộ lên chỗ cao ráo sạch sẽ hơn. Người ta vẫn biết mình âm mưu tìm vàng. Mà có vàng thật...

Trăng dát vàng mệnh mang lên ngôi mộ cổ to đùng trước mặt nhà chị. Nhuộm màu tâm linh. Con người đang sống đã thêu dệt nên nỗi kinh hoàng từ những ngôi mộ. Từ hồi gia đình chị tới ngụ nơi đây chưa hề thấy một hiện tượng ma quái. Mộ, ở đây là chốn thiêng huyền diệu, là những ông già trường cửu nhìn dòng người ưu tư qua màn hư ảnh. Những ngôi mộ trước mặt nhà chị, dưới trăng, khiến mắt tôi dịu lại.

Tôi lại nhìn ông qua ánh trăng đặc sánh trong ly rượu. Khuôn mặt ông bình thản lạ lùng. Mình đào hố dưới bàn thờ cất vàng rồi làm lại nền nhà. Không ai biết. Tính đời mười năm mới đưa ra dùng. Nhưng cuộc sống ổn định dần, con cái sớm có công ăn việc làm, đứa nào cũng giàu có. Chỗ vàng chôn giấu còn nguyên dưới nền nhà, dưới bàn thờ Đức Quán Thế Âm. Định bụng đưa ra một bất ngờ lớn nhất cho gia đình. Bây giờ nghe Phật pháp, biết nghiệp quả nặng hơn núi, mình tính...

Đó là những phút giây đặc tả con người ông. Những phút giây được chất lọc qua bao thăng trầm cuộc đời một người đàn ông sớm bất lực trước thời gian. Tôi cũng không thể ngờ cuộc sống vốn bình lặng của mình lại lọt vào tầm mắt ông một cách chi tiết. Quá hiểu tôi, hơn cả những đứa con ruột rà; ông đã gieo một hạt giống thiện lành và nhờ tôi săn sóc để nó có cơ hội nhú khỏi mặt đất đón ánh nắng mặt trời. Tôi rót thêm một ly và cụng vào bia mộ. Ông không biết nhờ ai mới đặt niềm tin vào tôi. Thực tình quá khó. Tôi biết về chị và những đứa con của ông, đều là những người mê tiền bạc. Một số vàng lớn như vậy, trong mắt họ tờ di chúc của ông chắc không nhiều giá trị. Họ tốt, nhưng để

chị ra vài đồng từ thiện quả khó. Vô tình tôi từng thấy chị từ chối mua những búp hương do ni sư của chùa mang đến mời. Hình ảnh đó khiến tôi như có lỗi với chị. Giá tôi không nhìn thấy cảnh ấy để hình ảnh của chị tròn đầy... Nhưng rồi nó cũng được xóa nhòa từ ngày ông lâm trọng bệnh. Cái dáng ngồi trên chiếc giường một nhìn ra những ngôi mộ hoang dưới trăng có sức hút ma mị. Một dáng hình được tạc vào sâu thẳm cõi hồn tôi một cách lặng lẽ và, đau đớn!

Ông ra đi quá đột ngột. Tôi và ông lẽ ra cần nhiều thời gian hơn nữa để vạch phương án khả thi nhất cho việc dùng trọn số tiền đó làm từ thiện.

Mỗi buổi đi làm về tôi đều ngó vào nhà ông, nhìn cái tủ thờ phía trên là tượng Quán Thế Âm với nụ cười đầy bao dung. Và tôi có nhìn xuống nền nhà dưới cái tủ thờ, phía dưới là một gia tài lớn ngoài sức tưởng tượng. Nhiều lúc tôi cảm thấy bất lực khi nhìn vào ngôi nhà của ông. Sao ông không trao trách nhiệm đó cho chị và những đứa con? Mỗi đêm bước dạo quanh xóm tôi thường thấy chị ngồi trên chiếc giường cũ ấy nhìn về phía những ngôi mộ hoang. Tôi muốn tới bên, ngồi xuống và nhẹ nhàng nói về nguyện ước lớn nhất trong đời ông, để ông bớt nghiệp lực siêu thăng lên cõi lành. Đã có lần ngồi bên chị, đã định vào đề rồi cuộc tôi lại nhìn trăng rồi lặng lẽ ra về. Thoáng nghĩ đến viễn cảnh mua lại ngôi nhà của ông, hơi ôi, có lẽ đến cuối đời tôi cũng chưa đủ tiền.

Tôi đang dần quen với cuộc sống nơi đây. Một vùng đất mà trong vườn ai cũng có mộ phần. Tôi cũng đã làm bạn được với những linh hồn, có lẽ. Những đêm khuya trăng ứa tràn mặt đất, tôi vẫn dạo quanh xóm, quanh những ngôi mộ thấp thoáng soi mình vào khoảng không vô tận miên man nghĩ về lớp thời gian đang lạnh lùng nhuộm trắng mái tóc xanh. Và rồi... Một hôm tôi đi làm về, thấy trong nhà ông đông đúc lạ. Tôi tạt ngay vào xem. Trời! Tôi nghĩ mình sẽ thốt gọi tên ông. Người ta đang đào dưới bàn thờ!

Sự việc khởi nguồn từ việc chị nhập viện. Tốn tiền lại không nhiều hy vọng, mấy đứa con cả tin đi xem bói. Thấy phán dưới bàn thờ có hài cốt... Ngay chiều đó những người chuyên bốc mộ được thuê về. Sâu khoảng nửa mét, lộ ra một cái tiểu sành, cho thấy đây đã là "mộ" cải táng. Cái tiểu sành nắp được gắn chặt bởi xi măng. Mắt tôi căng lên, hồi hộp. Muốn lập tức truyền lại di ngôn của ông, bỗng run sợ điều gì bất ổn... May thay, người ta thống nhất để nguyên như vậy, bọc lại trong một tấm vải đỏ và đưa thẳng ra đổi cất cho nó một ngôi mộ mới.

Đêm ấy tôi đặt bàn giữa sân pha trà một mình nhâm nhi. Ngược nhìn vầng trăng u ám. Ông còn ngoài mộ hay đã siêu thăng lên cõi thánh? Hay ông đang quanh quẩn bên tôi, nhét vào đầu tôi cái ý nghĩ: hãy phát tâm cúng cho "nó" một tấm bia, lấy họ gì cũng được nhưng tên phải là Vàng, Nguyễn Thị Vàng chẳng hạn. Tôi cười mĩa: Nguyễn Thị Hư Danh chứ. Ông bỏ đi, chân giẫm lên bóng mình. Ánh trăng nhợt nhạt khiến cái bóng ấy liêu xiêu mờ nhòa, rồi tan vào sương lạnh. ■

Lời cảm ơn cuộc sống

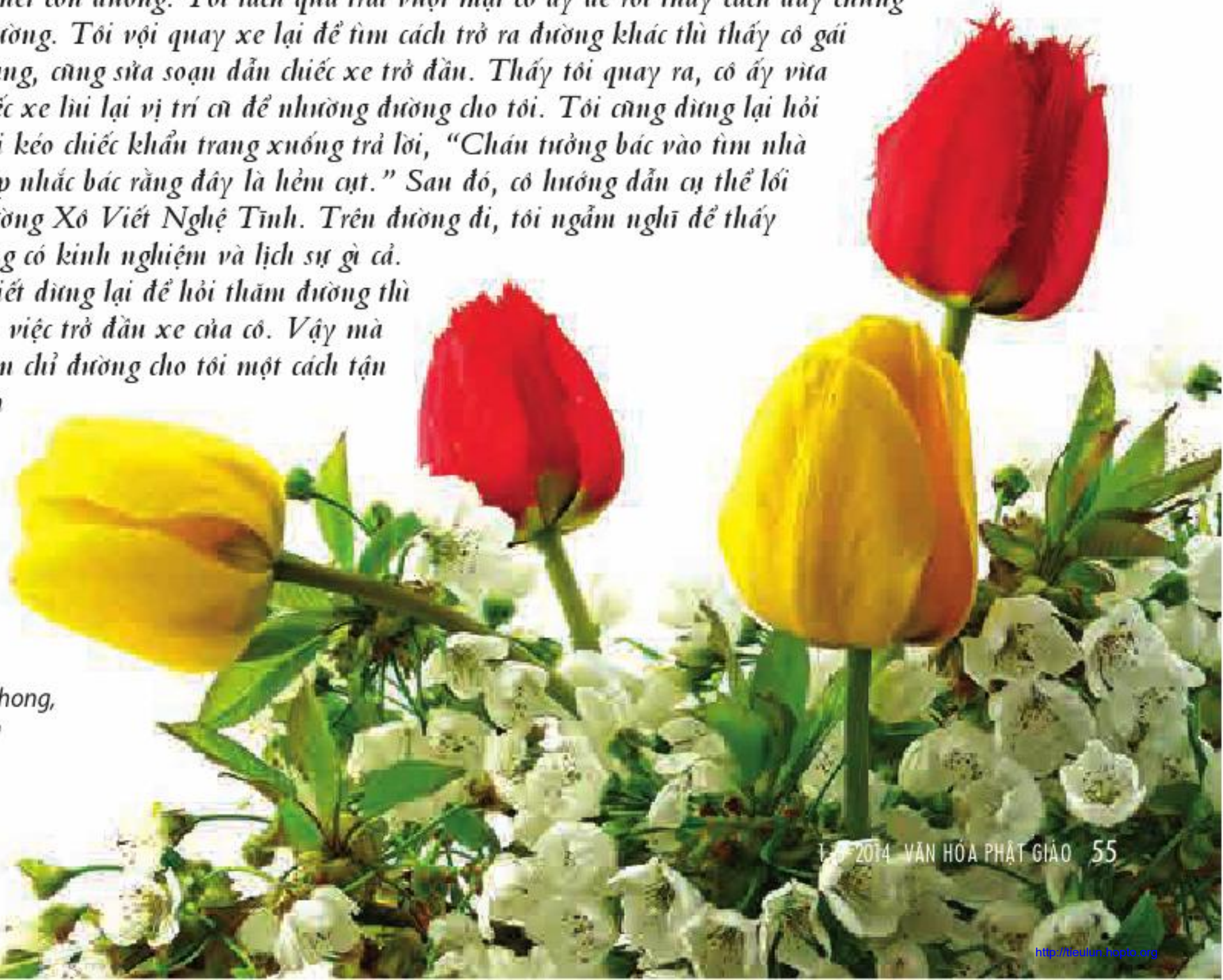
Tên chuyến tàu trở lại Sài Gòn để đón xe về Cần Thơ sau chuyến thăm quê ở Ninh Bình, tôi có dịp trò chuyện với mấy người nước ngoài đi du lịch, lên tàu ở ga Huế. Họ gồm một người đàn ông lớn tuổi và hai thanh niên một nam một nữ, ngồi cùng hàng ghế với tôi. Sau khi bỏ hành lý lên kệ, người đàn ông nhìn tôi gật đầu chào rồi vào ngồi cạnh chỗ tôi; thấy vậy, tôi chào ông ta bằng tiếng Anh. Thế là ông ấy bắt chuyện, và cũng may, ông ấy nói chậm nên tôi có thể hiểu và trả lời được, vì tôi từng dạy Anh văn từ những năm 60 thế kỷ trước. Ông tự giới thiệu là quán quân đã giải ngữ, đi du lịch với con gái và bạn của con. Thù ra, ông cũng đã bảy mươi tuổi, bằng tuổi tôi, nhưng trông nhanh nhẹn và đầy sức sống. Trong lúc trò chuyện, ông khoe đã gặp được nhiều người Việt rất thân thiện, ông khen đất nước Việt Nam rất đẹp, lại cho rằng nếu có điều kiện thì người Việt Nam cũng rất chân thành và hiếu khách. Khi nhân viên trên tàu bán suất ăn trưa, ông ta quay qua ngỏ ý mời tôi xuống căng-tin; tôi nhã nhặn từ chối và mua một suất cho mình. Nhìn tôi lấy tiền trả, ông hỏi lương hưu của tôi là bao nhiêu. Nghe tôi trả lời trên ba triệu, ông hóm hỉnh bảo đại ý tôi cũng là triệu phú rồi đấy, nhưng lại nhận xét một suất ăn đã là ba chục ngàn! Lúc tàu về tới ga Saigon, ông nhanh nhẹn lấy hành lý của mình khoác trên vai, rồi bảo người bạn của cô con gái giúp tôi lấy hành lý của tôi xuống, còn phụ khiêng ra đến tận bên ngoài, mặc dù họ cũng mỗi người một chiếc ba-lô to tướng. Chia tay nhau ở ga Hòa Hưng, tôi thật sự xúc động về cách hành xử của mấy người nước ngoài ấy. Họ thật lịch lãm và có cái nhìn bao dung. Thấy tôi nhỏ con ốm yếu đi một mình và cũng già rồi, họ sẵn sàng giúp đỡ. Xin cảm ơn phong cách hào hiệp của những người bạn đường hôm ấy, đã cho tôi biết rằng con người, dù thuộc dân tộc nào, ai cũng có lòng nghĩ đến người khác, sẵn sàng giúp đỡ người đơn chiếc không phân biệt.

Đình Viết Chung, Phong Điền, Cần Thơ

Hôm ấy là một buổi chiều thứ Bảy. Tôi chạy xe vào một con hẻm ở đường Đinh Bộ Lĩnh để tìm lối qua đường Xô Viết Nghệ Tĩnh với ý định sang Thanh Đa. Đã lần không đi qua đoạn đường này nên tôi thấy lạ. Ở một ngã ba, tôi phân vân không biết nên quẹo phải hay quẹo trái và cuối cùng tôi quyết định quẹo phải. Con hẻm nhỏ chỉ đủ hai xe tránh nhau. Hai bên con hẻm, nhà nào nhà ấy đóng cửa im ỉm. Đi được hơn năm chục thước thì tôi thấy có một cô gái đang dẫn chiếc xe Attila choán gần hết con đường. Tôi lách qua trái vượt mặt cô ấy để rồi thấy cách đấy chừng hai chục mét nữa là cụt đường. Tôi vội quay xe lại để tìm cách trở ra đường khác thì thấy cô gái ban nãy, mặt bịt khẩu trang, cũng sửa soạn dẫn chiếc xe trở đầu. Thấy tôi quay ra, cô ấy vội gạt đầu chào, vội dắt chiếc xe lùi lại vị trí cũ để nhường đường cho tôi. Tôi cũng dừng lại hỏi đường. Bấy giờ cô gái mới kéo chiếc khẩu trang xuống trả lời, "Cháu tưởng bác vào tìm nhà ai cuối hẻm nên không kịp nhắc bác rằng đây là hẻm cụt." Sau đó, cô hướng dẫn cụ thể lối đi để tôi có thể ra được đường Xô Viết Nghệ Tĩnh. Trên đường đi, tôi ngẫm nghĩ để thấy mình đã lớn tuổi mà chẳng có kinh nghiệm và lịch sự gì cả. Nếu lúc thấy cô gái, tôi biết dừng lại để hỏi thăm đường thì đã không gây trở ngại cho việc trở đầu xe của cô. Vậy mà sau đó cô ấy vẫn nhã nhặn chỉ đường cho tôi một cách tận tình. Tôi thuật lại chuyện này để cảm ơn cô gái chỉ đường cho tôi hôm ấy về lòng tốt và sự tử tế của cô, nhưng cũng để tự nhắc mình phải tinh tế hơn trong lúc đi đường.

Phạm Hữu Tài,

đường Lâm Văn Bền, Tân Phong,
quận Bảy, TP.HCM



KHAI TRƯƠNG VÀO 25 - 04 - 2014

Opening on

April 25th, 2014

- Khám sức khỏe tổng quát
- Nhi khoa
- Nội đa khoa
- Nội tiêu hóa
- Tai mũi họng
- Phụ khoa
- Theo dõi tiến sản
- Chẩn đoán hình ảnh & xét nghiệm
- General health check
- Pediatrics
- General practice
- Digestive endoscopy
- ENT
- Gynaecology
- Prenatal care
- Imaging services & Laboratory tests

Phòng khám Đa khoa Quốc tế Vinmec - Đồng Khởi

Địa chỉ: 10001, 0101 & 0102, Vinmec Center Đồng Khởi
 0101: 10001, 0101 & 0102, Vinmec Center Đồng Khởi
 0102: 10001, 0101 & 0102, Vinmec Center Đồng Khởi
 0103: 10001, 0101 & 0102, Vinmec Center Đồng Khởi

Vinmec International Clinic - Dong Khoi

Address: 10001, 0101 & 0102, Vinmec Center Dong Khoi
 0101: 10001, 0101 & 0102, Vinmec Center Dong Khoi
 0102: 10001, 0101 & 0102, Vinmec Center Dong Khoi
 0103: 10001, 0101 & 0102, Vinmec Center Dong Khoi



Caà baô tòa NỀN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ TRONG THIỀN ĐƯỜNG

HT.THÍCH MINH CHÁNH

Thiền chủ

HT.THÍCH HUỆ CHÍ

Phó Thiền chủ Trường hạ Tổ đình Long Thiên - điểm An cư
của chư Tăng do BTS GHPGVN tỉnh Đồng Nai tổ chức

Bảo tồn văn hóa là bảo tồn dân tộc tính. Vì văn hóa gắn liền với dân tộc, văn hóa còn là dân tộc còn và ngược lại. Do đó bảo vệ sự tồn tại và phát huy của nền văn hóa, tất nhiên là bảo vệ dân tộc. Văn hóa có hai loại: văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể, mỗi dân tộc của mỗi nước có nét đặc trưng riêng. Ở đây không đề cập đến nền văn hóa vật thể hay phi vật thể của loại hình hoạt động khác... kể cả nghi lễ Phật giáo, như những nghi thức cúng Ngọ, khai kinh, v.v... Và những điệu tán Tứ cú, tán Dẫn, tán Thiền, tán Sóc v.v. mà chỉ trình bày một nét đặc thù duy nhất trong Nghi thức Thiền đường là được áp dụng của trường hạ xưa tại vùng đất miền Đông Nam Bộ.

Nghi thức thiền đường là dành cho các hành giả tập trung cảm tức an cư suốt ba tháng (từ ngày 16 tháng 4 đến 16 tháng 7 ÂL) tại một ngôi tự viện lớn, gọi là Trường hạ hay còn gọi là Trường hương. Trước khi nhập Hạ (vào trường hạ) hành giả phải chuẩn bị một số kiến thức cơ bản Nghi thức Thiền đường này, gồm có:

+ Phần Giới luật thiền đường, gồm có 5 bản thanh quy:

1. **Tần quy** (Thiền đường Tần quy): Bảng Thanh quy này gồm có 22 điều, nếu chúng trong Thiền đường ai phạm phải 01 trong 22 điều này là sẽ bị đuổi ra khỏi trường hạ.

2. **Bất cộng trụ quy** (Thiền đường bất cộng trụ quy): Bảng Thanh quy này gồm 20 điều, nếu ai phạm 01 trong 20 điều này là phạt cho ở riêng, không được ở trong chúng.

3. **Phạt quy** (Khinh phạt Thanh quy: Thanh quy phạt nhẹ): Bảng Thanh quy này gồm có 30 điều, nếu ai phạm 01 trong 30 điều này là phạt quỳ hương (quỳ nhang) từ 01 đến 21 cây hương.

4. **Quy ước** (Tịnh nghiệp đạo tràng quy ước hay gọi là Bất tương Thanh quy): Bảng Thanh quy này có 32 điều khuyên can các vị tiểu phước huệ nên học để lánh chừa những điều không tốt cho mình, như điều thứ 14 dạy: “Tuổi còn trẻ mà làm Trụ trì, Giảng sư, Pháp sư hoặc Chánh tọa thí thực (ngồi giàn)...v.v..”

5. **Linh hối Thanh quy:** Bảng Thanh quy này có 10 điều quy định tội, người

phạm phải sai lầm phải sám hối, nếu còn tái phạm là quỳ hương.

+ Phần Nghi thức Thiền đường: Gồm có lạy trước khi ngồi thiền, chúc Hộ Pháp hằng đêm và 31 lạy thù ân, lạy thập sư, sau mỗi khuya đại chúng Bồ tát, nhất là một lễ thứ 31 là đại chúng đối diện lạy với nhau để xin lỗi và sám hối trong nửa tháng có những lỗi lầm tha thứ cho nhau... Ngoài ra còn có nghi Chúc Thánh (Chúc tán). Tất cả các bài chúc là mang nội dung chúc cho những vị lãnh tụ đất nước, cầu nguyện quốc thái dân an, âm siêu dương thanh và Phật nhật tăng huy... Tóm lại, Phật giáo mọi sinh hoạt đều mang tinh thần “Hộ quốc dân an” và cầu nguyện Phật pháp được trường tồn.

+ Phần hình thức: Mặt này rất nhiều khê, như hình thức trao bê bài, chuyển trống và đi kinh hành niệm Phật hằng đêm sau khi xả thiền... Ngoài ra còn vai trò Thiền Chủ, Chủ Hương... Chánh na, Chánh chúng... và trách nhiệm của Trị nhật, Giám hương, Tuần hương và Tán hương...

Đây là loại văn hóa nghệ thuật phi vật thể nơi tự viện xưa thường áp dụng. Tuy ngày nay điều kiện xã hội hóa, cái cách hiện đại phù hợp với xu thế phát triển kinh tế xã hội, cái gì cũng nhanh, gọn, đơn giản, v.v... nhưng về mặt loại hình văn hóa này không thể cho là rườm rà mà để ngày nào đó bị mai một. Vì vậy, hằng năm Ban Trị sự chọn Tổ đình Long Thiên kiến khai Tịnh nghiệp đạo tràng trụ điểm Tăng; nhằm để khôi phục dần dần loại hình nghệ thuật văn hóa này. Đặc biệt, mùa Hạ năm 2013 đã khôi phục được khá nhiều nghi thức xưa. Mong rằng năm nay (2014), chư tôn đức Thường trực BTS GHPGVN tỉnh tạo điều kiện thuận duyên hơn, để chúng tôi có cơ hội duy trì và phát huy loại hình này, vừa là phù hợp với sự phát triển hiện đại; vừa là giữ được bản sắc truyền thống độc đáo của các trường hương (trường hạ) xưa không để bị mai một.

Tóm lại, chúng ta là người Việt Nam cần phải duy trì di sản nền văn hóa truyền thống mà ông cha để lại. Dù biết rằng, tu Phật thì phải phá tướng nhưng chữ “Phá” là đừng chấp tướng, chứ không phải không dùng tướng. Xây một ngôi chùa, dựng một bảng hiệu cũng là hình tướng. Điều quan trọng là chúng ta biết dung thông để phương tiện hướng dẫn mọi người đạt đến cứu cánh giải thoát. Vì thế không nên dùng hình thức này, bác đi hình thức khác mà phải cố gắng nghiên cứu để duy trì và phát huy truyền thống lâu đời của chư Tổ để hành trì cho đúng.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM TỈNH PHÚ THỌ CÁC HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ TRỌNG TÂM NĂM 2014



Phái đoàn lãnh đạo tỉnh Phú Thọ do ông Hà Kế San, UVBTV Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm trưởng đoàn, kính viếng



Phái đoàn Ban Tôn giáo tỉnh do ông Nguyễn Xuân Các, Trưởng ban Tôn giáo làm trưởng đoàn, kính viếng

Năm 2014 là năm thứ 2 của nhiệm kỳ IV (2012 - 2017) GHPGVN tỉnh Phú Thọ. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thường trực Ban Trị sự, sự tinh tiến của Tăng Ni - Phật tử trong toàn tỉnh và sự quan tâm giúp đỡ kịp thời của các cấp chính quyền tỉnh Phú Thọ, năm 2014, GHPGVN tỉnh Phú Thọ đã có kế hoạch và đã thực hiện được một số công việc Phật sự trọng tâm sau:

1. Công tác Từ thiện xã hội

Phát huy tinh thần từ bi cứu khổ của đạo Phật và hưởng ứng lời kêu gọi “Tết vì người nghèo” do MTTQ và Hội Chữ thập đỏ tỉnh phát động, trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Ngọ - 2014, Tăng Ni - Phật tử trong toàn tỉnh đã tặng gần 2.000 suất quà cho các hộ nghèo, tổng trị giá hơn 600.000.000đ (sáu



Phái đoàn lãnh đạo TP. Việt Trì do ông Bùi Trọng Khải, UVBTW Thành ủy, Chủ tịch UBMTTQVN thành phố làm trưởng đoàn, kính viếng

trăm triệu).

2. Về công tác Nghi lễ

- Phụng hành Thông cáo đặc biệt của HĐTS GHPGVN về việc tổ chức Lễ Truy điệu Đại lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh - Đệ nhất Phó Pháp chủ, Chủ tịch HĐTS tân viên tịch.

Sáng ngày 3-4-2014 (4 tháng 3 Giáp Ngọ) tại trụ sở, chùa Thiên Long, phường Thanh Miếu, TP. Việt Trì, Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Phú Thọ đã long trọng tổ chức Lễ Truy điệu Đại lão HT Thích Trí Tịnh - Đệ nhất Phó Pháp chủ, Chủ tịch HĐTS GHPGVN, Phó Chủ tịch UBTW MTTQVN.

Về tham dự lễ truy điệu có đông đủ đại biểu Tăng Ni - Phật tử trong toàn tỉnh. Đại diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND, MTTQ, Ban Tôn giáo tỉnh, đại diện Ban Thường vụ Thành ủy, UBND, MTTQVN TP. Việt Trì.

- Đồng thời, ngày 8 tháng 3 Giáp Ngọ - Ban Thường trực GHPGVN tỉnh Phú Thọ đã tổ chức phiên họp đặc biệt để bàn về việc tổ chức Đại lễ Phật đản PL.2558. Toàn Ban đã thống nhất Phật giáo Phú Thọ phát tâm cúng dàng toàn bộ hoa trang trí tại Đại lễ Phật đản Liên Hợp Quốc VESAK 2014, tổ chức tại chùa Bái Đính - Ninh Bình. Tổ chức diễu hành xe hoa trên các trục đường chính tại TP. Việt Trì - Phú Thọ. Tổ chức lễ mít-tinh chào mừng Đại lễ Phật đản 2558 tại Nhà Văn hóa-Lao động tỉnh Phú Thọ.

3. Về công tác Tăng sự

- Tổ chức cho Tăng Ni trong toàn tỉnh An cư kết hạ tập trung tại chùa Bảo Ngạn, xã Sông Lô, TP. Việt Trì.

- Sau khi kết thúc khóa An cư, tổ chức Đại giới đàn Nguyệt Trĩ lần thứ III để trao truyền giới châu tuệ mệnh cho hàng hậu học.

4. Về công tác Hoằng pháp

Mở lớp Bồi dưỡng giáo lý dài hạn cho các Phật tử trong toàn tỉnh. Dự kiến khai giảng vào thượng tuần tháng 5 năm Giáp Ngọ - 2014.

VIÊN GIÁC THIỀN TỰ

“Điểm đến ấn tượng Việt Nam – 2013 & Điểm Du lịch Văn hóa tâm linh tiêu biểu”

Địa chỉ: xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

ĐT: 090 3952066

Website: www.viengiachientu.com.vn

Facebook: chuandevuong – vgth.thichgiachieu

KÍNH MỪNG ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN LHQ VESAK 2014 – PL.2558

Đón mừng Đại lễ Phật đản LHQ Vesak 2014-PL.2558, Viên Giác Thiền tự xin cảm niệm công đức toàn thể đại chúng và kính báo: Phật sự tôn tạo **Quan Âm Phật Đài** với tượng cao 19m đến nay đang được hoàn thiện. Và hiện nay bốn tự đang triển khai tiếp công trình **Tây phương lạc cảnh**, tôn trí 48 tôn tượng Đức A-di-đà, mỗi tượng cao 4,8m.

Kính mong quý Phật tử gần xa, tùy duyên góp phần công đức, tăng tạo phước điền. Kính nguyện mười phương chư Phật gia hộ quý Phật tử mọi sự được hanh thông, vạn sự an lành, thân tâm an lạc.

NAM-MÔ A-DI-ĐÀ-PHẬT

Sa-môn THÍCH GIÁC HIẾU
Trụ trì

Tác phẩm Cầu Long - đá mã não VN - cao 3.5m, nặng 5 tấn

Tác phẩm Lương Long - đá mã não VN - dài 2m, nặng 5 tấn

Sản phẩm đá quý của COASTAL GEMS được bán tại:
 Showroom COASTAL GEMS: 60 Nguyễn Hồng Đào, P.15, Q. Tân Bình, Tel: 0938849836 - 012 28986568
 Chuyên Trang trí, tượng Phật, Tủ thờ
 COASTAL GEMS - GEMSTONE FOR HOME DECORATION
 Website: www.coastalgems.com.vn

COASTAL GEMS
THE GIFTS FOR THE SOULS



Thích Ca lộ thiên



Niết-bàn lộ thiên



Xe hoa Phật đản



Thầy Bửu Đăng, Tri sự chùa Long Vân chủ trì hành lễ Vía A Di Đà



Hòa thượng
Viện chủ
và Đại đức
Tri sự chùa
Long Vân

CHỖN TRANG NGHIÊM giữa phố thị ồn ào

Bài và ảnh: PHÁP TUỆ

Chùa Long Vân tọa lạc số 125/72 Bùi Đình Túy, P.24, Q.Bình Thạnh, TP.HCM. Ngôi chùa nằm trên con đường nhỏ và cạnh một cái chợ tự phát ồn ào. Tuy nhiên, nếu bạn bước vào cổng tam quan thì chẳng khác nào Lưu Nguyễn nhập chốn thiên thai. Cái đẹp ngỡ ngàng về ngôi già lam giữa lòng phố thị là một không gian trầm lắng. Với lối kiến trúc đặc thù Nam Bộ, chỗ xa xa là đồi có xanh tươi, hồ Trạc Cầu tẩy trần cơn nóng bức.

Được biết, vào năm 1932 vợ chồng điền chủ Lê Văn Vang và bà Nguyễn Thị Hiếu cung tiến một mảnh đất rộng lớn cho Thiền sư Giai Minh kiến tạo già-lam. Ban đầu Long Vân tự là một thảo am bé nhỏ với tên Hòa Nhơn tự được bao bọc bởi một đầm lầy rộng lớn và hoang vu.

Năm 1952, Hòa thượng Thích Minh Thành (1894-1974) đổi tên Hòa Nhơn tự thành Long Vân tự. Sau khi Hòa

thượng Thích Minh Thành viên tịch, Hòa thượng Thích Minh Nhuận (Thành viên HĐCM GHPGVN) kế nhiệm trụ trì cho đến nay.

Năm 2006, Hòa thượng Thích Minh Nhuận triệu hồi Đại đức Thích Bửu Đăng (chùa Bửu Liên, P.25, Q.Bình Thạnh) nhận làm đệ tử Hòa thượng và trao quyền quản lý – điều hành chùa Long Vân, với chức danh là Tri sự chùa Long Vân. Kể từ thời gian ấy, Hòa thượng Thích Minh Nhuận dành hết thời gian còn lại tịnh tu và an dưỡng.

Tiếp nhận sự ủy thác của Hòa thượng tôn sư; năm 2007, Thầy Bửu Đăng tiến hành triển khai hàng loạt các công trình xây dựng, trùng tu, duy tu các hạng mục công trình, tiêu biểu như: xây toàn bộ tường thành bao quanh chùa; kiến tạo Thích-ca lộ thiên, Niết-bàn lộ thiên, Di-đà lộ thiên, điện Di-lặc, Quan Âm các, Già-lam đình...



Quan Âm các

Với xu hướng hồng pháp lợi sanh, mỗi năm chùa Long Vân tổ chức 4 đợt quy y vào các ngày lễ lớn trong năm, với mỗi đợt quy y từ 250 - 350 người. Tính tới thời điểm đăng ký quy y rằm tháng Tư năm Giáp Ngọ, danh sách quy y gần 2.500 người.

Để hoạt động hồng hóa các mô hình Phật sự, hằng năm, chùa Long Vân triển khai các lễ hội mang tính tâm vóc như: Lễ Khai đàn Dược sư cầu quốc thái dân an (mùng 10 tháng Giêng hàng năm); Lễ Vu lan, Tết Trung thu, Khánh đàn Phật A-di-đà (17/11 âm lịch) với tín đồ tham dự từ 600 - 800 người.

Với một già-lam rộng lớn và lượng Phật tử đông đảo, ngày 12/08/2012 Thầy Bửu Đăng quyết định thành lập Đạo tràng chùa Long Vân (với 7 chúng, mỗi chúng từ 25 - 30 người). Hiện nay, 7 chúng sinh hoạt đều đặn và tích cực tham gia các hoạt động Phật sự của bốn tự.

Với tâm nguyện thấp sáng ngọn đèn Chánh pháp với chất liệu từ bi của đạo Phật; gần 8 năm qua chùa Long Vân tham gia tích cực công tác phúc lợi địa phương như: Hỗ trợ kinh phí xây nhà tình thương do UBMTTQVN phường 24 phát động; hỗ trợ gạo cho 32 dân quân và bảo vệ khu phố; ủng hộ Trại tâm thần (Thủ Đức) và Trường khiếm thị Nguyễn Đình Chiểu; tiếp sức mùa thi cho Trường

ĐH Ngoại thương (năm 2013) và các công tác từ thiện do địa phương phát động phong trào. Ngoài ra, từ năm 2012 chùa Long Vân kết hợp với công ty Dược phẩm An Ba khám và phát thuốc miễn phí cho đồng bào địa phương.

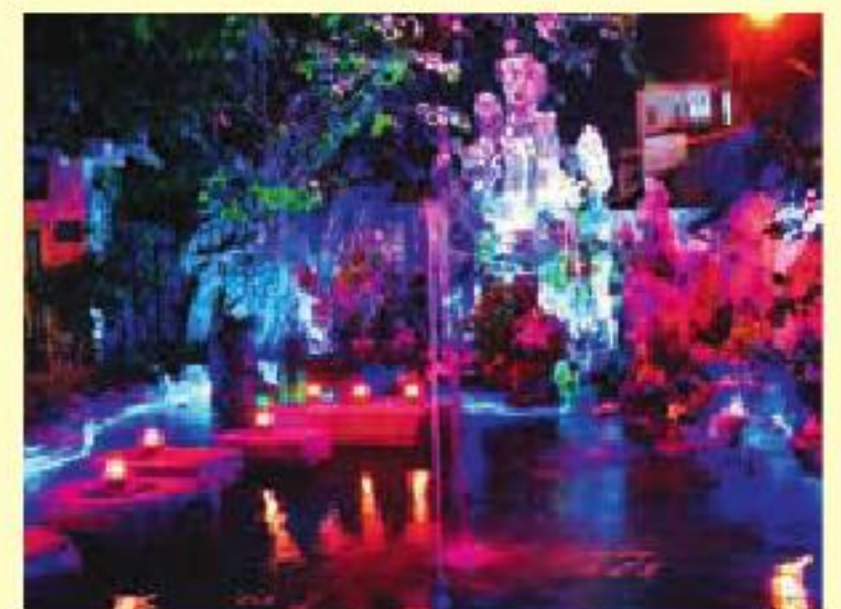
Từ một mảnh đất đầm lầy và hoang hóa, giờ đây là một thảm cỏ xanh với đàn chim ríu rít bên đồng lúa, chú mục đồng dưới triền đồi thoai sáo dưới Già-lam đình. Khi bình minh ló dạng, cổng tam quan rộng mở đón chào; người lặng lẽ ngồi bên tôn tượng Đức Phật Niết-bàn lộ thiên, người buông thư ngắm nhìn chú mục đồng lúc chiều tà... Hơn 80 năm hình thành và gần 8 năm thay màu sắc mới, giờ đây ngôi cổ tự tưởng khuất mình nơi hẻm nhỏ bỗng trở thành điểm tựa vững chãi về tâm linh của tín đồ Phật giáo địa phương.



Già-lam đình



Lễ hội Trăng rằm



Hòn non bộ



HT.Thích Trí Quảng, Phó Chủ tịch HĐTS trao tặng Bằng khen cho Ni sư Thích nữ Như Trí



Tặng quà cho bệnh nhân nghèo mổ mắt đỏ



Phát quà cho đồng bào nghèo vùng xa



Tặng quà ở Bệnh viện Tâm thần



Tặng quà BS.Trường khoa Tâm thần đặc biệt tại BV.Tâm thần Biên Hòa

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM CHÙA HÒA QUANG

Đ/C: 113 Lê Văn Chí, KP.3, P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP.HCM

ĐT: 083. 896 4452 - 0913 621 401

TỔNG KẾT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ

Quý I-2014 năm Giáp Ngọ

(Tổng kết: Quý I-2014 năm Giáp Ngọ, Phật sự là: 1.744.600.000đ)

Trong quá trình Phật sự, người con Phật không nên chỉ biết **giác ngộ** cho bản thân mình mà bỏ quên trong trách đối với mọi người nói riêng cùng tất cả chúng sanh nói chung “Hữu tình và vô tình”.

Đức Phật thuyết pháp vô lượng pháp môn, bởi vì chúng sanh có vô lượng bệnh. Do đó, người đệ tử Phật cũng phải tùy duyên thực hiện để cứu khổ độ sanh. Thế nên cơ cảm thiết thực lợi ích hiệu quả do Đức Phật chỉ dạy đó là pháp *phương tiện*, trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo của giáo lý Phật Đà, *tứ nhiếp pháp* được ứng dụng rất thuận duyên và thiện hạnh cho công tác Phật sự qua hình thức cũng như nội dung; đồng nghĩa với phương châm tốt đạo đẹp đời mà GHPG Việt Nam đã hướng dẫn cho Tăng Ni Phật tử thực hành Phật sự “*Hoằng pháp vi gia vụ, lợi sanh vi bản hoài*”.

TRONG QUÁ TRÌNH TU TẬP VÀ PHỤC VỤ PHẬT SỰ

Ni sư Thích nữ Như Trí – trụ trì chùa Hòa Quang, Q.Thủ Đức đã tùy duyên điều dụng để thực hiện công tác Phật sự hoằng pháp: “*Hoằng pháp vi gia vụ, lợi sanh vi sự nghiệp*”. Song hành với ý nghĩa cao cả ấy, Ni sư Thích nữ Như Trí kết hợp với các chùa để phục vụ hướng dẫn Phật tử có dịp tham gia từ thiện xã hội; đồng thời, tổ chức lịch trình thuyết giảng trong mỗi tuần Chủ nhật cho đạo tràng Pháp Hoa chùa Hòa Quang, lập đàn Dược Sư Thất Châu. Cung thỉnh HT thượng Tỳ hạ Phước chứng minh, chỉ đạo Phật sự và Ban Từ thiện xã hội. Theo lịch thuyết giảng của GHPGVN TP.HCM phân công Chủ nhật hàng tuần tại chùa Hòa Quang, Q.Thủ Đức (có *đăng lịch giảng hàng tuần trên báo Giác Ngộ*).

Chùa Hòa Quang kết hợp công tác từ thiện xã hội

Được sự quan tâm ủng hộ của các mạnh thường quân, kết hợp với tất cả toàn thể Phật tử thể hiện tinh thần tác phước gieo duyên, vun bồi công đức của Ni sư trụ trì chùa Hòa Quang. Với trách nhiệm của một Giảng sư Ban Hoằng pháp GHPGVN TP.HCM, Ni sư Như Trí đảm trách, tổ chức đạo tràng tụng mỗi đêm tại chùa Hòa Quang từ 19 giờ đến 21 giờ và hướng dẫn Phật tử phát tâm Bồ-đề xây dựng nhiều nhà tình thương, tình nghĩa, đi ủy lạo vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc ít người. Hòa mình cùng các bà con nghèo để xoa dịu những bất hạnh của trẻ em khuyết tật và người già neo đơn. Tuy về phương tiện vận chuyển và tài chánh, cũng còn hạn chế nhiều lúc rất khó khăn.

Qua những thành công trong Phật sự, thử thách không nhỏ với công tác truyền thông và phát hành báo Giác Ngộ do HT thượng Trí hạ Quảng, Phó Chủ tịch HĐTS - Tổng Biên tập Báo Giác Ngộ, ngài đã chỉ đạo cho Giảng sư Đoàn phân công phát hành hàng tuần, hàng tháng, hàng năm. Được phân bổ, Ni sư Như Trí đã phát hành những số báo Giác Ngộ thường xuyên trong các chuyến công tác Phật sự vùng sâu vùng xa.

THÀNH TÍCH PHẬT SỰ

Ni sư Thích nữ Như Trí và đạo tràng Phật tử đã đạt được những bằng khen, thư khen, giấy khen của phường, quận, thành phố; cũng như bằng khen của GHPGVN trong những năm qua và hiện nay. Đặc biệt, kỷ niệm 38 năm ngày thành lập Báo Giác Ngộ, Ni sư được HT thượng Trí hạ Quảng, Tổng Biên tập



Phái đoàn phát quà tại Phan Thiết và cúng dường thập tự



Hòa thượng chứng minh Đại lễ Trai tăng tại chùa Hòa Quang

Báo Giác Ngộ và BTS GHPGVN TP.HCM, BTS GHPGVN Q.Thủ Đức tặng bằng khen.

Để đáp ứng nguyện vọng kết hợp công tác Phật sự theo nhu cầu chung từ chư tôn đức và đông đảo các mạnh thường quân, Phật tử ở các chùa như: Chùa Long Đức, Gò Công Đông và chùa Long Quang, Gò Công Tây - Tiền Giang; chùa Bắc Sơn, Q.10 và chùa Phổ Minh, Q.Tân Bình - TP.HCM; chùa Hưng Sơn và chùa Đức Linh - An Giang; chùa Phổ Hiền, H.Trảng Bom - Đồng Nai.

Từ thiện xã hội

Quý I - 2014 năm Giáp Ngọ

1- Trợ cấp thường xuyên cho 45 người già neo đơn: mỗi ngày là: 200.000đ x 90 ngày = 18.000.000đ; 2- Tặng thẻ bảo hiểm y tế: Mỗi thẻ 621.000đ x 100 thẻ = 62.100.000đ; 3- Tặng học bổng cho trẻ khuyết tật: Mỗi suất học bổng 1.000.000đ x 30 suất = 30.000.000đ; Và phát xe lăn cho người khuyết tật: 2.200.000đ x 30 chiếc = 66.000.000đ; 4- Tặng học bổng cho học sinh nghèo hiếu học: mỗi suất 500.000đ x 90 suất = 5.000.000đ; 5- Nhân ngày khuyết tật Việt Nam tặng 80 suất quà trị giá: mỗi suất 250.000đ x 80 = 20.000.000đ; 6- Tặng quà cho đồng bào nghèo vùng sâu vùng xa: mỗi hộ 800.000đ x 30 hộ = 24.000.000đ; 7- Sửa chữa chống dột cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, mỗi căn nhà 700.000đ x 30 căn = 21.000.000đ; 8- Xây dựng nhà tình thương: mỗi căn 30.000.000đ x 5 căn = 150.000.000đ; 9- Đóng góp chương trình nhân đạo 2 đơn vị: "Chữ thập đỏ và Mặt trận Tổ quốc ở vùng cao", mỗi đơn vị 25.000.000đ x 2 = 50.000.000đ; 10- Góp phần sàng lọc mắt cho người nghèo: Bệnh viện Nguyễn Trãi, Q.1, TP.HCM, 30 phần quà = 7.500.000đ và 30 phần tiền mặt, mỗi phần 700.000đ x 30 = 21.000.000đ; 11- Phát quà từ thiện tại huyện Cờ Đỏ, Cần Thơ: 100 suất, mỗi suất 200.000đ x 100 suất = 20.000.000đ; 12- Phát quà đồng bào nghèo tại Bình Dương: 100 phần, mỗi phần 200.000đ x 100 phần = 20.000.000đ; 13- Phát quà tại Bình Phước, mỗi phần 200.000đ x 100 phần = 20.000.000đ; 14- Phát quà tại Bình Thuận, mỗi phần 200.000đ x 100 phần = 20.000.000đ; 15- Cúng dường thập tự: tại Ninh Thuận, Phan Rang = 90.000.000đ, tại Đắk Nông = 90.000.000đ và tại Đắk Lắk = 90.000.000đ; 16- In kinh ấn tống các đạo tràng

vùng cao vùng sâu vùng xa, và hướng dẫn phương pháp thọ trì: 4.000 bộ kinh x 130.000đ/bộ = 520.000.000đ; 17- Tổ chức pháp đàn Trai tăng và chẩn tế mỗi tháng một kỳ, mỗi kỳ 120.000.000đ x 3 tháng = 360.000.000đ.

Tổng kết: Quý I-2014 năm Giáp Ngọ, Phật sự là: 1.744.600.000đ (Một tỷ bảy trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng)

Nhằm tạo điều kiện cho quý Phật tử góp phần công đức, cúng kinh luật luận cho các tự viện và phát huy vai trò của người Phật tử tại gia. Thọ trì đọc tụng và phát Bồ-đề tâm ấn tống kinh sách gieo trồng căn lành thực hiện *tứ nhiếp pháp* qua lời dạy của Đức Phật và ứng dụng từ thiện xã hội. Chùa không những là nơi tu tập mà còn là nơi sưởi ấm tâm hồn quy hướng, không phân biệt già trẻ, gái trai, giàu nghèo hay khuyết tật.

*"Mái chùa che chở hồn dân tộc,
Nếp sống tu hành của tổ tiên"*

Chùa là nơi đón nhận những con người có tín ngưỡng tâm linh. Qua những nội quy tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn với các khóa tu tập, nhờ sự tổ chức khéo léo của Ban tổ chức đạo tràng chùa Hòa Quang.

Ni sư Như Trí, tạo duyên lành cho đại chúng, các mạnh thường quân và các nhà hảo tâm đều nhất tâm hướng về Tam bảo để xây tạo phước điền, vun bồi công đức, trong đó có: Thạc sĩ Đặng Hồng Hạnh (Nhà giáo Ưu tú), Chủ tịch HĐQT; Nguyễn Minh Hồng (Nhà giáo Ưu tú, Hiệu trưởng Trường Bách Việt và Ban Giám hiệu Trường PTTHCS Đông Dương); Nhà báo Phan Cát Tường; Chủ Doanh nghiệp Gia công Kinh doanh Vàng: Đỗ Thanh Danh, pháp danh (PD) Như Nhẫn và Lê Thị Thanh Đào, PD Như Nhẹ; cùng quý Phật tử: Nguyễn Văn Xuân, PD Như Thiên; Lê Thị Ba, PD Như Thời; Nguyễn Văn Xương, PD Như Thổ; Vũ Thị Hương, PD Như Định; Trần Thị Mười, PD Như Đạt; Nguyễn Thị Tuyên, PD Như Ngôn; Nguyễn Thị Hoa, PD Như Ngộ; Trịnh Thị Sửu, PD Như Tịnh; Nguyễn Thị Thiệu, PD Như Tâm; Nguyễn Thị Xanh, PD Như Hường; Lê Thị Thúy, PD Như Thảo; Nguyễn Hữu Tài, PD Như Bảo. Và toàn thể nam nữ Phật tử các đạo tràng xa gần phát tâm ủng hộ các công tác Phật sự chùa Hòa Quang quý I – 2014.

Mọi người hòa thuận chung tay góp sức

để xoa dịu những vết thương, hoàn cảnh khó khăn của những người bất hạnh trong cuộc đời. Đồng thời, gắn bó Phật sự, đem đạo vào đời cũng là mục đích chung của người con Phật, phát huy giá trị truyền thống "*Con Hồng, cháu Lạc*" nói chung và Phật Giáo Việt Nam nói riêng. Tất cả đều đặt trên nền tảng mang tính nhân văn, phát huy văn hóa dân tộc. Các chương trình văn hóa nghệ thuật, du lịch tâm linh, từ thiện xã hội của Ni sư Thích nữ Như Trí, viện chủ chùa Hòa Quang, Q.Thủ Đức và Ban Từ thiện xã hội đã đem lại lợi ích chung cho cộng đồng; mong rằng những công tác Phật sự này càng được nhân rộng hơn nữa.

Bài và ảnh: NHƯ ẮN



Lễ chẩn tế Trai đàn



Phát thương cho Ni chúng chùa Hòa Quang



Đoàn cải lương Thanh Nga trình diễn tại chùa Hòa Quang

Trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác

Nếu nhìn thấy trúc biếc, thấy hoa vàng, thấy trắng trong, thấy mây bạc... mà tâm không khởi niệm phân biệt đẹp xấu, khen chê... đó là chân. Chân ở ngoài hay ở trong?

Phổ Tâm

Ở phương Đông, từ lâu, cây trúc (hoặc tre) đã trở thành một trong những hình ảnh thân thuộc, mang đậm triết lý của bậc chính nhân quân tử.

Đã có rất nhiều loại tài liệu văn hóa, lịch sử, triết học, phong thủy... đề cập đến ý nghĩa của cây trúc (hoặc tre) không chỉ có tính năng bảo vệ môi trường, nó còn được ứng dụng trong phong thủy vừa kiêm cả tính nhu nhuyến, vừa khắc chế mạnh các loại tà khí. Đây cũng là một loại cây mang biểu tượng mạnh mẽ của sự trường thọ, tài lộc, sự sinh sôi nảy nở, sự kiên cường vượt qua mọi nghịch cảnh và khả năng chống chọi trong cuộc đời. Nếu như người thế gian đã đánh giá được giá trị của dòng họ tre trúc là như vậy, còn trong nhà Thiền loài cây này hàm chứa tính ẩn dụ về tính cách của những người học Phật chân chính. Đó sự tùy duyên mềm dẻo, có thể uốn mình theo chiều gió, chấp nhận sự nghịch duyên, bất như ý thử thách đạo tâm, tuy nhiên đến giai đoạn "trời yên bể lặng" thân cây tre trúc lại vút mình mình thẳng đứng hiên ngang giữa trời đất.

Hình ảnh của cây trúc, cây tre tùy duyên mà uyển chuyển, mềm dẻo đã từng được Hòa thượng Pháp sư Thích Trí Quảng, Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự kiêm Trưởng ban Phật giáo Quốc tế GHPGVN, lồng vào một số buổi thuyết pháp dành cho Phật tử Đạo tràng Pháp Hoa do ngài sáng lập.

Hòa thượng Trí Quảng từng dạy đồ chúng tại chùa Huệ Nghiêm 2, quận 2, TPHCM, rằng: "Hành giả trợ trì kinh Pháp Hoa phải biết vận dụng triết lý của cây trúc vào đời sống hằng ngày thì dễ tiến tu, đạo nghiệp ngày càng vững chắc hơn là việc thuộc lâu lâu kinh điển mà không tiêu hóa được những điều mình đã học.

Đối với những người Phật tử Việt Nam (xuất gia lẫn tục gia), hình ảnh cây tre, khóm trúc hàng ngàn năm qua đã trở nên thân thiết vô cùng. Chỉ cần nhắc tới chữ "trúc", những người con Phật lại nhớ đến sử tích Trúc Lâm tịnh xá – nơi Đức Từ Phụ Bổn Sư kiến lập đạo tràng an cư kiết hạ đầu tiên trong thành Vương Xá thuở xa xưa ở Ấn Độ. Còn tại Việt Nam, không chỉ có hàng Tăng ni, Phật tử, mà bất kỳ

người dân nào cũng biết đến Thiền phái Trúc Lâm do Sơ Tổ Diệu Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông sáng lập tại danh sơn Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh.

Trong nhà Thiền, hình ảnh cây trúc được các vị thiền sư ở Việt Nam, Trung Hoa, Nhật Bản, Hàn Quốc v.v. vận dụng để diễn đạt ý thiền trong rất nhiều ngữ cảnh nhằm khai tâm cho người đối cơ. Người đối cơ ở đây, đó là những vị đệ tử xuất gia hoặc tại gia, hoặc các vị vua quan đến tham vấn đạo lý.

Trong tập sách Thiền sư Việt Nam do Hòa thượng ân sư là Thiền sư Thích Thanh Từ biên soạn và giảng giải, có nhắc tới câu chuyện tham vấn đạo lý giữa Thiền Lão Thiền Sư (đời thứ 6 dòng Thiền Vô Ngôn Thông) và vua Lý Thái Tông.

Cuộc tham vấn đạo lý này có đoạn:

Khi vua hỏi: *Hòa Thượng đến tu núi này được bao lâu rồi?*

Sư đáp: *Đản tri kim nhật nguyệt*

Thủy thức cựu Xuân Thu

Dịch thơ: *Sống ngày nay biết ngày nay*

Còn Xuân Thu trước ai hay làm gì!

Vua lại hỏi: *Như vậy hằng ngày Hòa thượng làm việc gì?*

Sư đáp: *Thúy trúc hoàng hoa phi ngoại cảnh,*

Bạch vân minh nguyệt lộ toàn chân.

Dịch thơ: *Trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác,*

Trắng trong mây bạc hiện toàn chân.

Vua lại hỏi: *Có ý chỉ gì?*

Sư đáp: *Làm lời không ích về sau.*

Vua liền tỉnh ngộ.

Dưới đây là phần tóm lược của người viết bài này từ lời giảng giải Hòa thượng ân sư ở hai câu thơ dưới.

Vua hỏi: *"Hằng ngày Hòa thượng làm việc gì?"* Ngài đáp: *"Thúy trúc hoàng hoa phi ngoại cảnh, bạch vân minh nguyệt lộ toàn chân."* Hai câu này nghĩa lý rất thâm thúy, người nghe có khi hiểu nhưng hiểu không tường tận. Tại sao Ngài nói trúc biếc hoa vàng, không phải là cảnh nào ở bên ngoài khác và trắng trong mây bạc hiện toàn chân?

Hai câu này tôi có thể nói gọn là trúc biếc hoa vàng, trắng trong, mây bạc hiện toàn

chân. Vậy cái chân này là gì, hiện ở đâu? Đây là vấn đề phải nêu lên để quý vị lưu tâm. Chúng ta đừng nghĩ rằng Thiền sư nói như thế thì trúc là chân, hoa là chân, trắng là chân, mây là chân, tất cả những cái đó đều là chân thật hết. Trúc, hoa, trắng, mây là pháp hữu vi có hình tướng biến chuyển vô thường, làm sao chân được? Vậy cái gì là chân? Nếu nhìn thấy trúc biếc, thấy hoa vàng, thấy trắng trong, thấy mây bạc... mà tâm không khởi niệm phân biệt đẹp xấu khen chê... đó là chân. Chân ở ngoài hay ở trong? Nghe Ngài nói như vậy, đừng tưởng trúc là chân, hoa là chân, trắng là chân, mây là chân. Thật ra mấy cái này nó là nó, nó không tự nói nó chân hay vọng, chân vọng là do tâm người. Nếu tâm thanh tịnh sáng suốt thì thấy cái gì cũng chân thật. Nếu tâm khởi niệm loạn động thì thấy cái gì cũng biến thiên loạn động. Hai câu này nói lên tâm chân thật của Thiền sư hằng thanh tịnh bất động, nên nhìn cái gì cũng thấy chân thật hết. Hiện giờ chúng ta nhìn cái gì cũng thấy đổi dời biến chuyển là tại tâm chúng ta đang đổi dời biến chuyển.

Nếu tâm chưa dừng lặng thì không bao giờ thấy cảnh vật chân, nay thấy cảnh này đổi mai thấy cảnh kia dời, giống như thấy mây lúc hợp lúc tan. Như vậy cái chân trùm khắp muôn vật gốc từ tâm không bị niệm quá khứ vị lai chi phối, sống với tâm hiện tại thì thấy muôn vật đều chân. Quý vị đừng nghe nói: "Trắng trong mây bạc hiện toàn chân" rồi hiểu lầm, cho rằng tu một thời gian, thấy trắng, thấy mây là vật chân thật muôn đời. Thấy như vậy là phản lại chân lý Phật dạy.

Giai thoại nêu trên giữa Thiền Lão Thiền Sư và vua Lý Thái Tông mặc dù đã diễn ra cả ngàn năm qua, tuy nhiên mỗi lần đọc lại và quán chiếu thâm ý người học Phật ngày nay lại càng sáng ra. Cái sáng của người con Phật là thấy đúng lẽ thật với cái tâm vắng lặng, rỗng rang hoàn toàn. Để được cái tâm rỗng rang, vô niệm ấy hình ảnh cây tre, khóm trúc sẽ trở thành phương tiện quán chiếu trên bước đường tu học. Mượn vật khai tâm, chứ không phải chấp tâm, chấp vật, bị cảnh vật dẫn dắt đi lang thang, mất dấu.

HÌNH ẢNH TRÚC TRÊN ẤM TỬ SA

Những mẫu ấm trên thuộc thương hiệu
Ấm Tử Sa - Việt Phú Quý Thổ
Để biết thêm chi tiết, xin liên hệ:

Tường Nguyên: 0169 489 9309

www.amtusa.vn



Tác phẩm: TRÚC LINH ĐẾ LƯƠNG
Tác giả: DƯƠNG THỦY ĐỊNH
Dung tích: 200ml



PHÔNG CỔ - TRÚC PHÚC
Dung tích: 300ml



Dung tích: 100ml



Tác phẩm: TƯỚNG QUÂN
Tác giả: TRẦN VĂN TÀI
Dung tích: 150ml



Tác phẩm: TRÚC THƯ
Tác giả: VƯƠNG GIA
Dung tích: 275ml



Tác phẩm: BỐ TRÚC
Tác giả: TRẦN VĂN TÀI
Dung tích: 150ml



Tác phẩm: TRÚC TỬ PHƯƠNG
Tác giả:
Dung tích: 185ml



Tác phẩm: TĨNH TRÚC
PHÔNG CỔ - ẤM MÙI NIÊN
Dung tích: 160ml



Tác phẩm: TRÚC PHÚC ĐẾ LƯƠNG
Tác giả: TRẦN VĂN TÀI
Dung tích: 200ml



Tác phẩm: LAM TRÚC
Tác giả: GAO JING JI
Dung tích: 170ml



Hoa Tiên

CÔNG TY TNHH SX - TM HOA TIÊN

Duyên lành với nghệ thuật tượng

Bài & ảnh: NGUYỄN BÔNG



HT. Trí Đức khai quang điểm nhãn ở chùa



Thầy Trí Huệ khai quang điểm nhãn tại xưởng

Đến chiêm bái tôn tượng Thích Ca Phật đài ở chùa Long Sơn, tôi bất ngờ gặp lại Ngọc Mai. Mới ngày nào, hai đứa còn tuổi thanh xuân với nhiều ước mơ, nay đã bạc đầu. Thoáng chút bồi hồi, chúng tôi vui vẻ trao đổi chuyện đời, chuyện đạo và kinh nghiệm tu tập. Có nhân mời tôi đến thăm nhà ở gần chùa, không nỡ từ chối tôi theo về. Ngôi nhà rộng thoáng, bàn thờ Tam Thánh tỏa sáng gương mặt từ bi và vẻ đẹp trí tuệ của các tôn tượng, tôi bất giác khen ai khéo chọn. Có nhân cho biết là nhân chuyên đi du lịch hành hương về miền đất Phật (Ấn Độ-Nepal) do Công ty Du lịch Hoa Tiên tổ chức và khi trở về có duyên đến tham quan và thỉnh tượng ở xưởng sản xuất của Công ty Hoa Tiên, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, Bình Dương.

Tôi có thiện duyên đến thăm nhiều xưởng và viết về nghệ thuật điêu khắc gỗ - đá các pho tượng Phật, Bồ-tát... còn chế tác từ Polyresin thì đây là lần đầu. Sau khi gọi điện thoại (số có nhân đã cho), tôi được xe Công ty Hoa Tiên đến

đón, đưa về thăm xưởng ở Bình Dương. Anh Nguyễn Hữu Tín, Giám đốc, vui vẻ hướng dẫn tôi đi tham quan nhà xưởng. Anh Hữu Tín bộc bạch: Bắt đầu khởi nghiệp từ một cơ sở sản xuất nhỏ. Đến năm 2006, Công ty Hoa Tiên được thành lập, gồm có 3 anh em. Ban đầu công ty còn gặp rất nhiều khó khăn về sản phẩm và thị trường. Sau thời gian tìm hiểu và nghiên cứu, công ty bắt đầu chuyển sang sản xuất tượng Phật. Nhằm tạo ra những pho tượng đạt chuẩn từ hình dáng, màu sắc y phục, nét đẹp thanh nhã, chiều cảm lòng người khi lễ bái... Nhờ ơn Phật gia hộ, dần dần chúng tôi cũng sáng tạo và áp dụng thành công như ngày hôm nay. Khuôn viên nhà xưởng ban sơ 150m² nay đã mở rộng hơn 1.500m², với hơn 40 thợ lành nghề...

Với dây chuyền sản xuất liên hoàn từ: Khâu thiết kế, tạo mẫu, tạo khuôn sáp (đặc chủng), tạo sản phẩm thô, họa tiết, mạ, vẽ màu... Ưu điểm của các pho tượng làm bằng Polyresin là giá thành thấp hơn so với pho tượng bằng gỗ và đá, màu sắc và hình dáng đẹp, chế tác giống với nguyên